

PHỔ THÔNG

226

15-7-1969

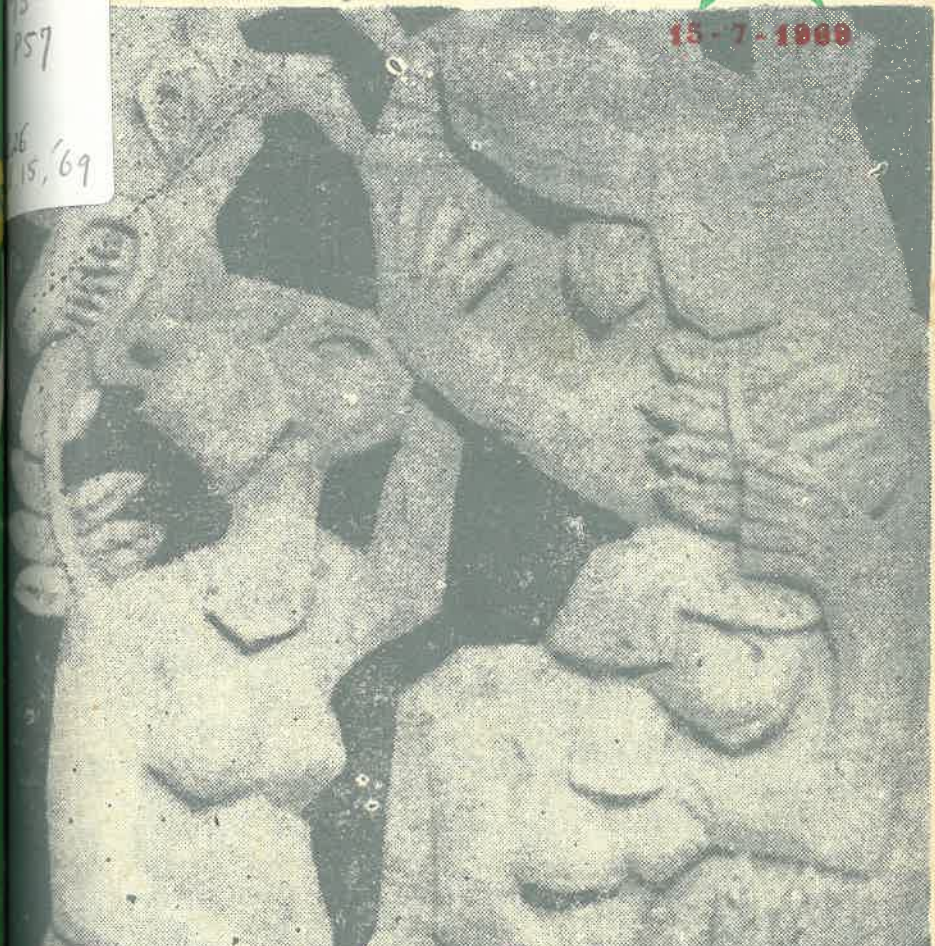
15
157
15, '69



NEUROTONIC

★ BỒI BỔ ÓC

★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ



Giờ nhàn

Tượng điêu khắc trên đá nhân tạo của

NGUYỄN-VĂN-NGÂN

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XAY DUNG VAN HOA VIETNAM
PHO BIEN VAN HOA DONG TAY KIM CO

Giám-đốc, Chủ bút ; Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn . 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigo — ĐT 25861

Năm thứ XI — số 226 — 15-7-1969

1 — 3 bức tâm thư	N.V.	5 — 10
2 — Những sự thật về Trà-hoa-Nữ (t.1)	Phạm.văn-Sơn	11 — 19
3 — Bài nói chuyện của Giáo sư Hoàng-Ngọc-Cần		20 — 29
4 — Non nước Việt Nam	Thân-Tri.Thiện	30 — 37
5 — Thế giới mong mệnh của loài vật Tiu-Khanh		38 — 46
6 — Giữa biển phương trời (thơ) Nhật-huyền.Thanh		47
7 — Đứa con thứ 13 của Đức Phật Lê-Hương		48 — 55
8 — Phép lạ Yogi	Cao-nguyên-Lang	56 — 61
9 — Hồ xuân Hương	N.V.	62 — 67
10 — Những lối điều tra thuở xưa của Bao Công Lý-minh.Thắng		68 — 76
11 — Một chiều mưa	Phạm-ngọc-vị-Quang	77
12 — Siuh khí văn nghệ		78 — 89
13 — Paris dưới mắt một du khách N.V. Trương-thế-Phiên		90 — 97

14 — Bàn đọc viết	97 — 103
15 — Trao về nữ sĩ Tường Phở Nha-Trang (thơ)	N.V 104
16 — Trận đánh đồn Mang Cá	Vương đức-Hà 105 — 111
17 — Phiên gác đêm đầu tiên tại Quân trường	Ngọc-Tuyền 112 — 115
18 — Thơ	116
19 — Sách báo mới	117 — 119
20 — Đáp bạn 4 phương	120 — 122
22 — Đại sứ Annam Mạc-dĩnh-Cht	124 — 127

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đáng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỒ-THÔNG** nhưng yêu cầu đề xuất-xử: «Trích tạp-chí **PHỒ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỒ-THÔNG**, printed in Viet-Nam.

Tổng phát hành **PHỒ-THÔNG** toàn-quốc :
ĐỒNG NAI 270 Đà-Phạm — Saigon

- Tổng-phát-hành **PHỒ-THÔNG** ở Âu-Châu và Phi-châu
- Note représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa — Africa
LONG-HIỆP
13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Ve
(Vente — abonnements — Publicité)

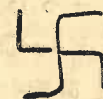
3 bức Tâm-Thư

gởi
các vị «**Lãnh-đạo**»

PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM



của Tâm Trí **NGUYỄN VỸ** và
Nhóm Phật tử VN và Hải Ngoại.



✱ **Thư số 1.**

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thưa quý Thầy,

Chúng tôi công bố 3 bức tâm thư này với 3 mục đích rõ rệt :

1 — Đề đạo đạt dư luận đúng đắn của **Quảng đại Phật giáo**-đồ thuần túy ở trong **Nước và Hải ngoại**, đau đớn và lo ngại trước hiện trạng Phật giáo Việt Nam mỗi ngày mỗi suy sụp, đổ nát, đến mức độ tai hại vô cùng.

2.— Đề tìm biện pháp tăng cường **Tin ngưỡng** của Phật tử, chúng sinh, và bảo vệ **uy tín** của Phật giáo đối với các Tôn giáo bạn, với toàn thể Nhân dân, với dư luận Quốc tế.

3.— Đề cầu khẩn qui vị **Hòa Thượng Cao tăng**, qui vị **Chơn tu**, đức độ cao minh, gấp rút cứu nguy **Đạo pháp**.

Không cần bưng bít hèn nhát, đối quanh chằng che đậy được gì, chúng tôi xin thẳng thắn xác nhận sự thật phũ phàng và chua chát mà hầu hết đồng bào trong Nước và Đồng bào Phật tử ở quốc ngoại đều đã dư biết, là Phật giáo Việt Nam ngày nay đang xuống dốc trầm trọng, càng ngày càng mất hết uy tín, do chính một thiểu số gian tăng chủ trương phá hoại, trong thời Mặt Phấp. Đám thiểu số gian tăng ấy bị cam dỗ bởi các loại **Quý sư**, **Ma vương**, do chiến tranh và xã hội thối nát hiện đại để tự do thao túng : **Ma Tham-làm**, **Ma Sân-sĩ**, **Ma Kiêu-cửu** — **Tự-phụ**, **ma Danh lợi**, **Ma Dolla**, **Ma Dâm-đàng**, **Ma Rượu Thối**, **Ma Đọt-Sóng-Mối**, **Ma Hippy**, **Ma Bụi-đời**, **Ma**

Sexy, **Ma Gái**. Một đám thiểu số gian tăng, ác tăng, một đám thiểu số «**Thượng tọa**», «**Đại đức**», yêu linh quỷ quái ấy, đã đua nhau xuất hiện từ ba bốn năm nay, phá hoại Thiên Môn, phẫn bội Phật, chà đạp Pháp, khinh rẻ Tăng, lợi dụng Phật tử, lừa dối chúng sanh.

Một số Cao Tăng còn lẩn tại ở rải rác khắp nơi, các vị Chơn Tu cao đức đức độ đang cố gắng khôi phục lại uy tín của Phật giáo. Đại đa số Phật tử nhân chính đang tìm cách bảo vệ Tín Ngưỡng của mình. Nhưng thực trạng Phật giáo Việt Nam vẫn cứ mỗi ngày thêm bi đát. Phật giáo đã mất địa vị tôn kinh uy nghiêm đã có từ nghìn xưa. Vì sao ? — Vì đám gian tăng càng ngày càng nhiều, càng tiếp tục phá hoại Thiên môn, chà dẫm giới luật của Phật. Chúng có những tác phong bất chánh, ngôn ngữ dâm-loạn, tư tưởng mê muội, lợi lỗi lộng hành. Hoặc có những kẻ giả danh «**Đạo pháp**», «**Dân tộc**», gây tình thần hoang mang, nghi ngờ, r i loạn trong quần đại tín đồ. Mâu thuẫn sâu sắc nội bộ, chửi bới, căm thù, phi báng lẫn nhau trong giới «**lãnh đạo**» **Tỳ Khưu man-xưng** «**tự giác, giác tha**» !

1963, Phật giáo bị gia đình nhà Ngô đàn áp, quý vị Tăng Ni đứng lên tranh đấu dũng cảm, hy sinh vì Đạo, chết vì Đạo, thì toàn thể đồng bào nhiệt liệt ủng hộ quý Thầy. Thế giới kính phục quý Thầy. Quân đội vàng dấy đáp nát chế độ tàn bạo, phi nhân phi nghĩa, để cứu nguy Đạo pháp và Dân tộc. Uy tín của Phật giáo và của Chư Tăng Ni chói lọi như hào quang rực rỡ. Tín ngưỡng của Nhân dân và của Đồng bào Phật tử cũng tăng lên cao độ, dưới Ánh Đạo Vàng.

Nếu, từ giờ phút Phục Hưng lăm liết đó, quý Thầy ra công hướng dẫn mười triệu tín đồ trên đường Bát-Chính-Đạo của Đấng Cha Lành, với bao nhiêu tiện nghi để phát triển Đạo Từ-Bi trong quảng đại chúng sanh, thì Phật giáo Việt Nam ngày nay mạnh mẽ xiết bao, vẻ vang xiết bao ! Lực Lượng Phật giáo không gươm không súng, nhưng sẵn sàng hy sinh vì Đạo, chết vì Đạo, sẽ luôn luôn là một thử thách vĩ đại phi thường trước mặt Thế giới, đối với bất cứ một sức phá hoại nào, một ma lực nào, một bạo chúa nào.

Đáng lẽ quý Thầy thường xuyên đem giáo lý cao siêu của Đấng Chí-Tôn ra gác ngõ nhân dân, để đánh tan những phong trào vật chất của tư bản thối nát, để thanh niên tránh khỏi mê lầm vì các tà thuyết ngoại lai, «hiện sinh», Đợt Sóng Mới, Hippie, kích động nhạc, Sexy, đầu độc tuổi trẻ, giết chết nhuệ khí tinh thần của nhân dân, trụy lạc tinh thần Dân tộc.

Đáng lẽ, quý Thầy liên kết chặt chẽ thành một hệ thống lãnh đạo gương mẫu, như hiện thân các vị Bồ-Tát, để cho muôn ức triệu Tín đồ quý mọp xuống mà ngưỡng mặt lên tôn kính noi gương quý Thầy. Đáng lẽ quý Thầy giảng dạy hằng ngày cho Phật giáo đồ Đạo Pháp nhiệm mầu của Đấng Từ-Bi, để thực hiện công bằng xã hội của Phật, chánh sách hòa bình nhân đạo của Phật, hành vi, hướng thiện của Phật, tư tưởng bình đẳng, bác-ái của Phật. Chắc chắn không còn chính trị nào cao hơn chính trị công minh của Phật.

Đáng lẽ, quý Thầy cũng mở thật nhiều trường Trung Tiểu học khắp các tỉnh, các quận, các làng, để diu dắt thanh thiếu niên, nhiều Phật học đường để đào tạo những thế

hệ tăng ni đầy đủ tư cách, đúng theo Đạo pháp, với một trình độ học vấn tiến bộ, để sau này kế tiếp quý Thầy mà truyền bá Phật pháp cho hậu lai.

Than ôi, than vì những nhiệm vụ thiêng liêng cao quý đó, quý Thầy chỉ lo xâu xé hận thù nhau trong nội bộ. Quý thầy đặt ra «giáo hội Phật giáo thống nhất» để sân si chia rẽ thành hai «giáo hội Phật giáo thống nhất» một «Viện Hóa Đạo» thành hai «Viện Hóa Đạo». Một số chư tăng lại «hãy ra «tranh đấu», «tuyệt thực», «xuống đường», chuẩn bị «kế hoạch» để rồi kẻ mang thân đi ở tù, người ngời chùa thủ thế. Còn gì là uy tín của Phật giáo ? Một bọn «tri thức» bất tài, háo danh vụ lợi, cả nam lẫn nữ, từ trong đám bùn lầy dành hơi xói thịt, hăng hái nhảy ra tự xưng «Phật tử», «chánh khách» để tuyên bố, đả đảo, hoan hô, làm «hậu thuẫn» quý thầy. Nhưng bị đồng bào Phật tử chán ghét vì biết rõ mặt nạ ghê tởm của chúng, và thấy không kiếm chút được gì chúng vội vàng rút lui trở vô đám bùn lầy trường giả, đầu cơ liên hiệp, Hòa bình !.

Chúng quên rằng : 1963, Lực Lượng Phật giáo đã vùng lên mạnh thật, ghê gớm thật, oai hùng thật, nhưng 1969 quý thầy «lãnh đạo» đã giết chết lực lượng đó từ khuya rồi. Ngày nay, quý thầy đã thân nhiên ngự trị trong phòng Tu có máy lạnh, có Ti.vi, có đầy đủ tiện nghi Khoa học tối tân của Mỹ, quý thầy đi xe hơi tư bản, quý Thầy làm các nghề tự do, hối bạc triệu, bạc tỷ, quý Thầy sống đời đế vương, có các Nữ đệ tử giàu sang hầu hạ. Thưa quý Thầy, tin đồn chúng tôi còn mong tin tưởng vào ai «tế độ»? Chúng tôi chỉ thương xót đám học tăng, sa đi, céc chủ điệu thơ ngày của quý Thầy bị bỏ bở vợ, lạc lỏng, trên

đường tu học, chẳng ai hướng dẫn. Quý Thầy đã bỏ rơi Phật, bỏ rơi Pháp, bỏ rơi Tăng. Còn tin đồ chúng tôi thì ăn thua gì.

Nhiều dư luận trong nước và ngoài quốc nghi ngờ rằng quý Thầy thân Cộng, la tay sai của Cộng sản, hoặc là đồng lõa liên minh với Cộng sản.

Riêng chúng tôi không tin như vậy, vì quý Thầy hôm nay là những nhà Đại tư bản, đại phong kiến, làm sao liên minh với « vô sản » được? Chẳng qua dư luận không hiểu phương pháp tu hành quá cao siêu của quý Thầy, nên vu khống cho quý Thầy, đó thôi.

Nhưng quan đẽm chính trị gát ra một bên, và lại Đạo Phật thuần túy của chúng tôi không thể chấp nhận Cộng sản vì Lenin đã dạy cho Cộng sản: « Tôn giáo là thuốc phiện đầu độc nhân dân ».

Chúng tôi chỉ đứng trên lãnh vực Phật giáo chân chính, thuần túy, để xin quý Thầy dạy bảo cho việc tu hành, giác ngộ, cho khỏi mê lầm.

Kết luận bức tâm thư số 1 này, chúng tôi xin Quý thầy chỉ giao cho hai điều:

1) — Phật giáo Việt Nam ngày nay, dưới sự lãnh đạo của quý Thầy, sẽ đưa Dân tộc Việt Nam và tín đồ Phật giáo đi đến đâu?

2) — Chúa Jesus Christ xưa cầm roi xưa đuổi bọn Pharisaiens phản Chúa ở chật trong Đền. Nay nếu có bọn Devadatta phản Phật, phản Pháp, phản Tăng, thì nên xua đuổi chúng ra khỏi Nhà Phật bằng cách nào, để cứu Phật cứu Pháp, cứu tăng, cứu cả chúng sinh?

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Phật Lịch 2513

Việt Lịch 4848, Kỷ-nguyên Rồng-Vàng

**Những
sự thật về**

TRÀ HOA-NỮ

của A. DUMAS FILS

● P'AM-VĂN-SƠN

(La Dame aux Camélias)

(Tiếp theo P.T. số 225)

RỒI ngày ly biệt...

Việc phải đến đã dần đến.

Alexandre Dumas con, như ta biết không được rộng rãi lắm về tiền bạc tuy là một phong lưu công tử. Chẳng đã mắc nợ tới một năm chục ngàn quan từ ngày dạm dúi với Marie. Trong một bức thư gửi cho Cuviller Fleury chàng đã tiết lộ như vậy. Tuy nhiên chàng vẫn nghĩ rằng tình của Marie còn đáng mấy mươi, số tiền đó có nghĩa gì bởi có phải vì tiền bạc mà Marie yêu Dumas đâu. Quả thực là nàng không bao giờ đề ý đến vấn đề này, còn Dumas mỗi khi đưa nàng đi cao lâu, tửu quán, hí trường, mượn xe rất lịch sự

mời nàng đi ngoạn cảnh không bao giờ nghĩ đến việc phải vay công ăn nợ. Việc phải tiêu thì cứ tiêu rồi chẳng xoay qua việc đánh bạc để có tiền mà tiêu, mà đánh bạc thì có khi thua khi được. Muốn sao cũng phải gắng rồi tới đâu hay tới đó.

Nhưng chàng rất hòa ghen với hai gã Contades, Perregaux và ít người khác đã lần la đến với Marie mà chàng đang yêu một cách say đắm... Tuy nhiên cho tới ngày chàng phải dứt đoạn tình duyên với Marie vẫn không phải là do chuyện chia sẻ ái ân với kẻ khác mà vì tiền bạc để chi tiêu cho nàng mỗi ngày một khó khăn.

Gần đến tháng 7, chàng đã ít gặp Marie — Nàng hiểu vì sao rồi và đã viết thư cho chàng :

«Anh Dumas thân mến, sao không cho em biết tin tức về anh, cứ thật tình cho biết mọi sự, sao lại im lìm như vậy? Em nghĩ anh phải coi em là người bạn mãi mãi chứ. Mong thư anh.»

Bức thư này cho chúng ta hay trên con đường tình ái giữa Dumas và Marie, kẻ rút lui chính là Dumas. Những người ngoại cuộc còn nói rằng có lần chính Marie đề nghị làm hôn thú và hôn lễ với Dumas nữa, rồi đi sống chung với nhau ở Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha và Dumas đã từ chối. Vì sao? Vì sống như vợ với chồng thì tiền đâu?

Ngày 30 tháng 8-1845, Dumas đã viết một bức thư để vĩnh biệt Marie đầy bi phẫn như sau :

«Marie thân mến,

Anh thật không đủ giàu để có thể yêu em như lòng anh muốn và cũng không đủ nghèo để được

em yêu như em muốn. Vậy cả hai ta đều quên nhau đi là hơn. Em đừng nhớ đến một cái tên đã phai mờ, anh cũng phải quên một hạnh phúc không còn thể với được.

Nói ra làm gì cho vô ích rằng anh rất đau buồn bởi vì em đã thừa biết anh yêu em đến mức nào. Vĩnh biệt nhé! lòng em hiểu rõ tại sao anh viết thư này và trí em cũng thừa thông minh để có thể tha thứ cho anh.

«Với em, kỷ niệm vô vàn khôn quên!

«A.D.»

Như ta thấy (trước hai vấn đề Ái tình và Danh dự Dumas đã lựa chọn «Danh dự» bởi chàng xét không thể cung phụng cho người yêu đầy đủ và yêu nhau như vậy chẳng là phụ nhau lắm sao? Marie cần vui nhiều để sống, để quên bệnh hoạn và càng bệnh hoạn nhiều Marie càng sống vội vã như nàng đã bày tỏ cùng chàng ngay từ phút gặp gỡ đầu tiên.

Sau này người theo đuổi nàng

cưỡi cùng là Bá tước Tdouart Perregaux. Perregaux cũng yêu nàng một cách mê mẩn rồi hai người cử hành hôn lễ ở Luân đôn vào ngày 21-2-1847. Nàng đối với chồng cũng tỏ ra rất ân cần nhưng hai bên ít gặp nhau. Họ viết thư cho nhau nhiều hơn cho tới ngày Marie tạ thế. Có lẽ tình trạng sức khỏe mỗi ngày một suy sụp thêm, nên họ không thể gần gũi nhau nhiều. Người ta nói lúc này với Perregaux, nàng tuy là vợ nhưng có chồng cũng như không, cho tới vài tuần chót của đời nàng, nàng còn vương vít vào một cuộc tình duyên ngắn ngủi với nhạc sĩ Liszt đẹp gần như thiên thần nhưng mặt trắng xanh kỳ lạ. Liszt trước đó đã gắn bó với bà Bá tước d'Agoult. Bà này đã hy sinh hết thảy để theo chàng nghệ sĩ.

Marie gặp chàng ở Hội viện Ambigu giữa lúc Liszt đang thảo luận sôi nổi với Jules Janin về vở tuồng. Jules Janin, bấy giờ là một nhà phê bình chuyên môn về các tuồng kịch, Marie chăm chú nhìn chàng, chàng liền hỏi bạn.

— Này Janin người thiếu phụ rất xinh kia đang nhìn tôi là ai nhỉ?

— Anh không biết à? Cô Duplessis, à nữ bá-tước Duplessis hoa-hậu của các hý-trường, từ-quán đấy!

Ngày hôm sau Bác sĩ Koreff đến coi mạch cho Marie, nàng hỏi ông có quen Liszt không. Ông trả lời:

— Biết, biết lắm chứ!

Và trong khi Marie còn hỏi thêm về người nghệ sĩ, Koreff tiếp lời và mỉm cười bảo Marie rằng:

— Liszt đã có sự may đặc biệt được lọt vào mắt của cô thì tôi phải ghi tên chàng ta vào toa thuốc ngày hôm nay...

Hai ngày sau Bác sĩ Koreff đã dẫn Liszt đến giới thiệu Marie vào một tối Marie bạn bè trong đó có cả bè bạn của nàng Clémence Prat — Diện đối diện Marie và Liszt thấy vô cùng sung sướng.

Một tia lửa như bùng lên trong cặp mắt xanh của Liszt và trong cặp mắt đen thăm thẳm của Marie. Rồi kbách khứa ra về dần vào 2 giờ sáng kể cả Bác sĩ Koreoff. Liszt ngồi vào ghế trước Dương cầm dạo đàn. Bất thình lình Marie kéo đầu chàng ngả về phía sau, đặt một chiếc hôn say đắm...

Họ bàn nhau đi Constantinople Marie vỗ tay mừng rỡ như đứa trẻ thơ. Một hôm chàng tới với những quyển hình (albums) về phong cảnh Đông phương, các người đi trên bãi sa mạc, các con lạc đà quỳ dưới bóng mát của các cây lá gồi (palmier), những người Ả rập và da đen, những tu viện chìm trong các rừng hồng. . Nàng đã tưởng tượng như đã cùng chàng tới các miền này, cũng mặc y phục như người Thổ nhĩ Kỳ rồi cặp mắt đen (phần duy nhất người ta thấy trên mặt kiều nữ) đã chăm chú đặt lên người Liszt không muốn rời.

Chàng tỉnh phải giải quyết xong mọi việc ở Weimar, đi dạo đàn đủ nơi đã giao ước rồi sẽ cùng nàng

đến Kinh thành Pesth là nơi thuộc Cận Đông. Tam thời chàng và nàng chia tay. Phút tạm biệt có vẻ nao nề Marie cố gượng cười. Chàng đi. Nàng đứng bên song cửa nhìn bóng chàng khuất, một bóng dáng tuy lớn nhưng thanh bai rồi bóng đó biến vào góc phố...

Nhưng chia tay đâu có ngờ là vĩnh-biệt. Chicz bay đi rồi, hoa rụng xuống, Định mệnh thực-hiện rất ít những mơ-ước của con người. Marie trở lại, họ liên tiếp từng hồi khiến nàng mệt là có khi như ngộp thở, có khi hốt-bên. Máu theo nước dãi chảy ra, có khi đóng cục làm đỏ cả chiếc khăn mũi. Nàng hoảng-sợ cho đón Bác-Sĩ Koreoff tới Ông thầy thuốc này vẫn chỉ có mấy thứ thuốc cũ mà thôi, chẳng giúp ích được gì hơn; nàng cho vời giáo sư Loris, Bác sĩ Manec de la Salpêtrière, Bác sĩ Chomel ngự-y, Bác-sĩ Duvaline.

Theo thầy thuốc, nàng không được ra ngoài trước khi mặt trời lên cao, nghĩa là vào buổi trưa hoặc nếu không có trời nắng, nàng

cần kiêng cả nói lớn, nói nhiều. Nhưng nàng không nghe lời chỉ dẫn và đáng lẽ phải nằm nhà và mặc dầu nàng bị nóng lạnh ít nhiều ràng vẫn tiếp tục đi coi hát đi dự khiêu vũ, đi các trà đình... Trở về nàng như muốn dứt hơi, người đi lao đảo. Có khi nàng đi xe ngựa vào rừng, lẫn vào các dạng cây, đập lên lá úa rồi lại lên xe ngựa trở lại các đại lộ một người có khi ngắt trên nệm xe. Rồi ngày cuối cùng của nàng đã tới, lòng ham sống không đánh bại được tử thần và cũng vào những ngày cuối cùng này nàng còn được sự nâng đỡ của một khách hào hoa Bá tước Pierre de Castellante. Ông này cũng đã là một khách đa tình của nàng trước đây đã từng ngày ngắt về cái bộ thanh lịch của nàng. Ông ta đã trì hoãn cho nàng nhiều bọn khách nợ đến eo sèo và đã bỏ tiền riêng của mình trang trải được vài hoá đơn cho người đẹp. Chính với ông, Marie xuất hiện lần chót đời nàng tại Hý Viện Hoàng gia (Palais Royal) để coi trình diễn vở Le poudre de coton. Đêm đó nàng nhỏ đầu ra khỏi

chiếc khăn choàng đầu lông cáo, cười với các bạn quen trong rạp. Một khán giả đã phê bình nàng không còn là một phụ nữ nữa là một cái bóng phụ nữ, một cái gì mờ ảo, trắng xóa lung linh như trong mộng.

Vào đầu năm 1847, sức khỏe của nàng xuống giốc mau lẹ, cơn nóng lạnh rày vò nàng hàng giờ. Đôi khi nàng cố lê ra cửa sổ đứng nhìn tuyết phủ phố phường và vỉa hè. Nàng đi đến bàn giấy cố viết một vài cái thư cho ít tiệm buôn nhưng có lần viết không hết, chị hầu gái phải viết tiếp hộ. Nàng Clémence Prat mang cảm cho nàng vài món nữ trang để có tiền chi dụng. Suốt ngày nàng nằm trên giường hoặc trên chiếc ghế không buồn nhúc nhích. Con chó Tom cũng quanh quẩn gần gần, nó liếm tay nàng và rên rĩ. Nàng vuốt ve nó nhẹ nhàng. Đêm tới nàng không ngủ được, lúc nào cũng mơ mơ màng màng, khi tỉnh khi mê.

Bác sĩ Duvaline vẫn đi lại trông nom nàng, cầm tay coi

mạch, nói chuyện mùa xuân hoa cỏ để giải khuây cho nàng. Còn nàng, nínng cổ háms vú lấy hy vọng để sống, nói chuyện về các kiểu ăn mặc, phục sức trang điểm cho hợp với mỗi mùa có lẽ để quên nghĩ đến cái chết đang kề sát vách và lòng ham sống của nàng còn mạnh.

Castellante lúc này đã qua Phi Châu vẫn có thư về cho nàng làm nàng tưởng đến các cây cọ xộc, các lều trên sa mạc, các thú thuộc tốt cho sức khỏe của nàng.

Perregaux mà nàng đã sua đuổi một lần trước đây cũng tới nài nỉ mãi với chị hầu Clotilde để được thăm nàng giữa lúc nàng ngủ. Chàng trông nàng rồi òa khóc.

Chị hầu nói riêng với chàng.

— Các bác sĩ chê cô chủ rồi, ông ơi, chắc không còn bao lâu nữa đâu.

Ngày 1 tháng 2 vào buổi sáng Marie lại bị ho sặc sụa trở lại và không nói được nữa. Bác sĩ Duvaine trích lấy máu ra.

Nàng lại nói được nhưng chỉ nói rất nhỏ. Bác sĩ khuyên nàng gặp Linh Mục, nàng chịu liền, sau đó người ta đến Saint — Roch tìm được một thầy cả. Nàng bảo Clotilde mở tủ áo chỉ cho chị lấy chiếc mũ, một áo sơ mi dài đầy dentelle. Nàng nói :

— Tôi sắp chết rồi, mặc cái đồ đó cho tôi nhé.

Clotilde ràn rụa nước mắt làm theo lời, sau đó nàng được xưng tội với thầy cả. Công việc này chu tất, thầy cả ra nói Clotilde rằng :

— Bà Bá trước khi sống là một kẻ nhiều tội lỗi, nhưng khi chết đi lại là kẻ có rất nhiều đức công giáo. Rồi ông bước ra một lúc thì trở lại mang theo một chú nhỏ. Chú này cầm một cây thánh giá theo

TELMIN
TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM * NGON * NGỌT

người giúp lễ đi trước để báo Chúa đã đến với kẻ đang hấp hối. Clotilde quỳ xuống. Vị linh mục sức dầu lên tay chân và trán của Marie rồi đọc một bài kinh ngắn.

Một giờ sau Marie mê đi, thỉnh thoảng tỉnh chút ít rồi lại mê luôn. Ngày hôm sau nàng còn nhận ra được Perregaux, nàng hôn hôn:

— À, anh đây à, anh đến thăm em ư ? Từ già anh mãi mãi nhé ! Em đi đây.

Nói xong lại mê luôn và hôm sau nữa nàng tắt hơi thở cuối cùng. Théophile Gautier viết rằng : Bà ngày liền trước khi Marie tạ thế, nàng thấy chẳng còn bao lâu nữa gần đất xa trời, nàng như muốn cố đứng lại trước vực thẳm của thần chết mà ai ai chúng ta cũng phải rớt xuống chỉ có sớm với muộn, nàng nắm chặt lấy tay người ngồi cạnh nàng bên giường. Nàng không bao giờ chịu buông ra vậy mà nàng phải buông một lần; đó là lần thần chết đến rước nàng đi. Cố gắng với một nỗ lực của tuổi trẻ, lùi lại trước sự phá

hoại, nàng vùng dậy, đứng thẳng lên, kêu lên ba tiếng rồi té xuống trong bộ y phục mặc sẵn để chết.

Bác sĩ Duvaine khóc.

Sau khi đội chiếc mũ Alecon mà nàng đã đội trong khi sắp hấp hối, người ta phủ hoa Trà đầy giường nàng và hai tay nàng nắm cây thánh giá.

Được báo tin, Perregaux vội đến ngắm vợ mình chết hồi lâu và suyt té xỉu. Romain Vienne người bạn đồng hương của Marie được phép cắt một miếng tóc đen trên trán nàng.

Cái chết của Marie Dup'essis thường đó là một biến cố trong thành phố Ba Lê, một thành phố gồm những tao nhân mặc khách, những lớp người tài hoa son tề

MIDOL
TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CŨM

nhưng cái đức tính phổ thông của những người này vẫn là sự chống quần giữa hai ly rượu mạnh sau một điệu si gà. Vậy mà đối với nàng Duplessis họ đã có sự thán tiếc sôi nổi. Điều này được chứng tỏ trong một cuộc bán đấu giá những di vật của người đẹp xấu số ba ngày sau nàng xuống mồ. Đó là ngày 24-2 năm ấy, cách ba tuần.

Nhiều người xô nhau tìm đến nhà như đến ngửi những hương thừa còn lại trong cái không khí hào hoa phóng túng của phầng phát nơi người đẹp. Người ta nhận thấy một số quý tộc ở St Germain, Chaussée d'Antin, những nghệ sĩ, Văn nhân, những nhà buôn, nhiều bà lương thiện.

Đem ra bán là tất cả vật dụng hàng ngày của nàng Marie từ vàng ngọc, các đồ chơi bàn ghế tủ, quần áo toàn là những thứ rất lịch sự quý giá, cuối cùng là cả tấm vải trải giường của nàng khi nàng chết. Chính Alexandre Dumas con đã tới chuộc lại chiếc

vòng ngọc đã lặng cho nàng trước đây. Trong thời gian tình duyên dứt đoạn Dumas đã cùng cha qua Tây Ban Nha và Algérie chàng vẫn theo dõi sức khỏe của nàng và biết nàng mỗi ngày một mệt nhiều. Chàng cũng có viết thư hỏi thăm và trong thư chàng đã tỏ ra ân hận, luyến tiếc rất nhiều đối với nàng. Lời thơ còn kèm theo những cảm mến thiết tha. tới khi được tin nàng qua đời Dumas choáng váng sây sầm mày mặt.

Ôi ! biết bao kỷ niệm còn quá sống động ở một quá khứ đã khuất, những kỷ niệm ấy ngày nay còn rải rác khắp đó đây, và giữa phút đau thương chàng có làm một bài thơ đề khóc nàng và đáng chú ý là trong bài thơ này chàng không quên nguyện rửa những tích lũy tham hồng, cao sang, quyền quý xưa kia chạy theo nàng mà đến ngày nàng chết chỉ có hai kẻ giữ được nghĩa thủy chung dựa nàng tới tuyệt. Tâm sự của chàng không khác gì tâm sự của nhà thơ Lamartine mười năm sau này cũng thương tiếc nàng Elveire

mà viết nên những vần thơ bất tử, vô cùng thấm thiết (nhân đề là Premiers regrets)

«Ai run rủ cho ta tới đó ?
 Để lòng này nhớ chỗ năm xưa,
 Giấc chiêm bao khéo hững hờ,
 Người xưa cảnh cũ bây giờ
 còn đâu ?
 Trông mây nước hạt châu tìm
 tã,
 Nỗi bi ai khó tả nên lời,
 Nhớ xưa tiếng nói câu cười,
 Khóc thu ba khiến cho người

say mê...»

Và từ đó người ta không tìm thấy Dumas ở các nơi chàng đã qua cùng nàng Marie xưa kia (tại Variétés, quán Bạch Mã, biệt thự St Germain, Hý trường hoàng gia v.v...) Vì sau khi Marie không còn ở trên dương thế Dumas chỉ thăm viếng các nơi này thêm một lần và đấy là lần chót.



LỚP NHẠC FLAMENCO

-- Lớp nhạc căn bản của các bạn yêu nghệ thuật.
 --- Thời gian ngắn, kết quả mỹ mãn.
 do G.S. Đào Kim tốt nghiệp trường Q.G.Á.N, hướng dẫn.
 Ghi tên : 205/11 Cộ Giang -- Phú Nhuận

bài nói chuyện của
giáo-sư Hoàng-Ngọc-Cần

tại Diễn-Đàn Tự-do,
Đài Phát-Thanh Saigon, lúc 21g 45,
ngày 4-5-69

L.T.S. : Giáo sư Hoàng Ngọc Cần tốt nghiệp Tiến sĩ khoa học Hải học Đại học Sorbonne Paris, Cao học ngư nghiệp, Kỹ sư Cổ Vấn Biemet, là một chuyên gia uy tín của Việt Nam và Quốc tế, phụ trách giảng dạy về Khoa học và Kinh tế ứng dụng tại các Đại học Pháp và Việt Nam, tác giả của nhiều công trình Khảo cứu, liên quan đến Khoa học, Kỹ thuật, Kinh tế, Quốc phòng...

Sau 12 năm ở hải ngoại, ông hồi hương phục vụ năm 1961 và đã đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng, trong đó: Chánh Tham Vụ Chuyên môn Phủ Tổng Thống, Giám đốc Hải học Viện Nha Trang, Trung tâm Quốc Gia khảo cứu Khoa học VN và Trung tâm Hợp tác Khoa học Quân Dân sự...

Hiện nay ông là Tổng Giám đốc Trung Tâm Cộng tác Đại học và Kỹ nghệ, Chuyên gia Thượng Nghị Viện và cũng là Hội viên của nhiều Hiệp hội Khoa học Quốc Gia và Quốc tế.

BÀI NÓI CHUYỆN

«Mọi người nay đều công nhận rằng Học Đường, Giáo dục và việc đào tạo Con Người là nguồn đầu tư trọng yếu, có thể nói là Nguồn Đầu Tư Tiên Khởi cần phải có ngay trước khi bắt đầu các công cuộc phát triển...»

JOSUÉ DE CARTRO (1)

những triển-vọng cộng-tác Kỹ-Thuật trên
các bình-diện Quốc-Gia và Quốc-Tế.

G.S. HOÀNG-NGỌC-CẦN

Tổng Thư Ký T.H.C.V.V.N (2)

Chủ-Tịch O.C.I.T.E.C.S (3)

MUỐN phục vụ hạnh phúc đại chúng, không gì tích cực hơn là tạo lập những cơ sở để cho dân chúng có công ăn việc làm. Trong các nước chậm tiến, kinh tế là một vấn đề căn bản. Nhất là ở Việt Nam sau 25 năm chiến tranh đã gây ra biết bao là tàn phá, ngăn cản bao công cuộc đáng lẽ phải thực hiện từ lâu.

Trong các chương trình phát triển thời hậu chiến ở Đông Nam Á, lẽ dĩ nhiên các cường quốc kỹ nghệ sẽ đóng một vai trò quan trọng. Để tránh những

thất bại nặng nề có thể xảy đến và đã xảy ra trong nhiều trường hợp — làm phí hao bao nhân lực, tài nguyên và thì giờ, thiết

- (1) Nguyên Chủ tịch F.A.O — Liên Hiệp Quốc. Cựu Đại sứ Brésil. Giáo sư Sorbonne, Hội viên Danh dự Ocitecs.
- (2) Tổng Hội Chuyên Viên Việt Nam.
- (3) Organization For The Cooperation inter Nations in the Technical, Economical, Cultural and Social fields — Tổ chức cộng tác Quốc Tế trên các bình diện Kỹ thuật, Kinh tế, Văn hóa và Xã Hội.

BÀI NÓI CHUYỆN

tương nay là lúc cần nên nêu rõ đôi nhận định quan trọng :

1) Các nước chậm tiến, nếu muốn theo đuổi kịp trào lưu tiến hoá của nhân loại, cần phải gấp rút phát triển quốc gia trên mọi bình diện : Văn hóa, giáo dục, kinh tế, kỹ thuật, xã hội. Bằng phương pháp nào ? Cách mạng hay cải tổ ôn hòa ? Đó là một vấn đề nội bộ tùy thuộc ở trình độ tiến-triển, các tài nguyên, nhân lực và hoàn cảnh đặt biệt của mỗi nước, trong một bối cảnh quốc-gia và quốc tế của từng giai đoạn. Vấn-đề đó thuộc quyền định đoạt của dân tộc liên hệ và ở ngoài phạm vi của bài này.

2) Muốn phát triển kinh tế, phải mở mang công kỹ nghệ, thiết lập các xí nghiệp, nhất là các nhà máy. Tức là phải cần có nhiều chuyên viên. Việc gọi chuyên viên du học ngoại quốc chỉ là một giải pháp hạn định, đã tốn kém mà lại chỉ đào tạo được một số cán bộ cao cấp, mà một số đông không thể hay không muốn

tiếp xúc với các thực trạng của nước họ để giải quyết các khó khăn cho dân chúng. Cho nên vấn đề thành lập các trường kỹ thuật và chuyên môn, mọi ngành và mọi cấp, đề đào tạo tại chỗ, không những các kỹ sư, chuyên viên, mà lại cả và nhất là các « kỹ tá và thợ chuyên môn » những thành phần đông đảo và cần yếu để thực hiện mọi chương trình phát triển kinh tế và kỹ nghệ hoá quốc gia là một vấn đề cấp bách.

3) Các cường quốc kỹ nghệ trong công cuộc này, có thể đem đến cho các nước kém mở mang nhiều phương tiện dồi dào về tài chánh, nhân sự và kỹ thuật, nhưng lại có những cái mà họ không thể nào cống hiến được nếu họ không phải là dân của nước được viện trợ. Mà ngay các người này cũng chỉ có thể thông hiểu các khó khăn tâm lý và kỹ thuật của công việc do hoàn cảnh đặt biệt gây ra là khi nào họ đã phục vụ lâu năm trong các xí nghiệp và chung đụng hàng ngày với các giới lao công liên hệ. Vì vậy, muốn thành

BÀI NÓI CHUYỆN

công, một sự cộng tác chặt chẽ giữa các cường quốc viện trợ với các chuyên viên bản xứ là một điều tối cần thiết.

4) Trong lãnh vực kinh tế, vấn đề Quyền lợi là căn bản. Để tránh bao lỗi lầm đáng tiếc và những dang co làm mất thì giờ, các chuyên viên quốc gia và quốc tế nên đặt thẳng ngay vấn đề, để có thể thành thật cộng tác với nhau mà phục vụ các Quyền lợi chung. Không bỏ thí, không viện lý do đàn em một cách tự cao tự đại, mà chỉ là tương trợ quốc tế ! Các cường quốc hãy thành thực giúp đỡ chuyên viên các nước nghèo yếu và chậm tiến tiếp tay họ thực hiện các chương trình tân dân kiến quốc, dùng khoa học kỹ thuật mà phục vụ dân sinh Nâng Cao mức sống của người dân. Lễ tất nhiên, khi kỹ nghệ các nước Á, Phi, Nam Mỹ bành trướng mạnh mẽ Dân số của thế giới thứ năm : 2 tỷ người — 3/4 dân số hoàn cầu một thị trường rộng lớn sẽ giúp các nền kỹ nghệ Âu Mỹ giải quyết những vấn đề tiêu thụ...

5) Trong viễn tượng đó, các tổ chức như Việt Nam Học Xã, Tổng Hội Chuyên Viên Việt Nam trên bình diện quốc gia, cũng như các cơ quan I.I.S. của Liên Bang Đức Và O.C.I.F.E. C.S. do các chuyên gia Việt Nam chủ trương trên bình diện quốc tế có thể phối hợp các Chương Trình Hoạt Động của nhau để cùng đạt những thành quả tốt đẹp, và tận dụng những khả năng cùng kinh nghiệm của mỗi bên...

Xét qua mục đích, chương trình, thành phần và phương tiện của các tổ chức trên, những chuyên viên quốc gia và quốc tế liên hệ có thể cộng tác với nhau một cách hữu hiệu, trong khuôn khổ một Liên Minh công tác kỹ thuật chẳng hạn (Alliance pour la Coopération Technique), để tương trợ, hỗ trợ, và giúp nhau thực hiện các công cuộc giáo dục, kỹ thuật, kinh tế và xã hội Nhất là để san bằng những khó khăn hàng ngày về các vấn đề ngôn ngữ, văn hóa, tâm lý và phương pháp làm việc, v.v...

Trước khúc quanh gay cấn của lịch sử Việt Nam hiện đại, nhất là trong giai đoạn hậu chiến, vấn đề *tương trợ Quốc Tế* chắc chắn sẽ là vấn đề số một sẽ quyết định tương lai của mọi dân tộc Đông Nam Á.

Cơ quan tương trợ hợp tác Quốc Tế I.I.S (Institute for International Solidarity — sáng lập năm 1962), là một tổ chức của người Đức có mục đích trợ giúp những quốc gia đang phát triển bằng cách hợp tác trực tiếp với những cơ quan không thuộc chính quyền và có tâm hoạt động hướng về tiện ích quần chúng. Cơ quan này tham gia hữu hiệu các chương trình phát triển tại nhiều nước... Riêng ở Việt Nam, I.I.S. dưới sự lãnh đạo của nhà kinh tế gia Klaus Noldner, có nhiều triển vọng tương lai..

Về phần *Thế Giới Chậm Tiến* các chuyên viên Việt Nam đã sáng lập tại Âu Châu năm 1963 *tổ chức cộng tác Quốc Tế O.C.I.T.E.C.S.* — Organization

for the Cooperation Inter-nations in the Technical, Economic, Cultural and Social fields — một tổ chức thoát thai từ *Việt Nam Học Viện Ba Lê* (Institut Vietnamien de Paris), chi nhánh của *Việt Nam Học Xã* (Center of Vietnamese Studies) tại Pháp, sáng lập năm 1953,

Mục đích của Ocitecs là phát huy một *phong trào tương trợ quốc tế* bằng sự *Cộng tác Kỹ thuật* để *Phát triển Kinh tế và tương cảm văn hóa* những điều kiện thiết yếu để xây dựng một xã hội đại hòa, hủy diệt những nguyên nhân xung đột giữa các quốc gia giàu nghèo...

Trên các nguyên tắc cộng tác Bình Đẳng và Tôn Trọng Lẫn Nhau, về nhiệm vụ cũng như về quyền lợi, sau 5 năm hoạt độ g tổ chức tư nhân Ocitecs đã được sự hỗ trợ của nhiều giới chính trị, ngoại giao và chuyên gia trong nhiều hội nghị quốc tế. Một số nhà vật và chuyên gia

mọi ngành và của nhiều nước đã tích cực góp phần vào công cuộc chung qua các cơ quan mà tổ chức Ocitecs đã sáng lập: *Trung Tâm Nghiên Cứu Thế Giới Chậm Tiến* (C.E.T.M. — Centre d'Etude du Tiers Monde) *Á Châu Học Xã* (C.A.S. — Center of Asian Studie.), *Văn Phòng Chuyên gia Cổ Văn* (B.I.E.M.E.T. — Bureau International d'Etudes et de Missions Economiques et Techniques), v.v..

Các cơ quan này đã thực hiện khá nhiều thành tích khả quan trên các lãnh vực văn hoá Giáo dục Kinh tế Kỹ thuật; Xã hội; nghiên cứu những *Chương trình Phát triển chống nạn Chậm tiến* cho các nước Á, Phi, Nam, Mỹ (đặc biệt cho Vietnam trong giai đoạn hậu chiến có *Chương trình Tân Dân Kiến Quốc*) thì nh lập các *bang giao quốc tế* để gây uy tín cho Việt nam và tìm kiếm những thân hữu cần thiết cho tương lai, hầu thực hiện các kế hoạch đại quy mô, chủ trương *Tờ Báo của Thế Gi i Chậm Tiến* (Liaisons

Nouvelles. La Revue du Tiers Monde) tham gia *nhiều hội thảo Chuyên môn Quốc tế v.v...*

Đồng bệnh tương thân. Đồng lao tương trợ, quốc gia Nhật bản và Dân quốc Đức đã *bị tàn phá* nhiều vì chiến tranh, và đã có *nhiều kinh nghiệm* trong việc *tái thiết thời hậu chiến*. Chúng tôi tin tưởng rằng các *Chuyên gia Nhật bản và Đức* quốc sẽ đóng một vai trò quan trọng trong các *Chương trình Phát triển Á châu và Thế giới Chậm tiến*. Thế nhưng, trong các lãnh vực này, sẽ *không chỉ có một hai nước* chiếm giữ độc quyền viện trợ... Trong viễn tượng đó *O.C.I.I.E. C.S* đã chuẩn bị *nhiều biện pháp thích nghi*:

1) *Triệu tập một Hội Nghị Chuyên gia Quốc tế (CITA)* tại Sài Gòn, năm 1970, với sự tham gia của các quốc gia kém m ởmang trong *Thế giới Chậm tiến* và các *Cường quốc Kỹ nghệ*.... Các chuyên gia mỗi nước sẽ cùng các đồng nghiệp

ngiên cứu các vấn đề chung trao đổi những kinh nghiệm đã thu thập tại mỗi quốc gia và tìm kiếm cho mỗi vấn đề, một số giải pháp. Những người có trách nhiệm, sau đó, có thể lựa chọn mà ứng dụng và chế biến, tùy hoàn cảnh và phương tiện của nước mình.... Với mục đích tương tự, các chuyên viên Á, Phi, Nam Mỹ sẽ phối hợp các Chương trình phát triển, tùy theo nhu cầu, trong phạm vi những Chương trình Cộng Tác Quốc Tế giữa các Cường quốc giàu mạnh và các nước chậm tiến nghèo yếu.

2) Tại Hội Nghị CITA Việt Nam sẽ trình bày 5 chương trình Phát triển thiết thực để suy thảo :

1— Kế hoạch Quốc Gia — Kiến thiết một nền Dân chủ mới (Đề nghị của Vahx-Ocitects)

2— Kế hoạch Địa Phương — Phát triển Kinh tế Đông Nam Á (Đề nghị Bicmet-Ocitects)

3— Kế hoạch Quốc Tế — Hợp tác Kỹ thuật Vùng Nam Á (Đề nghị của Uisea-Ocitects)

4— Kế hoạch Thế Giới — Giải quyết Nạn Chậm tiến trong Thế giới thứ Năm (Đề nghị của Ted-Ocitects)

5— Kế hoạch Liên Châu — Đề thực hiện Xã hội Đại hòa (Đề nghị của Ucs-Ocitects)

3) Đề đào tạo các cán bộ cần thiết cho việc thực hiện các Chương trình Phát triển Quốc gia và Quốc Tế, thành lập Uisea (Viện Đại học Quốc tế Đông Nam Á) gồm một số Viện Chuyên môn, trong đó có Viện Kinh tế Ứng dụng và Viện Kỹ Thuật Chính trị.

Viện Kinh tế Ứng dụng (Ins-

Neurotonic

BỒ ÓC

THÊM TRÍ NHỚ

tute of Applied Economics) với mục đích phát huy Kinh tế Bình Hoạt, sẽ có những Trung tâm thực tập đặc biệt. 1 nhà máy kiểu mẫu 1 khu Kinh Kỹ và 1 «Trung tâm Triền lâm Máy móc và Dụng cụ».

Viện Kỹ thuật Chính trị (Institute of Political Technology) có nhiệm vụ đào tạo những cán bộ nòng cốt mọi cấp, từ anh thợ đến nhà lãnh đạo, và mọi giới, từ giới lao động đến giới đại học, truyền thụ cho họ, với sự cộng tác của các chuyên gia, giáo sư quốc gia và quốc tế, những thể thức chính trị và kỹ thuật căn bản, để thực hiện các chương trình phát triển Kinh tế, Xã hội, Kỹ thuật, giáo dục, Văn hóa và Chính trị, hầu xây dựng cho Xã hội một Đời Sống Mới, từ thành thị đến thôn quê, nhất là để thực hiện các «Tân Xã», một quan niệm tổ chức hoàn toàn mới và rất thích hợp với nhu cầu nguyện vọng theo những điều kiện vật chất lẫn tinh thần của các dân tộc

chậm tiến.

4) Thành lập các cơ cấu cần thiết cho các Chương trình Phát triển :

— Trung tâm Khảo cứu Khoa học và Kỹ thuật.

— Trung tâm Nghiên Hành Kế hoạch Quốc gia.

— Trung tâm Hòa đồng Văn hóa Quốc tế (hay là Thư viện Quốc tế).

— Trung tâm Sinh viên Sinh hoạt Cộng đồng.

— Trung tâm Đào tạo Cán bộ tráng và trung niên (Đại học Bình Dân).

— Trung tâm Phát triển Quốc tế..

5) Chuyên viên là những lao công vừa trí thức, vừa chân tay, những cá nhân có khả năng góp phần vào các hoạt động chuyên môn và xã hội, trong các phạm vi vật chất lẫn tinh thần, nhằm

đáp ứng các nhu cầu nâng cao mức sống của con người.

Bởi vậy, nhiệm vụ của các chuyên viên, không chỉ là phục vụ các xí nghiệp và kỹ chủ, mà lại cần phải tiếp tay với tất cả những thành phần đại chúng, nòng cốt của mọi công cuộc kinh tế và kỹ nghệ, những lao công mọi ngành từ thành thị đến thôn quê từ các miền rừng núi đến các đồng bằng duyên hải, từ anh thợ và người nông, lâm, ngư dân đến các kỹ tá, kỹ sư cán bộ các cấp. Trong công cuộc này, các nghiệp đoàn đóng một vai trò quan trọng và cần phải được nâng đỡ, ở các phạm vi hoạt động quốc gia và quốc tế. Ngoại quốc đã tích cực yểm trợ Tổng Liên Đoàn Lao Công trong việc thiết lập Viện Nghiên Cứu và Huấn Luyện Xã hội tại Thủ Đức...

Trong phạm vi quốc gia, các Chuyên gia Vietnam có bổn phận phải đóng góp và tích cực giúp đỡ các nghiệp đoàn về phương diện Kỹ thuật. Các

ngiệp đoàn Vietnam hiện đang ở trong một tình trạng thiếu hụt trầm trọng về cán bộ, công nhân có khả năng tổ chức và theo kịp những tiến bộ Kỹ thuật.

Trung Tâm Cộng Tác Chuyên Viên và Nghiệp Đoàn có mục đích Giáo dục về Nghiệp đoàn và Kỹ thuật, một vấn đề tối cần thiết của thời đại.

Truyền thụ cho các cán bộ Nghiệp đoàn những kiến thức căn bản, không chỉ những hiểu biết về lý thuyết lẫn thực hành liên quan đến các vấn đề tổ chức xí nghiệp, mà lại còn cung cấp những kiến thức về nghiệp đoàn, về tổ chức quần chúng, kinh tế trong phạm vi hoạt động công cộng, hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ, phát triển đời sống cộng đồng, công tác xã hội, huấn luyện chuyên nghiệp, kỹ thuật chỉ huy.

Nhiều viên tương công tác quốc gia và quốc tế đầy hứa hẹn, trong khuôn khổ một Liên Minh Cộng tác Kỹ thuật cũng như

một nghiệp đoàn chuyên viên quốc tế, kiểu Unesco (giữa các cơ quan công lập của Chính phủ) hay Ocitecs (giữa các cơ quan tư nhân của Đại chúng) đang chờ đón sự đóng góp tích cực của mọi chuyên viên quốc gia và quốc tế. Mong rằng các người có thiện chí sẽ sớm nhận thức được sự mạng Xã hội quan trọng của mình trong giai đoạn lịch sử gay cấn của Thời đại Mới.

Trước tình hình khẩn trương và các biến chuyển mau lẹ của thời cuộc, lúc này không phải là lúc bàn cãi nhảm, hội thảo suông, hồng nhắc đi nhắc lại những lý thuyết, những nhận định về thời cuộc mà các phong trào tiên phong đã chính thức nêu ra không biết là bao nhiêu lần rồi!

Lúc này phải là lúc Hành Động, và chỉ có hành động mới đáng kể. Tức là phải đã có sẵn những kế hoạch được nghiên cứu chu đáo từ lâu, những kế hoạch thi t thực, thích ứng với thực trạng đau khổ của Vietnam trong giai đoạn đặc biệt của lịch sử cận đại.

Vấn đề bây là : Phải làm thế nào để những chương trình, kế hoạch cứu quốc và kiến quốc biến thành những sự thật, chứ không còn chỉ là những khẩu hiệu tuyên truyền suông...

Người Vietnam, lẽ tất nhiên phải phục vụ quốc gia và dân tộc Vietnam trước hết, nhưng vẫn có thể góp phần thêm vào sự tiến triển của nhân loại.

Trước lúc bành trướng các Phong trào Cộng Tác Quốc Tế để thực hiện các Chương trình Phát triển, ta phải nghĩ ngay đến việc phát huy một phong trào Cộng Tác Quốc Tế, giữa tất cả các lực lượng quốc gia và cá nhân yêu nước... và đó là con đường duy nhất để cứu vãn tình thế VN, hiện đang ở trong ngõ bí.

Với khúc quanh lịch sử hiện nay, sẽ định đoạt vận mệnh của Tộc quốc chúng ta, những người quốc gia và quốc tế, những Chuyên viên trong các địa hạt Văn hóa, Giáo dục, Kinh tế, Kỹ thuật, Xã hội hơn lúc nào hết, hãy can đảm nhận lãnh sứ mạng của mình trong giai đoạn mới.

Quận Phù-Cát

(Bình-Định)

THÂN-TRI-THIỆN
KBC.4093

BÌNH Định có hai quận mang chữ Phù đầu tên.

Đó là Phù Mỹ và Phù Cát.

Bạn đọc đã có dịp được biết Phù Mỹ qua bản nguyệt san P. ð Thông — Số 218 ra ngày 1-3.1969.

Còn Phù Cát thì chúng tôi đang gửi tới bạn đọc, đây này.

1) Vì một kỷ niệm

Trước kia, khi còn bé nhỏ, mỗi khi được đàm luận về các nẻo đường đất nước Bình Định với bà con thân thuộc, bạn bè quen lớn thì chúng tôi có ý niệm về địa danh Phù Cát là xứ

có nhiều cát sỏi phơi bày (nổi) — hoặc là nơi ó nhiều (giàu) có cát sỏi, khi đọc là Phù Cát.

Tháng Tư năm Quý Mão, 1963, khi đi thăm (trong ý tình tìm hiểu non sông, cảm thông hồn nước) các quận Hoài An, Hoài Nhơn ở cực bắc tỉnh Bình Định, chúng tôi mới nhận chân ra được ý nghĩa Phù Cát, nguyên do như thế này. Lúc khởi hành ra đi chúng tôi dùng xe hơi để được xuyên qua các miền đồng bằng mà ngầy ngất tình ruộng sản ngô khoai. Lúc trở về, để thay đổi không khí nên dùng tàu hỏa (lửa) để được xuyên qua các miền rừng núi mà cảm cảnh heo hút. Khi tàu từ từ chạy chậm, dừng đôi phút tại một nhà Ga, thì chúng tôi

PHÙ CÁT

bất chợt bắt gặp hai chữ Hán đắp trên trước cửa nhà Ga, một chữ nhận diện được, một chữ không. Chữ nhận diện được gồm có chữ Sĩ viết lên trên và chữ Khâu viết ở dưới. Ấy là chữ Cát, có nghĩa là tốt, lành (trái với Hung). Do đấy, chúng tôi đoán chữ kia là Phù. Và hẳn đây là nhà Ga Phù Cát vậy. Từ đây trở đi, những ý nghĩ nôm na về địa danh Phù Cát như đã nói ở trên không còn lảng vảng trong đầu óc chúng tôi nữa.

Ngày 9 tháng 5 năm 1966, khi chúng tôi thật sự phục vụ tại KBC.4839, thì đất đai Phù Cát đã được chúng tôi lăn lóc cựa quậy, không khí Phù Cát đã được chúng tôi hít thở ngày đêm. Sự chung sống ấy đã làm cho chúng tôi cảm mến Phù Cát. Và sự cảm mến này được chứng minh qua bài văn này.

2) Phù Cát là gì ?

Phù, một thứ cây loài thảo.

Cát, lành, tốt.

Đó là nghĩa nguyên ngữ của hai chữ Phù Cát.

Trong tác phẩm Hán Văn Phương Đình Dư Địa Chí (cũng có nhan đề là Phương Đình Địa Chí Loại) của Nguyễn Siêu (hay Nguyễn Văn Siêu, 1799-1872) qua bản dịch Việt Văn năm 1960 của Ngô Mạnh Nghinh chép Phù Cát là Bồ Cát.

Có người nói và viết Phù Cát là Phú Cát.

Chúng tôi đã tra lục tự điển về các nghĩa của chữ Bồ, Phú, Cát song không tìm được một ý nào khả dĩ thích hợp cho danh xưng Bồ Cát, Phú Cát. Phải chăng những danh xưng này thành hình do sự kêu gọi nhằm lẫn nên vô nghĩa? — Hay là Phù Cát do sự đổi ngữ, lấy từ nguyên ngữ Phù (Phù Ly) với danh xưng Mỹ (Phù Mỹ) theo lịch sử phân chia đất đai sẽ nói dưới đây? — Không biết chừng diềm này có lý nhất?

Nói thời nói vậy, dầu sao đi nữa tất cả những diêm luận đoán trên đây chúng tôi vẫn còn chờ mong các bậc cao kiến chỉ giáo.

3) Lịch sử đất đai

Vốn đất của Chiêm Thành. Nhờ một cuộc đại thắng quân sự về năm Canh Thìn 1470, do vua Lê Thánh Tông đem đến mà trở thành đất đai của Việt Nam.

Nguyên trước là đất huyện Phù Ly.

Niên hiệu Minh Mạng thứ 7 (1826) huyện Phù Ly thuộc phủ Qui Nhơn kiêm lý. Năm thứ 13 (1832) chia huyện Phù Ly, đặt thành huyện Phù Mỹ, đặt thêm huyện Phù Cát (tên Phù Cát do đây mà có), nhưng cũng thuộc phủ Qui Nhơn kiêm lý.

Niên hiệu Tự Đức thứ 18 (1865) cải cách, do Phủ thống hạt, đặt chức Tri Huyện.

Lịch sử đất đai Phù Cát đại khái là thế, mặc dầu còn có

những sự thay đổi khác, nhưng tựu trung nhỏ nhặt không đáng kể.

Cuối cùng, tháng 8 năm 1945, dưới Chế Độ Dân Chủ Cộng Hòa, Phù Cát là một Huyện, trực thuộc tỉnh Tăng Bạt Hổ (cải danh của Bình Định) và tên Xã được lấy chữ cuối của Huyện, thêm vào một chữ nữa mà đặt tên, ví dụ Cát Hiệp Cát Thắng, Cát Trinh.v.v...

Tháng 5 năm 1955 chính quyền Quốc Gia tiếp thu Bình Định, Chính Thể Cộng Hòa thiết lập và Phù Cát là một Quận.

4) — Địa dư hình thể

Hình chữ nhật, nằm ngang. Từ Đông đến Tây cách 59 dặm, Từ Nam đến Bắc cách 30 dặm. (1).

Đông giáp Nam Hải.

(1) Một dặm phỏng bằng 1km250.

Tây giáp Sơn Man, huyện Bình Khê, cùng tỉnh.

Nam giáp quận An Nhơn, do đồng ruộng làm ranh giới.

Bắc giáp quận Phú Mỹ bởi sông Phù ly phân cách. Sông này còn có tên khác là La Tinh Giang, bản đồ ghi là Lu Siem Giang chảy từ Tây qua Đông, thông thương với biển cả bởi Vịnh Nước Ngọt.

Diện tích ước độ 210 cây số vuô.g.

5) — Địa dư chính trị

Bình Định 11 quận mà quận Phù Cát có dân cư đông đúc đứng vào hạng thứ 4, sau các quận Tuy Phước, Hoài Nhơn và Phú Mỹ.

Năm 1959 dân số phỏng chừng 105.000 người.

Nay vào khoảng 110.000 người.

Huyện trị Phù Cát trước kia ở thôn Xuân Hội (chính là phủ

trị Hoài Nhơn). Niên hiệu Tự Đức thứ 18 (1865) dời đến thôn An Hành thuộc tổng Xuân An, cách tỉnh thành Bình Định 14 km về cực bắc, tồn tại cho đến ngày hôm nay, gọi là quận lý, thuộc xã Cát Trinh, cách lý Qui Nhơn 35 cây số về phía bắc.

Trước lãnh 4 tổng, gồm 127 xã thôn (theo Đại Nam Nhất Thống Chí). hay 128 (theo Phương Đình dư địa chí) đến thời Pháp thuộc chỉ còn 114 làng chia làm :

- Tổng Xuân An có 24 làng.
- Tổng Thạch Bàn có 30 làng.
- Tổng Trung Chánh có 25 làng.
- Tổng Chánh Lộc có 35 làng.

Năm 1963 Phù Cát gồm 11 xã. 100 thôn nay là 112 ấp. Các xã của quận Phù Cát đều mang chữ Cát đứng đầu, gồm có :

PHÙ CÁT

- Xã Cát Chánh 16 ấp.
- Xã Cát Hạnh 13 ấp.
- Xã Cát Hiệp 8 ấp.
- Xã Cát Khánh 16 ấp.
- Xã Cát Minh 7 ấp.
- Xã Cát Nhơn 9 ấp.
- Xã Cát Sơn 2 ấp.
- Xã Cát Tài 11 ấp.
- Xã Cát Tường 8 ấp.
- Xã Cát Thắng 10 ấp.
- Xã Cát Trinh 10 ấp.

6) - Địa dư kinh tế

Năm 1959 diện tích canh tác và trồng lúa ở quận Phù Cát được 3.500 HT. Nông sản chính là Lúa. Những nơi đất đai màu mỡ, một năm làm được 3 mùa như: Khánh phước, Khánh lộc, Hòa mục, Thuận lợi, Chánh danh, Xuân cảnh Chánh thiện, Chánh hùng, Chánh thắng, Long hậu, Hữu pháp, Hưng tự, Chánh mỹ.

Kể đến là hoa mẫu phụ, một nguồn lợi kinh tế khá dồi dào cho người dân Phù Cát, trồng

đậu phụng (lạc), bắp, mè (vừng), khoai lang, củ mì, các thứ đậu, cau, cây trầu, nhiều nhất ở tổng Xuân An. Chè trồng ở làng Thuận phong, Phú kim, Phú Nhơn. Nhất là Dừa thì trồng rải rác khắp đó đây trong quận.

Nhờ có quan lộ từ Chợ Gồm (Vĩnh Tường) đi Đégi dài 23 km đem sự thông thương liên lạc cho người miền biển và kẻ đồng nội trao đổi mua bán hàng hóa phẩm vật với nhau khá dễ dàng thuận lợi.

- Nón ngựa và nón lá thường làm tại làng Kiều đông Kiều an, Kiều nguyên, Phú gia, An hành và đem bán ở chợ Gò Găng thuộc quận An Nhơn.

- Vong tại làng Thái phú, Thái định, Thái bình về tổng Thạch Bàn.

REGAST. T

**TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
VÀ LỖ LOẾT BAO TỬ**

PHÙ CÁT

- Dệt chiếu tại làng Phương Phi.

- Dệt dũi và vải ở Trung Chánh.

- Đò gồm tráng men ở Đégi về tổng Trung Chánh.

- Đò gồm thường tại làng Vĩnh Tường, Chánh thiện, tổng Trung Chánh.

- Đò nan ở Trung Chánh.

- Đò cần tại làng Phong an, An hành, tổng Xuân An.

- Nước ở Đégi.

- Làm đường ở Gia Thạnh, Gia An (Trung Chánh).

Quan trọng nhất là cửa (hay Vung) Đégi (Đégi), sách gọi là Đạm Thủy Đàm (Đạm Đàm Thủy), tục gọi Đạm Nước Ngọt có thể gọi đây là nơi Ăn Nói về mặt kinh tế của quận Phù Cát.

Cửa Đégi xuất cảng muối, đò nan, đò gồm tráng men, đậu phụng, dừa hột, nước mắm, dầu phụng,

rau câu, vông, thuốc lá. Nhập cảng cá muối, đồ sứ, mây, dầu hỏa, các thứ vải, hàng lụa, guốc, thuốc bắc, bắp (ngô), gạo, buồm ghe, gỗ, tre...

7) - Địa dư sử lược

Phù Cát là gì? Lịch sử đất đai, thuộc địa dư sử lược đã được trình bày ở đầu bài, Tiếp đây xin trình bày một vài Kỳ Tích và Nhân Vật.

Đá Vọng Phu : hay Hòn Vọng Phu, sách gọi Vọng Phu Thạch. Gọi rộng là Núi Vọng Phu, Núi Mẫu Tử. Và người Thượng gọi là T. Yang-M T'en. Người Pháp gọi La mère et l'enfant, Les Rochers Vong Phu (La femme qui attend son mari). Người Anh Mỹ gọi The waiting wife.

Tọa lạc tại núi Chánh Oai. Có người lại cho núi Chánh Hùng, trong dãy Hòn Bà, Núi Bà (tên chữ Bà Sơn) tên khác là Bò Chinh đại sơn.

Tục truyền :

Có một cặp vợ chồng chung sống với nhau sinh được một con. Sau, người chồng biết được người vợ chính là em ruột của mình đã xa cách nhau từ thưở bé nhỏ, bèn bỏ nhà ra đi biệt tích. Vợ bỗng con lên núi trông ngóng chồng, mòn mỏi ngày đêm quên ăn quên uống, tuyết sương phủ đầy, lâu ngày hóa đá.

Đá Cao Biền : Cắm bên đường cái tại ấp Song La.

Tục Truyền :

Ấp Song La thuở trước là chỗ đất tốt có thể làm đế kinh được.

Vào đời nhà Đường (618-901) bên Tàu có Cao Biền là một nhà địa lý đại tài tinh vi, sang nước ta làm phép cắm một cái thẻ tại ấp Song La mà ếm trấn long mạch, có ý để chọ mình và luôn thẻ trừ hậu họa cho nước Tàu. Về sau thẻ ấy hóa ra đá, mọc sâu lắm, người trong ấp đã nhiều lần thuê voi về nhổ mà không lên.

Suối Nước Nóng : Tên chữ Thang Khê, tọa lạc ở ấp Hội Văn,

nóng 73 °, nhiều chất lưu hoàng.

Năm 1855 quan triều Tự Đức là Vũ Duy Thang có đề thơ Suối Nước Nóng như sau :

Cảnh ấy khen ai khéo đặt bày
Nước sôi một vũng ở nơi đây
Rét bao nhiêu độ càng thêm nóng
Nắng mấy mươi phen vẫn cứ dày
Lò tạo hóa nung thâu sớm tối
Lửa âm dương nấu mãi xưa nay
Đồ bùa dẫu cũ nay còn lại
Muốn hỏi nguồn cơn nởi nước này

Chùa Ông Núi : Tên chữ là Linh Phong Tự

Ở trên núi Phương Phi thuộc xã Cát Chánh.

Tương truyền :

Nhà sư Lê Ban tu hành đặc đạo; dâng thuốc tiên cứu Vua Minh Mạng thoát cơn đại bệnh (1826).

Cảnh chùa thanh thú u nhân.
Sự tích chùa hư hư thực thực
ảo ảo huyền huyền.

Là đệ nhất thắng cảnh của tỉnh

Bình Định.

Nhân vật : Những hiền nhân quân tử, văn võ tiết tháo v.v... của đất Phù Cát đã được bia miệng, sử sách biên chép truyền tụng tiêu sử công nghiệp, ngày nay còn nhắc đến như : Bùi Văn Bãng (1840-1909), Nguyễn Đức Huyền (?-1822), Nguyễn Mật Hoảng, Trần Kinh Vỹ... nhưng không ai nổi danh bằng Ngô Tùng Châu.

Ngô Tùng Châu, còn viết và đọc là Ngô tông Chu quán làng Thái Định, tổng Thạch Bàn, nay là xã Cát Tài.

Tận trung với Vua Gia Long, cùng Võ Tánh giữ thành Bình Định (Vijaya), bị thất thủ về quân Tây Sơn, đành :

Chén Tân Khô Nhấp Ngon Mùi
Chánh Khí

nhằm ngày 25 tháng 5 năm Tân Dậu, tức là ngày 5 tháng 7 năm 1801.

Hiện ở thôn Thái Định có lăng Ngô Công do gia đình xây từ Gia

Long (1802-1819),

★

Khi chúng tôi viết về Quận Phù Mỹ có nhiều người nhất là quân nhân của Trung Đoàn 41/Đ22BB — cho rằng cái xứ mang chữ Phù (dĩ nhiên ám chỉ luôn cả quận Phù Cát) có gì đâu gọi là tinh hoa khả ái mà phổ biến. Có chăng là ở các quận cực nam của tỉnh Bình Định như là Tuy Phước, Bình Khê, An Nhơn. Nói vậy thật lắm to. Chúng tôi xin có lời biện chính nơi đây. Là tinh hoa có nhiều khi lộ liễu phơi bày, dễ tìm thấy — có lúc lại ẩn tàng chôn kín mà chúng ta phải cố công nhọc sức mới tìm tới bươi móc phanh phui ra được. Cái dễ tìm dĩ nhiên không quý, là đáng giá. Bởi vì khi chúng ta phanh phui được tinh hoa ẩn tàng tức là chúng ta đã tạo nên một khám phá tân kỳ, một sáng tạo khôi tú. Khi ấy chúng ta mới hãnh diện là Tim Hiều Non Sông, Cắm Thông Hồn Nước.

THÂN-TRI-THIỆN
(Trung Đoàn 41/Đ22 BB)

★ ●

Rắn có phải là kẻ thù số một của người không ?

□ TÍN-KHANH

TỪ thời xa xưa, con người vẫn cho Rắn là kẻ thù truyền kiếp. Ngày ấy, Rắn rất lớn «nhất điều, nhì ngư, tam xà, tứ tượng», lại ở gần người nên thành một mối hiểm họa thường trực cho loài người.

Các nhà thần kinh học rồi đến thần học đều mỗi bên một cách có những lập luận cho rắn là nguy hiểm. Người ta nói rất nhiều về việc này nhưng dưới mắt nhà tự nhiên học, thì tất cả đều sai lệch, vô căn cứ, mặc dù đã phá cho được thành kiến ấy là một chuyện lấp biển và trời.

Theo khoa học, muốn hết sợ rắn không gì bằng hiểu biết rắn.

Con rắn có đáng ghê sợ không ?

Không có gì đáng sợ cả. Trẻ con đâu có biết sợ rắn ? Nhưng khi chúng lớn lên nghe kể chuyện, tự nhiên chúng sợ một cách buảng quơ và từ đó sợ đến nhập tâm.

Trước hết, mình rắn không nhớt, nhìn như người ta thường nói. Nó là con vật «sạch nhất trần gian». Sờ vào nó cũng như sờ vào một cái lọ, không bẩn tay và cũng không nhễm dơ đến nỗi phải cứt tay như đồng bào thượng du tưởng.

Rắn chạy có lạnh không ? Không ! Nhiều lắm là bằng chúng ta đi là cùng, nghĩa

là vào khoảng 5 hay 7 cây số giờ thôi. Nó đi lạnh là khi thấy người muốn tránh. Riêng có loại Rắn Hồ Gió — vì người ta cho nó đi lạnh như gió — có thể phóng từ cây này qua cây kia được nhưng kể ra cũng chẳng lạnh bao nhiêu, vừa bằng tốc độ của ta chạy là cùng. Nó phóng như vậy không phải là lối đi thường tình của nó mà vì muốn tránh người hay thoát tay kẻ thù thôi. Còn một loại rắn đi nhanh nữa là con rắn roi. Theo người ta nói, khi gặp thù, nó dùng đuôi quất mạnh cho đến khi chết. Đó là chuyện truyền khẩu không căn cứ. Đuôi của nó là khi giới phòng thân thật nhưng nói dùng để quật thì quá xa với thực tế. Rắn roi còn có một đặc điểm mà không một rắn nào khác có được. Đó là tính tọc mạch. Mỗi lần thấy người hay con vật đi ngang chỗ nó ở, tự nhiên như có tính hiếu kỳ, nó chậm

rãi đi theo, dần vươn lên cao, nhìn vào người hay con vật để xem có chuyện gì xảy ra không.

Nói chung, rắn không đáng sợ. Thấy người nó cố tránh. Gặp trường hợp phải tự vệ nó mới cắn để thoát thân vì cắn, đối với rắn không phải như ăn uống.

Rắn có độc hết không ?

Rắn có chừng lối từ 2 đến 3000 giống khác nhau nhưng trong đó rắn độc độ 250 giống thôi. Như thế tức là trong 10 con chỉ một con độc, nhưng chưa hẳn là độc con nào cũng như con nấy.

Có con nọc độc không đủ giết một người — số này lại rất nhiều, còn thiếu số khác thấy người thì tránh không mấy khi mổ cắn ai. Nói chung, số rắn có nọc độc mãnh liệt như rắn rung chuông (Serpents à Sonnettes), rắn mai găm, rắn hổ

chẳng hạn chẳng có bao nhiêu. Hãy lấy đôi ví dụ: Nước Mỹ với gần 200 triệu dân, phần lớn đất đai hoang vu, núi rừng rất nhiều rắn độc lại ít có thầy thuốc nhưng mỗi năm không đến 200 người chết vì bị rắn cắn. Trong lúc cũng trong thời gian ấy, số người chết vì tai nạn xe cộ đến cả mấy chục ngàn người. Nhiều hơn chút nữa, ở Ấn độ, dân số trên 250 triệu người, nạn nhân vì rắn cắn nhiều lắm cũng độ vài vạn người. Như thế đề có thể kết luận rắn độc đối với nhân loại chưa phải là một mối họa như bất kỳ họa nào khác. Nếu cũng chú trọng và lo sợ quá mức là do thành kiến hão huyền có căn nguyên từ buổi ban đầu mà ở quốc gia nào cũng có.

Có phải rắn bò không ?

Chúng ta thường nói rắn bò, vì cho nó không có chân. Do đó mà có câu : «Vẽ rắn

thêm chân». Thật ra thì rắn đi chớ không phải bò, đi bất kỳ một con vật có chân nào khác.

Bộ xương rắn không có xương mỏ ác. Xương sườn không dính liền vào xương nên tự do cử động và mỗi sườn là một cái chân. Khi nó đi tới xương sườn chồm tới và cử động một cái vẩy dưới bụng. Nó uốn mình trong khi đi phần nhiều là để tạo cái thế mạnh cho xương sườn và để cho vẩy bám vào mặt đất gồ ghề mà đi tới. Vì da bọc hết xương sườn nên ta tưởng nó không có chân. Để chứng minh, ta bầy bỏ rắn trên một tấm kính, rắn sẽ bị động tức khắc, không đi được nữa, uốn mình một cách «lộn xộn» cố gắng chồm tới như bơi nhưng cũng không tiến được bước nào. Nhân cũng cần biết rắn bơi rất tài, như hệ thống chân và vẩy nó.

Rắn có nghe được không

cũng là điều đa số người chưa dám quyết đoán. Trước hết nó không có tai hay một bộ phận nào tương đối để ta có thể gọi là tai. Tuy nhiên nó có thể nhận ra tiếng ồn qua tiếng rung động của mặt đất. Đó là do khả năng riêng biệt của nó.

Ngoài tiếng rung động của mặt đất, rắn không biết nghe cái gì cả. Nhưng chuyện mấy tay dụ rắn thì sao ? (Char-meur de Serpents). Nếu không biết nghe sao nó trườn mình lên trước mặt anh này ? Rắn dễ dụ là Hồ mang, và dụ rắn là một nghề riêng của Ấn Độ. Khi nghe tiếng kèn thổi nó trườn mình lên «nghe ngóng», không phải vì nó nghe được tiếng kèn mà chính là cử động của anh chàng dụ nó khi thổi, lắc lư cái đầu, cái kèn vươn lên gục xuống, ngả sang hữu, nghiêng qua tả v.v. đã gây tích hiệu kỳ của nó, buộc nó phải trườn mình lên xem «chư thiệt ra

sao».

Tại sao con rắn lâu chết ?

Trong dân gian có nhiều chuyện mê tín về rắn. Người ta thường truyền khẩu, rắn bị giết, đến lúc mặt trời lặn mới chết thật. Rắn bị chặt đầu vẫn còn cử động và nọc độc trong đầu ấy, đợi qua một con giòng mới hết nguy hiểm.

Trên thực tế có chuyện rắn chậm chết thật. Đó cũng chỉ là chuyện dĩ nhiên thôi. Một con vẹt, cắt cổ xong, có thể chạy mấy chục thước mới ngã xuống chết. Con rắn cũng vậy. Đây là những phản ứng tự nhiên, lanh hay chậm ở mỗi con vật. Cũng vì lẽ này, cái đầu rắn dù rời, nếu ta dứt ngón tay vào mồm, tính phản ứng ấy có thể làm cho mỏ rắn khép lại kẹp ngón tay ta, nọc độc cũ g có thể vào do vết răng được. Còn ngoài ra

chuyện đời mặt trời lặn hay cơn giông đến là chuyện hoang đường.

Lại còn một trường hợp khác không kém kỳ lạ. Có người cho rằng lông ngựa rơi xuống nước sẽ hóa thành rắn. Cũng là lầm lạc.

Đây là một con vật hình thù như một con rắn nhỏ lên Gordies thường nổi lên trên mặt nước, có người thấy nó liền bịa ra lông ngựa rụng hóa thành rắn, chứ thật ra không thể nào có lý một loại rắn nào lại thoát thân từ lông ngựa được.

Lưỡi rắn có phải là khí giới và độc không? cũng là không nữa. Khi rắn le lưỡi ra và quơ hương này hương khác, không phải là tung ra một khí giới uy hiếp hay làm hại ai. Lưỡi là một cơ quan về giác quan rất tế nhị để «nắm tình hình» chung quanh. Đến nay khoa học cũng chưa tìm thấy lưỡi ấy «bảo

cáo gi» cho rắn. Chỉ thấy khi cái lưỡi «điều tra» xong thì liền rút vào miệng, mũi nhọn của lưỡi dút vào hai lỗ hỏm nhỏ. Trong hai cái lỗ này là cả một cái hệ thống dây thần kinh, khi chạm phải chót lưỡi tự nhiên phát ra những xúc cảm, nhân đó mà rắn biết được sự việc quanh mình — tất nhiên, việc ấy là gì, khoa học vẫn còn chưa biết ngoài việc ước đoán cho đó là những việc thuộc về vị giác và khứu giác hay là một trong hai.

Rắn mình giãy, có biết sợ dây không?

Rắn sợ dây, chuyện nghe ra lạ nhưng là chuyện thật. Nhiều người du ngoạn có kinh nghiệm, đêm hôm muốn ngủ lại trong rừng thường giăng dây chung quanh chỗ mình nằm. Rắn đến đây gặp phải dây không dám bò vào nữa. Nhiều vùng có đường hỏa xa chạy qua thường có tình

trạng bên này nhiều rắn mà bên kia lại ít nguyên do là vì rắn ít khi dám bò qua đường sắt. Nếu các bạn muốn thí nghiệm, chỉ cần bắt một con rắn đặt vào một khoảng đất, hẹp chung quanh có giăng dây. Rắn sẽ bò chung quanh, không băng qua dây ra ngoài và cũng không dám lại gần đường dây nữa. Tuy nhiên cũng không tuyệt đối. Rắn bị xua đuổi hay thúc ép phải thoát thân, rắn sẽ không ngần ngại «nhắm mắt» phóng đi để thoát thân. Ấu cũng là một lẽ tự nhiên vì lý do tự vệ và sinh tồn.

Từ chuyện Nguyễn thị Lộ đến rắn báo thù

Rắn có biết trả thù không? Trong dân chúng thường kể chuyện khi một con bị giết thì con kia nằm gần đó tìm dịp trả thù. Sự kiện cụ thể không biết có không và không biết dựa vào đâu mà có lập luận kỳ lạ này, chỉ

thấy truyền khẩu nhiều nhất ở các miền rừng núi, trong giới tiểu phu. Chuyện Thị Lộ và Quan sư Nguyễn Trãi chẳng lấy đề tài rắn trả thù đó sao?

Khoa học không chấp nhận như thế. Rắn là một trong những con thú kém trí thông minh nhất, «đời sống tối tăm cô độc nhất». Ban mai, nắng chiều, trong lúc chim chóc reo mừng ca hát, mẹ con đùa nhau bên tổ ấm, thì gia đình nhà rắn âm thầm, im lặng không có một cử động nào gọi là vui vẻ ưu ái với nhau. Nếp sống gia đình tối thiểu như thế không có được, thì làm sao đòi hỏi đến tình thương, luyện tiếc v.v.. đưa đẩy nó đến chỗ trả thù?

Bên Hoa Kỳ có loại rắn gọi tên nôm là «Rắn uống sữa bò» — một thứ rắn quen thuộc ở các trại nuôi bò, thường bú sữa bò.

Kể ra chỉ thấy nó lán la

chuồng bò mà bảo nó bú bò thì là chuyện quá kỳ quái. Nhiều nhà nghiên cứu đã cho biết, rắn này là thứ rắn ăn chuột, từ các rừng lân cận rủ nhau xuống các trại chăn bò để kiếm ăn, không phải cỏ rác mà các thức ăn bằng bột hóa học của bò. Những thức ăn này quyến rũ chuột bao nhiêu thì cũng quyến rũ chúng bấy nhiêu. Về đây tìm ăn, chúng lợi cả hai mặt: vừa ăn bột vừa ăn chuột.

Vả lại, miệng rắn không thể bú được. Muốn thể nó phải ngậm vú. Rắn nó nhọn, khi miệng há ra là nọc độc chảy theo kẻ răng vào vú thì bò nào chịu nổi? Thêm vào đó, vú bò lỏng thông, rắn làm sao đứng cao lên để ngậm vú? Còn leo lên, quấn mình quanh chân bò liệu con bò có dễ yên không? Và lẽ cuối cùng, rắn vắt mấy lít sữa bò để làm gì trong lúc bao tử nó đầy nhóc sữa cũng chỉ vài

muồng cá phê là nhiều.

Nọc độc rắn có giết được cây cối không?

Một lão nông nọ tuổi đã tám mươi đã từng mắt thấy tai nghe không biết bao nhiêu chuyện lạ kỳ về thú vật như chuyện chôn cầu cá bằng đuôi, cuộc chiến tranh nảy lửa giữa sóc đỏ và sóc mốc, trong đó sóc đỏ tận diệt giống sóc xám bằng cách lấy răng gặm đứt dải quần đùi v.v... đã kể chuyện về rắn như sau:

Một hôm ngồi trước sân chơi, ông thấy thỉnh thoảng một con rắn hình vòng tròn — Có một loại rắn thường ngậm đuôi thành vòng tròn như bánh xe rồi lăn mình cho lạnh hơn chạy — lăn thẳng vào sân ông. Chẳng ngờ nó chạm phải một gốc cây ở bia sân. Tức giận nó nhả đuôi ra và mồm mạnh vào gốc cây rồi

phóng mình đi. Qua chiều hôm đó, cây kia héo lả, sáng hôm sau, lá rụng hết. Cây đã chết thật. Tin đồn ra, nhiều nhà tự nhiên học đến tận nơi nghiên cứu. Sau khi phân tích vỏ cây, họ đã kết luận là một chuyện trùng hợp thôi. Nọc độc rắn không thể tác động vào vỏ cây, cũng như con rắn hình vòng tròn cũng là chuyện tưởng tượng. Rắn không khi nào có lối đi chuyên kỳ lạ ấy.

Rắn lớn như thế nào?

Thời «Tam tà, tứ tượng» đã vào dĩ vãng từ ngàn xưa. Con rắn cũng như một số thú vật khác đang nằm trong giai đoạn đứng im để rồi trút dần theo qui luật đào thải tự nhiên.

Tuy nhiên, nói về hình thù của rắn, rất nhiều sách nói đến nhất là trong giới thám hiểm — những người từng đi đến những vùng

hoang vu mà rất ít ai lui tới. Do đó, lời phát biểu của họ khó mà biết thiệt hư.

Theo một cuốn sách về thám hiểm vùng Amazonie (Nam Mỹ) dọc theo sông Amazone một trong những con sông dài nhất và cũng bí hiểm nhất thế giới, có loại rắn nước dài đến 17 thước. Bài này có dẫn chứng bằng một tấm hình nhưng nét không rõ và hình rắn cong queo nên khó biết có phải dài đến thế không. Trong lĩnh vực truyền khẩu, lại càng rắc rối hơn nữa. Những người thấy rắn, vốn sợ nó đã vội vã trốn lánh nên kể lại chuyện không mấy khi đúng với thực tế, thêm vào đó lúc nào cũng sẵn sàng phóng đại, thêm thắt ra cho «rùng rợn mê ly».

Rắn lớn nhất hiện nay là loại rắn vảy mặt võng. Đứng đầu về dài là 11 thước rưỡi là cùng, trung bình là 11 thước. Loại rắn này dài

nhưng mình lại không nặng. Trăn nước so với nó, nếu dài bằng nhau thì lại nặng hơn nhiều. Trăn nước dài vào khoảng từ 8 đến 10 thước.

Sách kể chuyện những con trăn nước giết được tại Amazonie và Ba tây dài 19 thước hay 24 thước có lẽ là chuyện bịa đặt. Một trăn nước lớn có thể nặng đến 250 ký.

Về rắn độc, lớn nhất là Hồ mang chúa (cobra royal). Có nhiều con dài hơn 6 thước nhưng đặc biệt lắm mới có. Phần đông vào khoảng 5 đến 5 thước rưỡi là cùng. Rắn rung chuông nhiều lắm là 3 thước nhưng lại là thứ rắn nặng nhất trong loại rắn độc.

Còn một loại rắn nguy hiểm nhất mà dân tộc nao cũng sợ đến nỗi thần thánh hóa là loại trăn quấn, Theo người ta nói, trăn này chụp được mồi, lấy mình quấn vào rồi xiết mãi cho đến lúc mồi

mềm nhũn, xương gãy nát hết dài thông ra mới bắt đầu nuốt. Có nhiều thợ rừng từng gặp xác trăn chết khô, miệng còn ngậm cái đầu nai với cặp sừng rộng. Nguyên do vì trăn nuốt đến đây bị đôi sừng cản lại, nuốt vào cũng không được nhả ra cũng không vì răng nó ngược chiều. Người ta cũng thường đồn đãi trăn hay quấn và ăn thịt người. Chuyện ấy không bao giờ có.

Trăn quấn dài lắm là 5 th rất ít hoạt động. Năm chỗ nào là nằm yên đó có khi vài ba tuần một tháng, sau khi ăn no bụng. Và đến khi đói lắm hay chỗ nằm bị con vật nào dẫm phải, mới giật mình tỉnh giấc.

Tóm lại, rắn độc và trăn quấn là hai họa lớn cho dân miền núi. Cái khéo của tạo hóa là tạo ra hai giống này riêng rẽ. Con độc thì không biết quấn và ngược lại. Nếu chẳng thế thì dân các miền rừng núi khó mà sống được với chúng. □★



Giữa bốn phương trời

Chiều về biển dẫu con sàu
Giữa ngàn bọt trắng thấy đâu là nhà.
Đường về sao hãy còn xa,
Mắt nhìn đâu mới sao ta một mình?
Nàn đăm lâu vẫn lênh đênh,
Ngàn đên ta vẫn mộng mêch nỗi buồn
Buồn chi? sao nhấp nháy luôn,
Sầu chi? trắng lỗ trắng tuôn ánh sàu.
Mộ' thân sương nắng cơ cầu
Tìm đâu được bến giang đầu hỏ đêm?
Lên trời nào biết đường lên
Lối thiên tha: đã lạc miền đại dương.
Mỗi nòn mơn, n'ng người thương
Nỗi buồn thôi á vương vương tơ lằm
Im đi b'ên động, sóng gầm,
Đề tu mà mãi nguyện cầu ơn trên.
«Buồn tư giả kiếp lênh đênh
Cho tàu con được ở t.ê đường về»
Sầu thơ h'ng quá nào nề
Mà tàu cu'ng biết đi về lối m'ơ.
Toy đả m'oi, mắt đả mờ,
Hái đ'ang ch'ả g có còn chờ đợi chi.
Ngàn làn nước mắt qua mi,
Nhớ thương càng đậm sâu bi càng dày
Xác t'ân ôi đã bao hãy
Lam than con á kiếp này cô đơn.

NHẬT-HUYỀN-THANH
(Huế)

Đứa con thứ 13

của

Đức Phật

● LÊ-HƯƠNG ●

ĐẦU năm 1939, một thanh niên 19 tuổi tên Võ Văn Tư hoạt động chống chánh phủ Pháp ở Mỹ Tho bị đổ bêu, trốn lên Saigon, xin giúp việc nhà cho một Ấn kiều. Vì không dám ra đường sợ bị Mật thám nhìn mặt hoặc hỏi lý thú thân, Tư ở trong nhà suốt ngày, suốt tháng làm tất cả việc gì ông chủ muốn. Tư có màu da sạm như người Miên lại thích mặc cái chần (sarong) nên xem không khác người Ấn nếu anh ta cạo đầu và đội cái mũ không vành. Được cái lém lỉnh, lanh lợi và thông minh, Tư học nói tiếng Ấn với mấy cậu con chủ và anh bếp già. Sau ba năm ăn cà ri, bánh rế, Tư nói sỏi tiếng Ấn, mặc chần trắng, áo

bành tồ trắng cò đứng, đội cái chóp ni đồ hoàn toàn giống một Ấn kiều. Bấy giờ anh ta đang hoang ra đường ôm lập dục, cầm cây dù đen đi lang thang khắp phố, thâu tiền góp, giới thiệu hàng giúp chủ một cách đặc lực.

Một hôm, người chủ cho anh biết ông sẽ về Ấn an hưởng tuổi già và hỏi anh có muốn đi theo không? Anh không ngần ngại xin đi liền. Người chủ tỏ vẻ cảm động nói rằng:

— Tao thương mày như con tao, mày muốn làm con nuôi tao không?

Tư cảm động nắm lấy tay ông chủ để lên tỏ ý ưng thuận.

ĐỨA CON THỨ 13

Người chủ làm đơn ra Tòa nhân Tư là đứa con riêng, lấy tên Ấn quốc tịch Anh. Xong thủ tục, Ông dắt Tư về thị trấn Benarés, coi sóc một cửa hàng buôn vải, lựa cách tính lý lối 30 cây số.

Một năm sau, ông cha nuôi cưới cho Tư một cô vợ Ấn. Là người cháu họ của ông Thế là Tư hoàn toàn không còn gì giống người Việt Nam. Giá như các ông Mật thám ở Mỹ Tho có gặp Tư cũng không biết anh ta là kẻ có tên trong sổ bìa đen đạo nào!

★

TRONG vùng Tư ở, có một cô tục không hiểu nguyên do vì đâu, cứ ba mươi năm một lần, một số thanh niên và đàn ông Ấn đi «làm con của Đức Phật». Ai muốn đi thì đi không ép buộc hoặc cảm đoán. Mỗi gia đình cứ một người, gọi là đại diện cho giòng họ mình. Nếu người đó thành công thì là một danh dự hết sức lớn không gì hơn nổi. Điều kiện duy nhất bắt buộc kẻ tình nguyện phải theo là bịt کیا hai

mất đi từ đầu con đường xuyên qua một khu rừng dày tới 18 ngôi chùa liên tiếp, đến ngôi chót thì được nhận là đứa con của Đức Phật. Kể từ khi tục lệ này ra đời đã có 12 người đi tới ngôi chùa thứ 12 và được nhìn nhận. Năm ấy người nào thành công sẽ là đứa con thứ 13.

Đúng ngày giờ định sẵn, mỗi gia đình làm lễ cầu nguyện Đức Phật rất thành khẩn, dọn tiệc đãi thân quyến để tiễn chân người sắp lên đường. Người này được ăn uống thật no, rồi đi đến ven rừng bịt mắt lại nhắm chừng phương hướng mà đi. May mắn vào đúng ngôi chùa thứ nhất sẽ có sư sãi đón rước từ tế, cho ăn, nghỉ một đêm, hôm sau lại tiếp tục đến ngôi chùa thứ nhì. Có người đi lạc hẳn, tháng mới tới một ngôi chùa thành thử gần ngót năm mới đến

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

ngôi chót. Rủi ro đi lạc đường thì phải rón mà lần mò tìm lối ra chớ không thể nhờ người nào khác. Dù có người thấy cũng không dám giúp vì họ cho rằng kẻ nào được Đức Phật nhận làm con sẽ đi đúng đường nhờ Ngài dìu dắt. Nếu tìm không ra thì phải nhịn đói hoặc quơ bầy trái cây, lá cây mà ăn, rủi vướng nhảm loại có chất độc thì bỏ mạng giữa rừng. Kẻ xấu số gặp thú dữ xé thịt là một điều không thể tránh. Vì thế số người tình nguyện mỗi kỳ hàng ba, bốn chục, có khi hàng trăm mà chỉ có một người đến đích, có khi không có mống nào. Kẻ sùng đạo rất thành tâm gìn giữ qui điều không bao giờ dám đơn sai như hé mảnh vải bịt mắt để thấy đường đi, đem thức ăn dấu trong mình, hoặc dùng một thủ đoạn nào khác để đạt mục đích. Người không đủ kiên nhẫn bỏ cuộc nửa chừng thì phải bỏ làng đi nơi khác ở chớ không dám trở về cứu sự nguyện rủa của gia đình và hàng xóm suốt đời. Bước chân khỏi nhà, thân nhân kẻ người ra đi sẽ là con của

Đức Phật hoặc là... chết mất xác dọc đường.



CUỐI tháng tư năm 1945, ông cha nuôi của Tư hợp thân nhân lại bàn luận về việc cử người đi làm con thứ 13 của Đức Phật. Ngày lên đường ấn định nhằm đầu tháng 6. Tuy tục lệ không bắt buộc ai, nhưng vì từ lâu gia đình ông không có người tình nguyện nên ông đã khẩn vái với Đấng Từ phụ và hứa với hàng xóm rằng lần này sẽ có. Ông trình bày lý do và hỏi người nào chịu đi.

Không một ai trả lời.

Ông hỏi từng người thì kể bạn việc này, kể mắc kẹt việc khác, người nói mình còn gánh nặng phải lo, người cho mình không can đảm đem sanh mạng thử thách.

Ông khổ tâm không cùng vì ông sẽ mất mặt với làng xóm và mang tội với Đức Phật, một

trọng tội mà người Ấn thù chết chứ không thể sống dưới sự dày vò của lương tâm. Ông nói rằng nếu ông còn đủ sức khỏe ông sẽ đảm nhận trách vụ này chứ không tìm cách thoái thác, hay nhờ ai. Ông bán khoản không biết giải quyết cách nào vì không thể thuê người ngoài gia đình được. Ông chết lặng hồi lâu giữa một nhóm người ngồi im không nhúc nhích.

Anh Tư thấy thương ông cha nuôi vô bờ bến, anh không thể nhìn ông trong tình trạng quá bi thảm này. Vả lại, sự việc sẽ diễn tiến có nhiều kẻ lỳ kỳ, huyền hoặc rất hợp với tánh tò mò của anh, nên anh liền ngỏ lời xin ông chấp thuận cho anh đi. Lời nói của anh được cử tọa hoan nghinh nhiệt liệt. Ông cha nuôi quá cảm động ôm anh khóc ròng. Ông cho rằng có lẽ đứa con nuôi dân Annam của ông là con thiệt của Đức Phật đầu thai nên mới xui khiến ông nhận nó làm con và đem về Ấn độ để ngày nay nó hoàn thành sứ mạng này. Cô vợ trẻ cũng hoan hỉ không kém, cô

rất tự hào có người chồng mộ đạo và can đảm, dám hy sinh. Nếu sau này chồng cô đạt mục đích thì cô sẽ hãnh diện biết bao nhiêu.

Thế rồi, anh Tư được đưa vào Chùa trình diện với vị Sãi cả để kê tên tuổi vào danh sách và thí phát quy y. Trước tháng 5 anh bận rộn vì thủ tục ở Chùa và nghe những điều kiện phải theo lúc đi đường, học hỏi phương hướng các ngôi chùa phải đến. Anh được thân quyến đãi đằng trọng hậu toàn vật lạ, món ngon để tỏ lòng cảm ơn anh giúp họ và biết đâu những buổi tiệc tùng ấy là lễ tiễn đưa anh vào cõi chết. Người săn đón anh nhiều nhất là ông cha nuôi. Ông hỏi anh muốn vật gì, muốn làm gì ông cũng chiều ý tất cả. Ông không ngại tốn tiền, không nề hà

Neurotonic

BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ

khó nhor, chỉ mong đên đáp ơn anh phần nào hay phần ấy. Nhưng anh không muốn làm phiền ông chủ củ, ông cha nuôi có lòng tốt với anh, mà trong thâm tâm lúc nào anh cũng nhớ nếu không có ông biết đâu anh đã bỏ xác vì cuộc tra tấn của Pháp hay ở tù ngoài Côn Nôn mãi đời? Anh không đòi hỏi gì hơn là nhờ ông săn sóc vợ anh trong lúc anh vắng mặt.

Đầu tháng 6, anh dự buổi tiệc chót tại nhà rồi hăng hái lên đường vào lúc tờ mờ sáng. Những gia đình có người tham thóa thuận với nhau về giờ và ngày xuất trình không trùng bọp dề mỗi người đi riêng rẽ một mình. Cả nhà đưa ông đến ven rừng, bịt mắt anh, chúc tụng anh đứng nhìn anh đến khi khuất dạng mới trở về.

Anh loạng choạng đi, hai tay đưa thẳng ra phía trước sờ soạng vì không có gậy, chốc lại chụp nhằm thân cây, vấp một mô đất sóng xoài. Đi được lối hai giờ anh thấy đói, khát và khó chịu

vô cùng. Từ đầu gối trở xuống cái chân rách mấy đường và da thịt tét vài chỗ chảy máu Anh nghĩ thầm rằng: vốn dĩ anh là một thanh niên có óc cách mạng chứ không phải là kẻ tu hành thì việc làm con, làm cháu của Đức Phật không ăn thua gì đến chí hướng của anh cả. Như thế «vấn đề» hành xác thân bắt đói, chịu khát chịu té què giò rụng u đầu, trầy trán và chịu bỡ thây giữa rừng cho thú dữ ăn quả là một điều tối ư vô lý. Không cuộc đời đầy hy vọng ở tương lai của một chàng trai Việt Nam lại chắm dực ở đâu bờ xô bụi xứ Ấn độ hay sao? Gia chi dĩ từ khi qua đây, anh chưa bao giờ nghe nói đến khu rừng ác ôn này, đến lộ trình oái oăm này, bây giờ lại bịt mắt đi mò thàng liền quả là một cách tự tử hữu hiệu nhất. Anh không biết người sẽ được nhận làm con Đức Phật được Ngài chỉ đường bằng cách nào chứ mới có hai giờ mà anh gần phát điên rồi. Thôi thôi, Nam Mô A Di Đà Phật, chức chương: «đưa con thứ 13» anh nhường

cho một người Ấn chánh tông, còn anh xia đầu hàng vô điều kiện, Nhưng không lẽ anh tháo chiếc khăn quay trở lại với vợ dề bi ông cha nuôi và hàng xóm nguyện rửa suốt đời, hay bỏ đi ở vùng khác trốn tránh như một kẻ tử tù hay sao? Đăm lao phải theo lao, anh chỉ còn một đường phải chọn là đi qua mười hai ngôi chùa dề được ăn và nghỉ rồi sau này ra sao thì ra. Anh dừng lại, lắng tay nghe có tiếng chân người đi gần không và gọi to lên:

— Có ai ở đây không? Xin giúp tôi một tay!

Anh gọi ba lần không nghe trả lời, mới yên trí dầy cái khăn bịt mắt lên cao một chút. Anh cần thận dầy một bên thoi, dù thấy đường đi và rui có gặp người nào thì kéo xuống lệ làng không sợ lộ tây. Anh nhìn quanh thấy toàn là cây cối dày dặt chỉ có vài kẻ hồ dủ một người đi một cách chậ vật. Anh hư hồn, nếu không sớm suy nghĩ và quyết định thì chắc chắn trăm phần anh hết mong thấy mặt vợ và ông cha nuôi. Bây giờ anh đi thênh thang, nhẹ tênh tênh,

một mạch thẳng đến trạm thứ nhất. Lẽ cố nhiên khi vừa thấy dạng ngôi chùa, anh nhắm đường thật kỹ rồi kéo khăn che thật kín mắt, Sờ soạng đi tới. Trong chùa vị Sài cả biết trước sẽ có người đến đã cắt phiên các vị Sư túc trực ngày đêm chờ đón tai công.

Anh Tư được tiếp rước trọng thể, dãi ăn uống và cho nghỉ một đêm. Tuy nhiên mảnh khăn bịt mắt không bao giờ được cởi ra. Sáng lại, sau buổi điểm tâm cần thận anh sờ soạng lên đường. Nhắm chừng cách chùa khá xa, anh dầy khăn lên, phóng nhanh như gió. Cứ thế anh qua đủ mười hai ngôi: chùa với một tốc kỹ lục, chưa bao giờ có người nào đi nhanh bằng. Vị Sài cả ngôi chùa thứ mười hai tờ chức buổi lễ thật long trọng nhìn

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THOM * NGON * NGỌT

nhận anh là đứa con thứ 13 của Đức Phật, choàng lên mình anh một cái áo cà sa vàng có chạy chỉ vàng thiệt, cấp cho anh một mảnh bằng chứng thật anh đã vượt qua cuộc thử thách và được Đức Phật hướng dẫn anh đến đúng mục tiêu. Đoạn vị Sĩ cả tặng anh một số tiền làm lộ phí trở về nhà bằng xe đò, và cất một vị sư đưa ra tỉnh lỵ.

★

ANH đến một thành phố cách nơi anh ở hơn hai trăm cây số. Hỏi ra thì đường xe đi vòng mấy thị trấn khác nên xa hơn ngã xuyên qua khu rừng. Thay vì anh vào một ngôi chùa gần chợ ở tạm chờ xe cho đúng là đứa con của Đức Phật, anh lại thuê phòng ngủ, quần áo thường. Anh nhất định dấu hẳn chức vị anh vừa nhận được bằng một phương pháp không xứng đáng. Sẵn có một món tiền riêng khá nhiều và còn thừa nhiều thì giờ, anh định du lịch một phen cho biết đất bên vợ.

Lúc ấy Nhật Bản đầu hàng Đồng Minh, thế chiến thứ hai chấm dứt, thiên hạ reo mừng và bàn tán về tình hình chánh trị biến chuyển suốt ngày. Lòng yêu nước và chí nguyện cứu anh lại bùng dậy. Anh tìm những Việt Kiều trong tình hồi thăm tình trạng nước nhà. Anh gặp ngay một số Việt Kiều đang sửa soạn hồi hương hợp với chánh phủ Việt Nam đánh đuổi Thực dân Pháp. Anh không ngần ngại tỏ thật thân thế mình và xin gia nhập vào đoàn «Việt kiều hải ngoại». Anh tự xét mình là một công dân Việt Nam, một tay cách mạng kỳ cựu, anh không có quyền trốn tránh nhiệm vụ trong cơ hội may mắn ngàn năm một thuở này. Công trình của anh, của bao nhiêu người đã hiện ngang chống Tây ngay dưới thờ

MIDOL
TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM GŨM

đô hộ cũng đều nhắm vào giờ phút lịch sử này. Không lẽ sau bấy nhiêu lâu chờ đợi mà đến bây giờ này anh lại ngoảnh mặt làm ngơ, chịu rúc ở đất người sống vinh thân phì gia hay sao? Đối với ông cha nuôi, việc anh tình nguyện nhận gánh nặng cho gia đình, của giòng họ ông cũng đủ gọi là trả ơn ông đùm bọc phần nào. Hơn nữa anh cũng lo sợ sau này có người nghi ngờ mà cất vấn lời thôi, biết đâu lại không mưu mô xảo trá ra? chừng ấy không biết hậu quả sự vi phạm qui điều của một cò tục được sùng bái hàng mấy thế kỷ sẽ đưa anh đến đâu? Anh liền vô phòng thu xếp lên đường ngay. Anh không viết thư về báo tin cho ông cha nuôi và cô vợ biết vì anh không biết chữ Ấn, vả lại anh muốn mọi người đinh ninh rằng anh chết giữa rừng cho xong.

Đoàn Việt Kiều hải ngoại phải mất hơn ba tháng mới về đến Cao Miên bằng đường bộ qua ngã Thái Lan vì tàu thủy từ Ấn thẳng Saigon chưa tổ chức kịp. Tình thế bấy giờ đã thay đổi hoàn

toàn. Chánh phủ Việt Nam độc lập vừa ra đời thì bị ngay quân đội Anh đưa Thực dân Pháp vào tái chiếm Saigon và đang bình định các tỉnh. Người Việt phải vào bưng lới du kích chống cự. Ở Cao Miên, Quốc Vương Sihanouk rước ông thầy củ trở lại bảo hộ như xưa. Người Miên yêu nước cũng lui vào chiến khu phản kháng.

Nhóm Việt Kiều hải ngoại không thể hồi hương, tạm ở lại đất Miên tổ chức cơ sở trong rừng. Anh Tư được những người ở địa phương đưa ra làm một công vụ tuyên truyền với chiếc áo cà sa và mảnh bằng cấp đề lời kéo giới Sư Sãi Cao Miên, nhờ họ hộ hào người Miên gia nhập, ủng hộ, giúp đỡ...

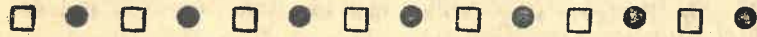
Sau một thời gian, không nghe ai nhắc đến anh nữa.

★



Phép lạ YOGI

● *Sưu tầm CAO-NGUYỄN-LANG*



ẤN-ĐỘ — Một quốc gia giàu tin ngưỡng vào bậc nhất. Đồng thời, cũng là Thế Giới huyền bí của những hiện tượng kỳ diệu : Phép lạ Fakir, Yogi... không còn là thần thoại hoang đường. Mà, tất cả, là sự thật, làm sững sốt nhiều người. Một sự thách đố đối với khoa học.

Dưới đây là lời tự thuật của *Paramhansa-Yogananda* — Một Yogi lừng danh, đã từng sống nhiều năm ở Huế Kỳ..

Dĩ vãng là một cái gì xa vời. Nhưng, đối với tôi, đó là những hình ảnh của thừa ấu thơ. Tôi không thể quên được. Mặc dù, cuộc sống xa xưa ấy, có vẻ mờ ảo, như những làn tuyết phẳng phất trên đỉnh Hy Mã Lạp Sơn; mà ở đây, chính tôi cũng là một Yogi.

Đã là một Yogi thì luôn luôn phải giữ vững ý thức tin tưởng vào «luật» luân hồi. — Nói rõ ràng hơn là, sự nối tiếp giữa «sống» và «chết», giữa «linh hồn»

và thể xác.

Cha tôi, Bhagabati Charan Ghosh, là một người rất tốt, trầm tĩnh. Nhưng, đôi khi nghiêm khắc. Ông Cụ là Phó Chủ Tịch Công Ty Hỏa xa Bengale Nagpur — Một trong những cơ sở thiết yếu của Ấn Độ.

Là một viên chức, dù là viên chức cao cấp, công việc thường không cố định mãi mãi ở một chỗ nào. Do đó, thời kỳ thơ ấu, tôi — nói chung là cả gia đình — đi theo ông cụ được khá

PHÉP LẠ YOGI

nhiều lần.

Cả ông cụ, và bà cụ thân sinh ra tôi, sau khi lấy nhau, đều trở thành đệ tử của Đức Ngài *Lahiri Mahásaya*, tại Bénarès.

Việc này, thực ra, không phải là tự nhiên, mà là một «căn duyên» đưa đến. Theo lời thuật lại thì, chính ông Abinash, một thuộc viên dưới quyền ba tôi, làm việc tại văn phòng sở Hỏa xa, đã tiễn dẫn ba má tôi đến «cửa» Đức Ngài..

Ông Abinash thường kể cho tôi nghe những thần thoại về uy quyền thiêng liêng của các bậc Thần Thánh tại Ấn Độ.

Có lần ông hỏi tôi :

— Cháu có biết nguyên nhân nào khiến ba má cháu trở thành môn đệ của Đức Ngài *Lahiri* không ?

Bữa đó, tôi nhớ, vào một buổi chiều mùa Hè. Chúng tôi ngồi hóng gió trên sân thượng nhà.

Nghe ông hỏi tôi lắc đầu. Ông Abinash cười xòa, rồi bắt đầu kể:

— Cháu không biết là phải lắm! Bởi vì, hồi ấy, cháu đâu đã ra đời để biết chuyện của ba má cháu...

«Hồi bấy giờ ba cháu còn là Chánh sở thuộc chi nhánh Hỏa xa Gorakhpur. Chú cũng làm việc ở đó. Một bữa, chú lên bàn giấy ông xin phép nghỉ một tuần. Chú cũng trình bày rõ là chú phải về Bénarès vấn an Đức Ngài *Lahiri*.

«Ba cháu nhìn chú, với vẻ nửa như chế nhạo, nửa nghiêm khắc :

— «Tôi không ngờ ông.. lại cuồng tín như đàn bà. Ông hãy nghỉ đến cái hiện tại của công việc ông đang làm. Tôi nghĩ, những công việc thực tế, và ích lợi, cũng có thể làm cho con người ta thanh thản được lắm chứ !

«Bị ba cháu từ chối, không cho nghỉ. Chú buồn lắm. Chiều hôm ấy, tan sở, chú thất thểu đi một mình trên con đường đất băng

qua cánh đồng quê, về nhà. Giữa đường, chú gặp ba cháu ngồi trên cáng, có mấy người phu khiêng. Ông vẫy chú lại, bảo mấy người phu ghé xuống cho chú lên ngồi bên cạnh ông.

«Cố lẽ ông biết chú buồn lắm, nên ông gọi chuyện an ủi chú. Ông nói về hiệu quả của công việc, đã tạo nên cuộc sống mỗi ngày một tiến bộ, của nhân loại. Tai chú vẫn nghe. Nhưng trong tâm tưởng của chú thì luôn luôn hướng về Đức Ngài. Chú thăm khấn: *«Lạy Đức Ngài Cao Cả... cuộc sống của con nếu không có Đức Ngài, chắc chắn nó không còn là cuộc sống. Cầu xin Đức Ngài che chở cho con.»*

«Trời đã bắt đầu xé bóng. Những tia nắng lưa thưa trải trên cánh đồng cỏ xanh mướt. Chiếc cáng nghiêng nghiêng theo đoạn đường vòng. Quang cảnh thật là đẹp. Bất chợt, ngay lúc ấy, «Đức Ngài» bỗng xuất hiện, chỉ cách chiếc cáng, chỗ ba cháu và chú ngồi, chừng mấy

bước. Ngài nhìn ba cháu, giọng nghiêm khắc:

— «Bhagabati ! Người đừng nên ý quyền làm khó dễ những thuộc viên của người như Abinash. Chính Abinash là kẻ rất tốt với người !

«Chỉ nói từng ấy câu, Đức Ngài biến mất. Ba cháu tái mặt vì sợ. Còn chú cũng sùng sờ như người mất hồn. Chú nhảy vội xuống cáng, quỳ hướng về phía Đức Ngài vừa xuất hiện, miệng lầm nhảm: *«Lạy Đức Ngài Lahiri cao cả khôn lường!»*...

«Lúc chú trở lên cáng. Ba cháu lặng lẽ như pho tượng, vẻ đương suy nghĩ một vấn đề gì lung lắm. Đoạn, ông quay sang chú, nói nhỏ nhẹ:

— «Abinash ! Tôi bằng lòng cho ông nghỉ phép một tuần... Và tôi cũng... nghỉ nữa. Tôi muốn tôi, cùng với «nhà tôi», ngày mai theo ông đi Bénarès, để được chiêm ngưỡng «Đức Ngài» Lahiri. Ông có thể giúp chúng tôi trở thành môn đệ của Đức Ngài, cũng như

ông ?...

«Lẽ cố nhiên là chú nhận lời ba cháu, và trong bụng chú vui như không nhớ gì đến những phiền toái lúc trước.

«Chiều hôm sau, chú cùng ba má cháu đáp tàu đi Bénarès. Qua một đêm nằm tàu. Sớm hôm sau xuống xe lửa, phải mượn cỗ xe ngựa đi một đặc dài nữa. Sau đó, đi bộ rất xa mới đến «am» của Đức Ngài.

Chú dẫn ba má cháu đến quỳ dưới chân Đức Ngài. Như thường lệ, Đức Ngài ngồi nhập định trên bệ sen kê cao giữa «am».

Một lát sau, Đức Ngài mới mở mắt, nhìn chú và ba má cháu. Tia sáng của cặp mắt Ngài như hào quang xoay thẳng vào ba cháu. Giọng Ngài điềm đạm:

— «Bhagabati ! Người đừng nên ý quyền, làm khó dễ những thuộc viên của người, như Abinash. Chính Abinash là kẻ rất tốt đối với người...

«Cũng vẫn là câu nói cách đây hai ngày khi Đức Ngài đột ngột xuất hiện ở Gorakhpur, trước cáng của ba cháu và chú.

«Ba cháu cúi đầu im lặng. Chú vừa toan mở lời cầu xin Đức Ngài, thì Ngài đã tiếp:

— «Nhưng... ta lấy làm hài lòng vì Người đã kịp thời tỉnh ngộ. Không những người cho Abinash được thỏa nguyện. Mà cả hai vợ chồng người đều một lòng đến đây với ta.

«Cháu có thể tưởng tượng lòng sung sướng của ba má cháu và chú, lúc ấy như thế nào không? Đúng là cái sung sướng của những con bệnh hiểm nghèo, bỗng dưng vớ được liều thuốc tiên.

«Đức Ngài giảng cho ba má cháu những nguyên lý thực tiễn về tâm linh và truyền cho ba má cháu phương pháp tịnh tâm dưỡng thể theo «Kriyâ Yogi».

Đức ngài còn cho ba má cháu biết, cuộc đời của cháu sau này,

liên hệ rất nhiều với Ngài. Cháu có sứ mạng nối tiếp công nghiệp của Ngài trên đời.

«Lời dạy của Ngài không phải là một lời tiên tri. Mà là sấm truyền — Tương lai chỉ là sự an bài đã được định rõ trước mắt Ngài.»

✱

● Phép lạ ! hào quang tỏa trên bức hình thờ...

Đức Ngài Lahiri — Mahāsaya đã quy ẩn khỏi cõi đời sau khi tôi sinh ra đời được ít lâu. Câu chuyện của chú Abinash khắc sâu trong tâm khảm tôi. À quên ! Tôi chưa nói hết về chú Abinash. Theo ba má tôi cho biết : Từ sau ngày chú tiến dần ba má tôi làm «môn qui» dưới chân Đức Ngài, thì đối với ba tôi, chú tuy là một thuộc viên, nhưng cái tình, ba tôi coi chú như người em ruột trong gia đình. Và, chính chú là người đã nuôi dưỡng cho tôi lòng tôn thờ Đức Ngài.

Trong nhà tôi có một tấm hình thờ Đức Ngài. Bức hình thật quý, không phải vì bộ khung mạ vàng và những đường trạm cầu kỳ. Mà, chính là tấm hình lồng ở trong khung kính, ba tôi coi như vật gia bảo, thiêng liêng nhất. Tấm hình này, do chính tay Đức Ngài ban cho ba tôi, trước khi Đức Ngài viên tịch.

Thế rồi một «phép lạ» đã xảy ra..

Năm tôi lên tám tuổi — Thời kỳ này, gia đình tôi dời về Ichapur (Bengale). Vào một đêm, tôi bị đau bụng kịch liệt. Và cứ thế «miệng nôn, chôn tháo». Mặt mũi tôi tái xanh tái tử. Thoạt đầu ba má tôi tưởng tôi ăn phải thứ gì độc, trúng thực. Nhưng, sau thấy nguy quá, chở tôi đi nhà thương. Các bác sĩ, mặc dù tận tình, nhưng cuối cùng cũng đành lắc đầu, và cho biết, tôi bị dính «dịch tả» (Choléra) — Ba tôi gần như tuyệt vọng. Má tôi bỗng tôi về nhà. Ý má tôi, không muốn tôi chết trong nhà thương.

Khi bước chân vào nhà, má tôi bỗng dừng lại trước bức hình Đức Ngài. Má tôi khóc suốt suốt. Rồi không biết nghĩ sao, bà đặt tôi quỳ dưới tấm hình, nước nỡ bảo tôi :

— Con quỳ xuống chân Đức Ngài đi. Con hãy thành tâm kêu cầu Đức Ngài cứu rỗi cho con..

Lúc bấy giờ tôi hoàn toàn trong tình trạng hôn mê. Nhưng, tự nhiên, tôi nghe má tôi nói như một người tỉnh táo. Tôi ngược mắt nhìn lên tấm hình Đức Ngài. Đột nhiên, những tia hào quang sáng chói từ tấm hình tỏa rộng, phủ kín người tôi. Rực rỡ cả gian phòng. Tôi có cảm giác như có những luồng hơi nóng cuộn cuộn trong thân thể. Tôi thấy khỏe khoắn một cách lạ thường. Khỏe hơn cả lúc tôi chưa bị nhiễm bệnh. Tôi rút tay ra khỏi bàn tay má tôi, và quỳ thẳng, không một chút run rẩy.

Má tôi không còn khóc nữa. Bà cũng quỳ sụp xuống bên cạnh

tôi. Mắt bà chớp chớp nhiều lần giữa vùng ánh sáng.

Khi ánh hào quang nhạt dần rồi từ từ biến mất. Má tôi như chợt lĩnh cơn mơ, miệng lẩm nhẩm :

— Lay Đức Ngài rủ lòng thương. Ánh sáng của Đức Ngài đã cứu con con khỏi bệnh.

Lúc bấy giờ tôi mới biết, không phải một mình tôi nhìn thấy «phép lạ» Cả má tôi cũng được thấy rõ như tôi.

(Còn nữa)

kỳ sau : Những tấm hình chụp không thành hình làm điên đầu những tay nhiếp ảnh nhà nghề !



✱

★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★
HỒ-XUÂN-HƯƠNG ★ ★
 ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
 Lịch - sử nhân - loại, sau Sapho

★ NGUYỄN-VỸ

*X— Tại sao Hồ Xuân Hương không
 có thiện cảm với các ông Sư, và đặc biệt
 đã kích nhửng ông Sư tà dâm?*

(Tiếp theo PT số 223)

NGUỜI ta phải tự hỏi : tại sao Hồ xuân Hương có ác cảm đậm với các vị Sư như thế ? Bên phái Nữ tu sĩ, cô cũng thường châm biếm các bà Vai, bằng những câu thơ rất độc địa, nhưng, trái lại, không bao giờ Hồ xuân Hương đụng chạm đến các Ni cô, là tại làm sao ?

Tìm hiểu về diêm tâm lý này,

tức là tìm hiểu thêm về tính chất Thơ của Hồ xuân Hương, với đầy đủ những yếu tố cấu tạo ra Thơ Hồ xuân Hương.

Chúng ta đã biết rằng ở thời đại Nho học, nhà Nho thường có thành kiến về các tín đồ Phật giáo. Họ cũng không mấy kính nể «các vị Sư» tuy rằng họ không công kích ra mặt. Họ đặt đề các ông «Sư» vào một vị trí

HỒ XUÂN HƯƠNG

riêng biệt, với những danh từ «Thầy tu», «thầy Chùa», không mấy tốt đẹp, hàm một ngụ ý mỉa mai. Câu ca dao :

Tu đầu cho bãng tu nhà,
 Thờ Cha, kính Mẹ, đó là đi tu,

diễn tả đúng lập trường cách biệt của nhà nho đối với nhà Sư. Đệ tử của Đức Khổng quan niệm rằng theo đúng cương thường luân lý của Đạo Khổng là tức nhiên con người đã tốt rồi Đạo Khổng cũng dạy người ta «**làm lành lánh dữ**», thì hà tất phải cạo đầu đi tu, vô Chùa tụng kinh gõ mõ ? Các ông nhà Nho thường mượn ngay chữ của Phật; «**Phật tại tâm**», để lý luận rằng hễ có tâm thờ kính Phật, có tâm từ bi hỷ xả như Phật, tức là theo Phật rồi. đầu cần phải vô chừa tụng niệm, mặc áo cà sa, mới tìm thấy Phật ?

Đó là những lý lẽ thông thường mà các nho hay dùng để biện minh cho lập trường Nho

giáo không tha thiết đến việc tu hành của Phật giáo. Nhà Nho trọng **đạo làm người** trước nhất, và họ xử thế theo quan niệm người «**quân tử**» của Khổng giáo.

Tuy nhiên; thái độ của nhà Nho hoàn toàn tiêu cực. Không bao giờ họ thẳng thắn công kích Đạo Phật, và họ cũng không thể công kích một diêm nào trong giáo lý của Phật được cả. Các nhà học giả Nho giáo uyên thâm, văn nhân, hiền nhân, quân tử, đều triệt để tôn kính Đức Phật. Không bao giờ họ làm một bài thơ, một bài văn, hay một câu hát, câu tục ngữ, câu ca dao, xúc phạm đến các vị Phật, các vị Bồ tát, hay các vị Sư tử, Hòa thượng chơn tu. Trong văn chương bình dân cũng như quý phái, cớ điển cũng như lãng mạn, hoặc trào phúng, loạn ly như dưới thời nhà Trần, phong phú như thời thịnh Lê, phóng dật như thời Quang Trung, tuyệt nhiên không thấy Nho giáo bài bác giáo lý của Đức Phật, không bao giờ phủ

nhận tính chất thiêng liêng của
Ngôi Tam Bảo.

Đó là một diễm son làm vinh
dự cho các nhà Nho ở Việt
Nam, mà chúng ta cần phải ghi
nhận ở đây, trong khi đi sâu
vào Thơ Hồ xuân Hương.

Trường hợp Hồ xuân Hương
rất đặc biệt. Cô không phải một
nhà Nho học uyên thâm, và cô
cũng không tự nhận là đồ đệ
của Khổng giáo. Cô làm thơ
lại thuần túy bằng tiếng Việt
bình dân, tiếng Việt mà ở thời
đại của cô, các nhà Nho gọi là
«tiếng Nôm». Trên lập trường
tích cực nhân sinh, — gạt hẳn
ý thức tôn giáo, — quan niệm
của cô về các nhà Sư cũng
mang tính chất bình dân, tự do
cởi mở, diễm pha màu sắc trào
lộng, hơn là nghiêm nghị, kiểu
cách theo giới Trí thức «hòn
lâm». Đối với Phật, và nơi thờ
Phật tôn nghiêm, không bao
giờ cô dám thất lễ. Trái lại, Hồ
xuân Hương Nữ sĩ có thừa lễ
độ nho phong khi cô diễn tả :

Một tòa sen lạt hơi hương
ngự
Năm thức mây phong diễm
áo châu
(Đền Trấn Quốc)

Hay là :

Cá khe lẳng kệ, mang nghi
ngộp,
Chim núi nghe kinh, cổ gát
gù
Then cửa từ bi chen chặt
cánh
Nền hương tế độ cảm đầy
lò
(Chùa xưa)

Hay là :

Ba hồi chiêu mộ chuông gâu
sóng,
Một vũng tang thương nước
lộn trời
(Đài Quán Âm)

Nghĩa là Hồ xuân Hương rất
mục đứng đắn, ý thức rằng nơi
đây trào lộng không đúng chỗ,
khi cô đứng trước cảnh tượng
tôn nghiêm thờ phượng Đấng
Thiên Liêng.

Nhưng, khi ngoảnh mặt ngó
một vài ông Sư thiếu đạo đức,
vô tự cách, không phải bậc chơn
tu, không xứng đáng là một
Đệ tử của Phật, thì Hồ xuân
Hương không còn một chút nề
nang, kính trọng nào cả. Cô
đưa ngay ra cái khẩu khí trào
lộng của cô, duyên dáng một
cách vô cùng quái ác :

Thuyền từ cũng muốn về
Tây Trúc
Trái gió cho nên phải lộn
lèo
(Sư bị làng đuổi)

Oản dăng trước mặt năm ba
phẩm
Vãi mọp sau lưng bảy tám
bà
Khi cảnh khi tiu, khi chũm
chọc
Giọng hi, giọng hí, giọng hi
ha

(Nhà Sư)

Tràng hạt vãi lần đếm lại
deo

Cha kiếp đường tu sao lắt
lẻo
Cảnh buồn thêm ngán nợ
tình reo !
(Chùa Quán Sứ)

Dù cho đến 100 năm sau Hồ
xuân Hương, ở đất Việt Nam
này cũng còn một số giả tu,
mệnh danh «Đại Đức». «Thượng
tọa», lẳng lơ, dâm dật mà
những câu thơ «trái gió» «lộn
lèo» của Nữ thi bá Hồ xuân
Hương vẫn còn áp dụng được.

Đối với bọn «Sư Muông» giả
danh đạo đức của thời mặt pháp,
đầy sân si ngạo mạn, háo sắc
háo... «dollar», câu thơ chất
chứa của Hồ xuân Hương thật
là bất hủ ;

Nam mô khế hỏi nhà Sư tí
Phúc đức như ông được mấy
bồ ?
(Chùa xưa)

Thái độ thẳng thắn và rất
can đảm của Nữ Thi sĩ Hồ xuân
Hương là một chứng minh làm
sáng bật lên tư cách thanh cao
và tư tưởng siêu việt của nữ sĩ.

HỒ XUÂN HƯƠNG

Cô không chấp nhận được sự đơ bần phá giới của một tu sĩ và không sợ gì mà không nói lên lòng khinh miệt của cô đối với tác phong phẫn đạo pháp của kẻ khoát áo cò sa đê, che dấu tội lỗi, của kẻ đã tự nguyện qui ý theo Phật, tượng trưng Ngôi Tam Bảo, mà phá ngôi Tam Bảo, đọc kinh Phật mà phân lại giáo lý của Phật.

Cô khẳng khái lột trần sự giả dối ấy :

Tu lâu có lẽ lên Sư Cụ
Ngất nguyền tòa sen nọ đó
mà !
(Nhà Sư)

Giả sử Hồ xuân Hương là một thiếu phụ lãng lợ, đa tình, đa dâm, như một số người vô tình hiểu lầm hoặc cố ý xuyên tạc, thì không bao giờ cô có thái độ nghiêm khắc trong những bài thơ trào lộng mỉa mai như thế kia. Trong trường hợp đó, chắc là cô phải làm thơ lãng lợ đê chọc ghẹo các ông Sư, thơ dâm dăng đê quyến rũ các ông Sư,

hoặc thơ diễm tình đề «bồ bùa ông Sư», như lời ca dao bình dân.

Chúng ta không hề thấy trong Xuân Hương Thi tập một câu thơ nào có ẩn ý như thế. Hơn nữa, nếu Hồ xuân Hương dâm dục, lãng lợ, «bị dục tình ám ảnh», thì các vị sư nữ, ni cô, chính là những đề tài thích hợp nhất để tha hồ cô làm thơ chę riếu, mỉa mai.

Nhưng không ! Không bao giờ Hồ xuân Hương thốt ra một vần thơ ám chỉ hoặc dâm thọc ngay các nữ tu sĩ kín cổng cao tường, đêm ngày chỉ lo tụng kinh niệm Phật, không hề gây ra tai tiếng ngoài đời, Nữ sĩ Hồ xuân Hương kính trọng các Ni cô, Sư nữ, cũng như cô kính

REGAST. T
TRỊ CÁC CHỪNG ĐAU
VÀ LỞ LOỆT BAO TỬ

HỒ XUÂN HƯƠNG

trọng các bậc Hòa thượng chơn tu, không dám xúc phạm đến uy tín và thanh danh.

Hồ xuân Hương gạt hẳn Tôn giáo, Đạo giáo ra ngoài. Cô chỉ chú trọng đến phương diện thực tế nhân sinh, nhận xét tính chất nhân phẩm theo quan điểm thuần túy dân tộc, phong độ bình dân súc tích, đặc biệt của giống người Việt Nam.

Đối với Khổng giáo cũng vậy. Cô không cần đá đụng đến triết thuyết Nho giáo. Cô chỉ dìm vào tác phong của con người Nho học, của quan lại, của «Hiền nhân», «Quân tử», với tư cách thành phần trong xã hội.

Kỳ sau : «Hiền nhân», «Quân tử» trong Thơ Hồ xuân Hương.



THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Điện-thoại : 25861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHỤ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN.
NHÂN CỜ ÁO (ÉTIQUETTES) MÀU ĐẸP, BỀN, KHÔNG PHAI
Gửi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bru-diện

Saigon TIM 2.701 THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

những lối điều tra thuở xưa của BAO-CÔNG

* LÝ-MINH-THẮNG sưu tầm

Vụ án Lý Hoàng-Hậu

(Tiếp theo P.T. số 225)

MỘT buổi Bao Công đi dạo quanh thành Trần Châu. Đột nhiên một cơn gió mạnh thổi tung chiếc nón của ông. Khi chiếc nón sắp rớt xuống đất thì cơn gió quái ác lại thổi tung lên cao và đưa đi xa.

Hai tướng Trương Long, Triệu Hồ vội đuổi theo để chớ nhặt chiếc nón.

Cơn gió tung chiếc nón đi xa hàng dặm đường và thả rơi xuống gành rau của một chàng thanh niên tên là Phạm trung Huê.

Hai tướng Trương Long, Triệu Hồ chạy tới thì đã

thấy chiếc nón của Bao Công nằm gọn trong thúng rau của Huê. Hai tướng giữ Huê lại và giải trình cho Bao Công hay. Bao Công vẻ giận dữ hét :

— Cớ sao mi dám ăn cắp nón của ta ?

Phạm trung Huê run sợ kêu van :

— Bẩm tướng quân, tôi đâu có dám ăn cắp nón của Ngài. Tôi cũng không hiểu tại sao ở trong thúng rau của tôi lại có chiếc nón đó.

Bao Công hỏi tên tuổi và được biết Huê còn một mẹ già mù sống một mình ở nhà.

BAO CÔNG

Bao Công nghe xong tha không bắt tội nữa. Chàng thanh niên nghe xong hơn hở chạy về nhà kể lại cho mẹ nghe. Người đàn bà mù nghe con nói vội hỏi lại :

— Có phải ông quan mà con vừa nói tên là Bao Công mặt đen không ?

— Thưa mẹ phải !

Bà ta vụt đứng dậy bảo con .

— Con khá chạy nhanh ra kêu ông ta lại đây, bảo rằng mẹ muốn nói chuyện với ông ta.

Cậu con trai không hiểu mẹ muốn gặp Bao Công để làm gì nhưng cũng chiều mẹ chạy đi tìm Bao Công. Khi Bao Công tới nơi, Phạm trung Huê chạy vào báo cho mẹ hay.

Lúc nhìn thấy người đàn bà ngồi nơi ghê, Bao Công giật mình khi nhận ra bà ta có nét mặt giống Lý Hoàng

hậu trước.

Người đàn bà mù cất tiếng hỏi :

— Có phải ông là Bao Công không ?

— Thưa bà, chính tôi là Bao Công.

— Bao Công thiệt hay Bao Công giả ? Nếu thiệt hãy lại gần ta hay,

Bao Công tiến gần lại. Người đàn bà mù dơ tay vuốt mặt Bao Công, khi sờ tai thấy có một lỗ thương nhẹ, bà gật gù tươi tỉnh nói :

— Đúng là Bao Công rồi. Ta chờ người đã lâu, nay mới gặp.

Nói xong, bà lần trong túi áo lấy ra một gói vải nhỏ. Cởi giây buộc ra, bà đưa cho Bao Công coi. Đó là một đồng tiền vàng có khắc chữ của Vua Tống trấn Chung.

— Chắc bây giờ khanh đã

rõ ta là ai rồi chứ ?

Bao Công vội xup xuống lay :

— Tâu lệnh bà kẻ hạ thần đã nhận được ra lệnh bà. Không ngờ lệnh bà hãy còn sống và sống điều đúng khổ sở thế này.

Lý hoàng hậu — chính người đàn bà là Lý hoàng hậu — nắm tay Bao Công kéo đứng lên :

— Khanh hãy bình thân chuyện của ta còn dai nhưng đã có khanh ở đây, ta chắc khanh sẽ giúp ta được thấy ánh sáng cùng la thấy con ta.

— Tâu lệnh bà, kẻ hạ thần xin đem tính mệnh ra để đền đáp lệnh bà.

Quay sang phía Phạm trung Huệ đang đứng khẹp nép gần đó, Bao Công thưa :

— Bẩm lệnh bà, còn cần bán rau này là ai, thưa lệnh bà.

Cất tiếng gọi con lại gần, Lý hoàng hậu ôn tồn nói :

— Đây là con nuôi ta, nếu không có nó chắc ta chết từ lâu rồi, khi ta trốn được khỏi lãnh cung, nhờ có cung nữ Khuru Châu giả dạng ta ở lại trong ngục, không kẻ gian nguy, ta trốn đi cho tới khi mệt quá, ta ngất đi trước cửa nhà mẹ đẻ của con nuôi ta đây. Hai mẹ con thẳng Huệ đã săn sóc ta cho tới khi ta mạnh lại. Từ đó ta sống ở đây cho tới khi mẹ nó chết. Ta nhận Huệ là con nuôi. Chính nó đã thức khuya dậy sớm đi buôn rau cỏ để về nuôi ta.

Bao Công âu sầu hỏi :

— Bẩm lệnh bà, còn tại sao lệnh bà lại... không còn nhìn thấy ánh sáng nữa ?

— Vì ta vừa uất ức, vừa thương nhớ con nên ta khóc nhiều quá và mới nên nóng nổi này.

Bao Công lâu :

— Bây giờ lệnh bà cứ tạm ăn náu ở đây, kẻ hạ thần trở lại kinh ngay. Khi nào vụ án của lệnh bà được sáng tỏ, kẻ hạ thần sẽ đến rước lệnh bà về Triều.

Bao Công tỉnh đề người ở lại săn sóc Lý Hậu rồi cùng đoàn tùy tùng trở lại kinh ngay. Nghĩ tới vụ án Lý hoàng hậu, ông chợt nghĩ tới đã có một lần, ông cùng viên thái giám Dương Chung đang đi chơi trong cung thì một cơn gió lạnh thổi tạt qua, viên thái giám té quay lơ, rồi một giọng nói đàn bà nổi lên tự xưng là cung nữ Khuru Châu đã bị chết oan vì Quách Hoè và Lưu Hoàng hậu, Ông thảm nhủ :

— Ta quyết phải phanh phui vụ án này ra dù phe nghịch có đông dư đảng.

Nguyên vua Tống trấn Chung có hai bà phi tên Lý phi và Lưu phi. Cả hai đều có chửa sắp tới ngày lâm bồn.

Một bữa vua Tống trấn

Chung sai người đúc hai đồng tiền trao cho mỗi người một đồng :

— Trẫm cho hai ai khanh đồng tiền vàng này. Nếu một trong hai người ai sanh con trai trước, ta sẽ chọn làm Hoàng hậu và đứa con đó sẽ được là thái tử.

Ít hôm sau bà Lý phi sinh nở. Nghe tin, bà Lưu phi mới sai viên quan cận thân là Quách Hoè tới rình coi xem là bà Lý phi sanh con trai hay gái. Nếu sanh con trai thì phải trao đổi ngay để phi tang.

Thấy bà Lý phi sanh được hoàng nam, Quách Hoè dứt lót tiền cho bà mụ đẻ triệu con chồn thay vào đứa nhỏ. Sau đó Quách Hoè sai cung nữ Khuru Châu mang cái cỏ trong có hoàng nam nằm ra sông ném đi cho mất tích.

Khi gần tới cầu, cung nữ Khuru Châu gặp thái giám Trần Lâm. Thấy dáng điệu

sợ sệt, hết hoảng của tên cung nữ, Trần vội hỏi. Cung nữ Khuru Châu vì thương đứa nhỏ nên nói thiệt cho Trần Lâm nghe.

Viên thái giám cũng động lòng trắc ẩn, vội trao cái đồ đựng hoa quả của mình cho cung nữ Khuru Châu mang đi, còn mình thì lấy cái đồ trong có hoàng nam rồi mang tới trình với Bát Hiến Vương, em họ vua Tống trấn Chung.

Bát Hiến Vương biết lúc này chưa thể phanh phui vụ ác độc địa đó ra được đành âm thầm cho người nuôi thái tử, bề ngoài nhận thái tử là con nuôi của mình.

Nói về bà Lý phi, sau khi sanh nở xong, mệt quá ngất đi nên không hay có chuyện trao đổi đứa con. Khi bà tỉnh dậy vừa lúc vua Tống trấn Chung tới thăm. Bà mẹ vội đưa trình con chồn và

khai bà Lý phi đã sanh ra nó. Bà Lý phi nghe nói sợ quá ngất đi lần nữa. Riêng vua Tống trấn Chung sa xầm nét mặt, cho rằng Lý phi đã sanh ra ma quỷ nên tổng giam bà vào lãnh cung.

Bà Lưu phi cũng sanh được hoàng nam. Nhà vua vui mừng khôn xiết kể, truyền lệnh cho các quan và bá tánh treo đèn kết hoa để ăn mừng ngày thái tử ra đời.

Muốn trừ hẳn hậu họa, bà Lưu phi lúc này đã được vua nhà Tống phong làm Hoàng Hậu — sai Quách Hòe đốt lãnh cung để nhờ ngọn lửa giết Lý phi.

Cung nữ Khuru Châu hay được vội báo cho Lý phi biết. Nàng cung nữ có lòng nhân đó khẩn khoản xin Lý phi trao đổi quần áo rồi tự nhận mình là cung nữ Khuru Châu trốn ra ngoài để nàng chết cháy thay.

Lúc đầu Lý phi không bằng lòng nhưng vì Khuru Châu nói mãi nên bà cũng phải nghe lời.

Đổi lột xong, bà trốn khỏi lãnh cung, ra khỏi hoàng thành đi bắt kê phương hương, rồi vì mệt quá ngất xỉu trước căn nhà tranh của hai mẹ con Phạm trung Huê bán rau.

Khi tay sai của Quách Hòe tới đốt lãnh cung, nhận thấy bà Lý phi đã trốn mất chỉ còn có cung nữ Khuru Châu ở lại nên bắt mang về trình Quách Hòe. Viên quan cận thân của Lưu Hoàng hậu vội sai tra khảo Khuru Châu. Chịu đau không nổi, nàng cung nữ bèn tự tử. Vụ án Khuru Châu được bưng bít không ai hay biết.

Thái tử, con Lưu Hậu lớn lên được vua cha nâng niu chiều chuộng. Một hôm, thái tử ngồi chơi đu trong vườn thượng uyển, chẳng may

giấy đu đứt, thái tử rớt xuống, đầu đập vào hòn đá bị chết. Nhà vua và Hoàng hậu than khóc tiếc thương mãi không nguôi sầu.

Bát Hiến Vương hay tin vội đem con nuôi mình (tức thái tử con bà Lý phi) tới cung ở để cho nhà vua và Lưu hoàng hậu đỡ cô độc.

Trông đứa nhỏ khôi ngô đĩnh đạc, vua Tống trấn Chung cũng vui vẻ trở lại. Bà Lưu hậu nhận cậu bé làm con nuôi và đương nhiên cậu bé được tôn làm thái tử.

Khi vua Tống trấn Chung băng hà, thái tử lên ngôi lấy hiệu là Tống nhân Chung.

Một hôm, Bao Công xin được nói chuyện cơ mật cùng nhà vua.

Khi Bao Công kể xong chuyện chiếc nón bay gặp lại bà Lý phi, Tống nhân Chung truyền gọi Bát Hiến Vương tới.



Bát Hiến Vương cũng tỏ thật câu chuyện cho nhà vua hay. Lúc này vua Tống nhân Chung mới biết mẹ thật của mình là Lý phi. Nhà vua giận dữ truyền bắt ngay Quách Hòe giam vào ngục, rồi sai lính ngự lâm đánh xe trục chỉ nơi bà Lý phi ở.

Bao Công vào trước tàu cùng bà Lý phi hay. Hai mẹ con ôm nhau khóc nức nở. Vua Tống nhân Chung liếm

nhánh những giọt lệ trên đôi má răn reo của mẹ thì huyền diệu thay, đôi mắt mù của bà Lý phi đột nhiên bừng sáng.

Bà Lý phi cảm ơn Trời Phật đã cho bà được gặp lại con, được nhìn lại ánh sáng mặt trời,

Vua Tống nhân Chung mời mẹ cùng về cung điện. Cậu Phạm trung Huê, con

nuôi bà Lý phi, vội nói xen vào :

— Nếu mẹ đi rồi thì con đánh mất mẹ ư ?

Bà Lý phi xoa đầu con nuôi rồi truyền bảo vua Tống nhân Chung :

— Đây cũng là em con đó. Dù nó là con nuôi ta nhưng, ta không có nó thì cũng chẳng còn sống tới bây giờ. Vậy con há giúp đỡ nó. (Về sau Phạm trung Huê được nhà vua phong tước An Hầu mỗi năm được hưởng tám vạn học lương để bù lại những năm khổ ải).

Vụ án Quách Hòe được trao cho Bao Công xử. Quách Hòe còn tin tưởng nơi bà Lưu hậu nên nhất định không khai, dù y bị tra khảo chết đi sống lại nhiều lần.

Bao Công chợt nảy ý kiến vội bàn mưu với mấy viên tướng. Họ âm thầm tạo nên một cảnh địa ngục, toàn

những cảnh cửa đôi người giã giò, cắt lưỡi, đốt, nấu người với những tên quỷ xù đầu trâu mình người.

Quách Hòe đang thiu thiu ngủ, chợt có người đánh thức. Y ngạc nhiên thấy người gọi mình không phải là lính coi ngục mà là những con quỷ. Những con quỷ lâm lý dẫn y đi qua những hành lang tối om, qua công thành có chữ Diêm Vương, qua những cảnh quỷ tra khảo người rồi lại dẫn về chỗ giam cũ. Quách Hòe thảng thốt tưởng mình đã chết và đang ở dưới địa ngục. Y lại càng ngạc nhiên hơn nữa khi nhìn thấy cung nữ Khuru Châu, đầu tóc rối bù tiến tới gần y đòi y dền

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM * NGON * NGỌT

mạng. Quách Hòe hoảng sợ liu lười :

— Ta cũng chết như ngươi rồi, ngươi còn đòi ta đền mạng làm chi nữa ?

Cung nữ Khru Châu nói :

— Ta chết oan vì ngươi nay đòi ngươi phải đền mạng. Có được như vậy ta mới dẫu thai được. Vậy ngươi phải cùng ta tới điện vua Diêm Vương khai tường tận mọi việc ngươi đã làm có như vậy tội ngươi mới được nhẹ và ta cũng thành thai để đi dẫu thai.

Quách Hòe liu liu theo cung nữ Khru Châu tới điện Diêm Vương. Y vội khai hết mọi việc, từ khi Lưu hậu sai y đi rình xem Lý phi sanh hoàng nam hay công chúa, tới sự đổi tráo con chồn, dốt lãnh cung rồi đệ trình Diêm Vương.

Đọc kỹ tờ khai xong,

Diêm Vương cười ha hả và lột mặt nạ ra. Các vị quan khác cũng làm theo. Quách Hòe hoảng hồn khi nhận ra Diêm Vương chỉ là Bao Công, còn những quý sứ chỉ là những lính canh.

Quách Hòe không còn chối được nữa khi tờ khai của y còn rành rành trên bàn.

Sau đó toàn gia họ Quách bị xử trảm.

Riêng Lưu hậu được vua Tống nhân Chung cho coi tờ khai của Quách Hòe. Bà Lưu hậu hối hận công việc làm hồi trước của mình cũng tự lấy giày lụa thắt cổ tự vận.



Một chiều mưa

*Một chiều chủ nhật trời trong sáng
Sải Thành hoa lệ đổ ra đường
Những tà áo rực rỡ nhiều màu
Theo gió phát phơ như cánh bướm...*

*Nhưng rồi cơn mưa bỗng rơi xuống,
Thiên hạ vội núp dưới mái hiên:
Bao nhiêu áo ni lông đắt tiền
Trong mưa gió tung khoe màu sắc.*

*Giữa đám người qua lại lúc ấy,
Hình ảnh một thiếu phụ nghèo nàn
Tay dắt tay bông con vội vàng*

*Chạy dưới làn mưa như tơ trắng :
Máu áo nâu rách rưới làm than
Đan nét buồn xám trong không gian...*

PHẠM NGỌC VIỆT QUANG
(Lao Công Hoả Xà)



● Huy chương Vàng Thế vận hội Mexico 1968.

TRONG một buổi lễ long trọng tại Bộ Thông tin và Chiêu hồi, ông Tổng trưởng Nguyễn Ngọc An gần mẽ dạy Tâm lý Chiến, Đệ nhất hạng, cho ông Nguyễn

ang Ca, chủ nhiệm nhật báo *Tin Sớm*, người vừa vinh hạnh đặc biệt chiếm huy chương vàng trong Thế vận hội Mexico 1968. Tạp chí Phò Thông nồng nhiệt khen tặng bạn Nguyễn ang Ca.

● Thi Ca với thời cuộc.

* THU-LÂM

HƠN 10 giờ sáng chủ nhật 8.6.1969, Trung Tâm Văn Bút đã tổ chức một buổi nói chuyện tại giảng đường trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn.

Vấn đề được đặt ra : «Thơ hôm nay với thời cuộc». Diễn giả : ông Trần Đồng Vọng, hội viên của Trung Tâm Văn Bút.

Hiện diện trong buổi nói chuyện có L.M. Thanh Lăng, Chủ tịch Trung Tâm Văn Bút ; ông Phạm Việt Tuyên, Tổng Thư Ký Trung Tâm Văn Bút cùng một số nhà văn, nhà thơ và các anh chị em sinh viên Văn Khoa.

Mở đầu buổi nói chuyện, ông Phạm Việt Tuyên giới thiệu tiểu sử và «Văn nghệ nghiệp» của diễn giả. Chung quy có nói đến tác phong say mê văn nghệ của thi sĩ Trần Đồng Vọng : quê quán miền Bắc nước Việt. Trần đồng Vọng đã từng viết báo, tổ chức triển

lãm hội họa, cùng ra chuông âm nhạc và nghệ thuật nhiếp ảnh.

Tiếp theo diễn giả đã ngỏ lời cảm ơn toàn thể quan khách và đi ngay vào đề tài buổi nói chuyện, Diễn giả đã tổng hợp những vấn đề thơ thời tiền chiến lẫn hậu chiến, nói lên được mối liên hệ giữa thi ca và sự biến chuyển của thời cuộc, giữa thi ca và dân tộc từ thời kháng chiến đến giờ : Thơ phản ảnh dân tộc và thời đại.

Thời kỳ nguyên cách mạng 1945-1954, dân tộc đắm chìm trong nô lệ của Phát, tâm sự thi sĩ trong thời kháng chiến đã tạo nên những vần thơ ăn giấu một cái gì uất ức ngấm ngấm, một cái gì mỉa mai vô tận.

Lần lượt những vần thơ vừa bay bướm vừa sắt đá của các nhà thơ phản đối công sản bằng ngòi bút được diễn giả đọc lên;

giọng ngâm khi bổng, khi trầm, khi nhanh, khi chậm, tỏ rõ sự bùng dậy của lòng phần uất đã nẩy mầm từ những chuỗi ngày đen tối trong lịch sử nước ta.

Lần lượt được ngâm lên văn thơ Đinh Hùng, văn thơ Đông Hồ qua bài «Thiên Địa gian», nhà thơ quá cố đã từng so sánh con người trong thiên địa gian: «một hạt cát trong sa mạc mênh mông, trong vũ trụ bao la», văn thơ Bằng Bá Lâu, Doãn Quốc Sỹ, Trương phổ v.v...

Rồi lần lượt đến văn thơ của

● QUI-NHƠN

Văn Học — Nghệ Thuật

★ LƯƠNG-TRỌNG-MINH ghi nhận

NÓI đến Văn học — Nghệ thuật ở Qui Nhơn chúng tôi muốn đề cập sinh hoạt của những người đã vô tình hay hữu ý làm cho sinh khí văn nghệ ở đây sôi động trong lặng dịu.

Có người bảo: «Chúng tôi

các thi sĩ trẻ tuổi hiện tại bù ngùi khóc cho quê hương đất mẹ. Văn thơ Bùi Xuân Uyên mang tính chất thời cuộc, nhà thơ sáng tác chân chính, khóc nằng văn nghệ tiền chiến bị chôn vùi dưới chế độ đỏ Cộng Sản. Khóc quê hương chính chiến, thi ca điều tàn suốt 20 năm trường.

Diễn giả kết thúc buổi nói chuyện với bài thơ của chính mình tự đề «Bài thơ của một Kỹ nghệ».

THƯ LÂM



làm văn học nghệ thuật cho mai sau chứ không phải cho một Địa phương nào!»

Đành rằng như vậy — Nhưng ở đây, chúng tôi đứng ở ngoài mà nhìn vào. Thấy sao nói vậy — Có gì ghi nấy. Có người than

thờ. «Ở Qui Nhơn, không khí văn nghệ buồn lắm, không có gì đáng kể!»

Đúng một phần nào, vì mạnh ai nấy làm? Chưa có sinh hoạt tập thể, chưa nâng đỡ nhau và nhất là thiếu đức tính hy sinh của con người văn nghệ.

Nghĩ cho cùng, dù có thiện chí, say sưa và tha thiết bao nhiêu, nhưng ăn loát khó khăn và «Vitamine T.» không có thì cũng đành qui hàng vậy. «Văn học Nghệ Thuật ơi! Nàng đẹp lắm! Đa tình và quyến rũ — Hào hoa và bay bướm — Nhưng không có sữa cho con uống, bây giờ biết tính sao? Thực tế phũ phàng lắm, nằng ạt! Nàng đi đi, để cho mọi người yên!..»

Có nhiều người đêm đêm thao thức nghĩ vậy.

Nhưng nghĩ kỹ, mấy ai dám đoạn tuyệt Nàng.

Thơ mà em! Văn học mà em! Này giờ, dài dòng văn tự.

Chè đây xin mời các bạn đi du lịch vòng quanh Qui Nhơn để thưởng thức những kỳ hoa dị thảo trong lá thắm!

Trước hết, chúng tôi xin đề cập đến Văn nghệ học đường.

1- Sinh hoạt báo chí:

● Một nhóm nữ sinh Cường Đê, xuất bản đặc san Hương Hoa, quay ronéo. Trong đó có nhiều bài thơ đề thương, nhiều truyện ngắn lời hay ý mới.

● Một nhóm học sinh Đệ Nhất, xuất bản Dã Chân, tại trường Bồ Đề. Xuân Kỳ Dậu đã cho ra đời một đặc san, nhan đề Dấu Người. Nội dung lành mạnh bay bướm lắm!

● Trường Trinh Vương đều đều xuân nào cũng thấy xuất hiện một đặc san với sự cộng tác thủy chung của Giai Tiết. (Trước kia là nữ sinh Trinh Vương Hiện nay là Giáo sinh Sư phạm)

● Trường Quang Trung — Bình Khê, đã cho chào đời đặc san Quang Trung — In

đẹp — Hình bia do nhà thơ Hoàng Gổ Quý vẽ.

● Trường Nữ Trung Học, đặc san Hè, phổ biến mạnh.

● Trường La San, nhiệt tình đóng góp đặc san xinh đẹp với sự góp mặt của nhiều cây bút trẻ.

● Trường Nhân Thảo, nhiều học sinh ưa thích văn nghệ.



● Trước đây nhà thơ quân đội, Thiếu úy Trần quý Sách, bút hiệu Trần Hoài Thư và nhà thơ Lê văn Ngăn, Hoàng thị Thủy Tiên dự định xuất bản tạp chí Mờ Đường.

Nhưng vì ấn loát khó khăn sau biến cố Mậu Thân, nên đành ngậm ngùi khép đờng vậy. Chừng nào mới ra đời cho vui cửa vui nhà, hờ các Bạn ?

Độc giả trông lắm đấy !

Nhà thơ Trần Hoài Thư dự định xuất bản Thơ, song tìm chưa ra Mạnh Thường Quân. Buồn

lắm ! Phải không Anh ? Cứ tà tà.. Bay bướm hoài ! Sơ Bướm bay hã, Nhà thơ hào hoa này vẫn «đường về chiều cở đơn lẻ bóng l»



Đêm 16-4-69, có đọc thơ và hát tại trường Sư Phạm Qui Nhơn, của nhiều tác giả :

Nguyễn thị Thùy My, Thái ngọc San, Lê văn Ngăn, Cao thoại Châu, Đặng Hoài, Trần Hoài Thư, Trần Dạ Từ, Kệt Tấn, Phạm cao Hoàng, Cường Lưu, Phạm văn Nhân.

Sau phần đọc thơ, có phần trình bày nhạc Tôn thất Lập, Trịnh công Sơn, được sự vỗ tay nồng nhiệt của gần ba trăm thính giả.



Ngoài ra, chúng ta còn nhận thấy sự hiện diện thường xuyên của Qui Nhơn Báo, Trước đây là Nguyệt san. Bây giờ là bán nguyệt san. Ngoài chính trị, còn có trong

văn nghệ với sự cộng tác của các nhà thơ Sinh Hòa Thái Tầu, Lê Ngọc Quang, Thảo Lynch, Hòa Hưng, Cẩm Tú Trương Địch mùi, Xuân Quang, Nguyễn đình Hình, Quốc Phong... Trong đó có truyện dài «Cho Đến Khi Nào» của Trần đình Thái (nhà thơ, nhà văn bữa hện nhiều ở trường lái) Độc giả còn thấy xuất hiện Trần đình Thái trên tạp chí Quần Chúng (Sài Gòn) Qui Nhơn bao, do Đại Tá Nguyễn Mộng Hùng làm chủ nhiệm, Đặng hữu Nguyên làm chủ bút.



● Sinh hoạt văn nghệ tập thể và cá nhân :

Chúng ta còn thấy sự nhiệt thành của các nhà thơ, nhà văn sống chết vì văn học nghệ thuật :

— Nhà văn Doãn Dân, trước đây đã đăng thường xuyên «Chờ Cửa Huệ trên» Bách Khoa, nay đã in thành sách, phổ biến mạnh.

— Nhà thơ, nhà văn Trần

hoài Thư, Trần qui Sách, cộng tác thường xuyên, tên tuổi xuất hiện trên Bách Khoa và Văn.

— Nhà thơ Đặng Tấn Tới đã từng làm Chủ Nhiệm Kiểm Chủ Bút tạp chí Vận Động đã một thời gian im hơi lặng tiếng nay tái xuất giảng hồ với Mưa Mất tinh (thi phẩm I) và Những người yêu dấu (thi phẩm II).

— Nhà Văn Mang viên Long, chủ trương nhà xuất bản Nhị Hồng cùng với Hoàng đình Hưng Huy Quan đã xuất bản Trên đỉnh Sa mù, Mờ Cửa (H.Đ.H.Q.)

— Nhà thơ Hoàng Thị Thủy Tiên đã cho chào đời Điệu ru người tình cũ sau thi phẩm đầu tay Bất hạnh.

Hoàng thị Thủy Tiên, bây giờ em ở đâu ? Sài Gòn hay Blao ? Nhớ em lắm ! Về đi em !

— Nhà thơ Lê văn Ngăn đang âm thầm dịch sách và tha

thiết trong việc in thơ,

— Nhà thơ *Đặng quít Định* cũng là nhà biên khảo địa phương chí, từng được giải thưởng hạng nhất 35.000\$ do Bộ Thông Tin Chiêu Hồi tổ chức.

— Nhà thơ tiền chiến *Quách Tấn* đã chào đời với biên soạn phẩm công phu, *Non Nước Bình Định*, được hoan nghênh nhiệt liệt. Tuy đã cáo niệm, tiền sách vẫn còn dẻo dai bền bỉ lắm!

— Nhà thơ Nguyễn Dân định x.b. thi phẩm *Quê hương*,

— Nhà thơ *Vũ phan Long*, mới vừa được nhà xuất bản *Khai Trí* giới thiệu *Đieu Hiu*, thi phẩm đầu tay. Tựa *Lam Giang*. Bạt *Quách Tấn-Lâm Thiết* vẽ bìa.

— Vũ phan Long còn dự định chào đời thi phẩm thứ hai *Thơ Vũ phan Long*, Anh còn là một nhạc sĩ (Giáo sư âm nhạc tại trường Tây Sơn) Cùng với nhạc sĩ *Đương minh Ninh* chủ trương lớp nhạc *Phong Lan*.

★

Sinh hoạt văn nghệ ở Bình Định. Qui Nhơn, người ta còn thấy sự xuất hiện của các Văn Thi Đoàn, có nhiều thành tích đẹp và đầy hứa hẹn.

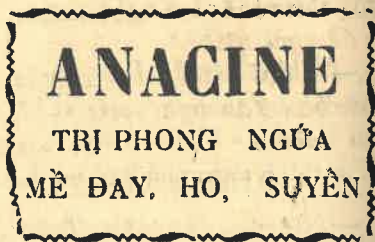
★

Chúng tôi viết bài này hẳn còn nhiều thiếu sót, không làm sao nói lên một cách đầy đủ không khí trầm lặng nhưng nhiều sóng gió của văn học nghệ thuật xuất hiện ở Qui Nhơn.

Chúng tôi có thể nói rằng, sinh khí văn nghệ ở đây nằm gọn trong câu: «Tuy thân nhiên nhưng sóng gió bão bùng...» — Phải không các Bạn?

Qui Nhơn 13-6 1969
LƯƠNG TRỌNG MINH

★ ●



● MIỀN TRUNG

Tưởng niệm một nhà Thơ trẻ

ANH ĐÃ ĐI RỒI!

Nguyễn-Nho-Nhượng

★

«Vinh Điện ngày 17.5-1969

Gửi anh Lương Trọng Minh. Đầu đơn viết thư này báo Tin cho anh, Hoàng ngọc Châu và các bạn văn nghệ khác ở Qui Nhơn biết:

Nhà thơ Nguyễn Nho Nhượng đã qua đời vì bạo bệnh tại thôn Bồng Lai, Điện Bàn, Quảng Nam ngày 25-5-69 tức ngày 10-4 kỷ Dậu.

Tôi chưa thể có được bình tĩnh để ngồi viết cho anh rõ hơn. Tin đại khái cho anh và các bạn Văn nghệ biết — Thân mến.»

ĐYNH TRẦM CA

Những giòng văn tắt trong

thư của anh Đvnh Trầm Ca, chúng tôi vô cùng xúc động và bàng hoàng.

Nguyễn Nho Nhượng, nhà thơ thân yêu của chúng ta đã đi rồi! Vẫn biết rằng sinh tử là lẽ thường, song Nguyễn nho Nhượng anh còn trẻ lắm! Biết nói gì đây, biết viết gì đây?

Tôi với anh mới quen nhau qua thư từ. Chưa một lần gặp mặt để hàn huyên. Anh hẹn đến Qui Nhơn, sao anh vội vàng đi thế?

Hôm nay buồn lắm anh ạ!

Đời người như gió thoảng, như mây bay. Sống quá mau, chết cũng chẳng lâu gì? Nhà thơ Nguyễn công Hồ đã bảo thế! Ôn lại kỷ niệm. Chỉ có kỷ

niệm là còn ! Phải không anh ? Anh đau liên miên. Lần nào viết thư cho tôi, anh cũng than thở.

... « Bệnh viện Đà Nẵng 21-3-1969.

Kính anh Lương Trọng Minh.

Lâu quá, hôm nay tôi mới có đủ sức khoẻ để viết thư vào cho anh. Sau những tháng năm dài bệnh hoạn xanh xao nằm khắp cùng bệnh viện. Tâm trí đã cần côi, thể xác đã điều tàn nản tôi ít sáng tác được. Những đêm mất ngủ, tôi đã nghĩ ra được những bài thơ hay nhưng tôi vẫn không muốn cầm bút ghi lại.

Tôi thật đau buồn khi nghe tin anh Y Uyên chết trong khi tôi là người thích đọc truyện của anh nhất, những câu chuyện phẳng phất trong đời sống xã hội hằng ngày.

Ở Qui Nhơn hoạt động văn nghệ có gì lạ xin anh tin cho

tôi biết với. Tôi có mấy tác phẩm. Anh có thể xuất bản giúp được không — tôi bây giờ không có tiền để chữa thuốc còn tiền đâu mà in sách.

Sách Thi Ca Miền Trung Miền Nam của anh bán chạy không ? Anh in, khoảng mấy nghìn quyển ?

Nếu có dịp tôi sẽ ghé lại Qui Nhơn để gặp anh.. »

Những lời chân thành, những giọng tâm huyết, chí tình của anh trong lá thư cuối cùng anh gửi về tôi.

Sau đó, tôi gửi thư, tặng sách và trả lời anh rõ : sau khi ra TCMTVN, tôi nợ nặng lưng lưng

Tôi hy vọng làm sao trả nợ cho hết — nợ tiền bạc — nợ tinh thần !

Anh Nguyễn Nho Nho ơi !

Chúng ta điều nghèo cả ! Điều mang lấy nghề dĩ nên mới khổ thân.

Mãi đến hôm nay, tôi vẫn không có nhà để ở cho yên thân. Sống kiếp ở thuê, ở đậu nhiều lúc buồn lắm anh ạ ! Cái kiếp dân ABC ! Người ta thường bảo thế !

Nhận được thư báo tin của anh Đĩnh Trâm Ca, tôi bàng hoàng như khi nhận một điện tín, buồn, buồn lắm anh ạ !

Thế hệ chúng ta là thế hệ TRE KHÓC MĂNG. Hay nói một cách khác Tre chưa tan mà măng đã rụng.

Phải không anh ?

Cuộc chiến tương tàn bây giờ là thế đó !

Để tưởng niệm Anh, tôi không biết viết gì hơn cho đầy đủ được. Tôi xin trích tiêu sử anh, thi ca anh và nhận định của tôi viết về anh đăng trên Thi Ca Miền Trung Việt Nam để kỷ niệm tình bạn giữa những người trẻ chúng ta làm văn nghệ — say sưa và sống chết vì nó.

Sau đây vài nét tiêu sử về :

Nguyễn Nho Nho

Sanh ngày 12-3-1946 tại thôn Bông Lai, Làng Lạ Qua — Quận Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Người bệnh hoạn, ưa cô độc thích sống biệt lập, tha thiết với quê hương.

Khởi viết từ năm 1962 và đã đăng thơ trên hầu hết các tạp chí xuất bản tại thủ đô.

Đã hoàn thành những tập :

- Tiếng nói giữa hư vô.
- Hơi thở miền nhiệt đới.
- Những lời sương khói.

Và có ý định viết truyện.

Và, những lời nhận định của Lương Trọng Minh về Nguyễn Nho Nho trích trong Thi Ca Miền Trung Việt Nam :

«... Nguyễn Nho Nho.
Tiếng nói giữa hư vô,

... Người ăn mày hành khất tình thương. Chàng thi sĩ chống đời và ngợi ca. Nhà ảo thuật lừa dối tài tình. Một triết gia khinh mạn cuộc đời. Tất cả đều bị ruồng rẫy, mỉa mai, trục xuất, la ó

duy chỉ có thằng hề là được người ta hoan hô, mặc dầu nó diễn những trò vô lối nếu không là trợ trên và lộ bịch. Nhà thơ Nguyễn Nho Nhuộn đã vẽ nên bức tranh đó một cách linh động và tự nhiên.

Vai tuồng, sân khấu còn không mấy lú hề ?

Ngoài ra chúng ta còn tìm thấy tình bạn tha thiết, chân thành.

Người thơ đã về bên kia thế giới để lại cho thế nhân một niềm luyện tiếc sâu xa.

Để lại cho đời những văn thơ, hình hài trở về cát bụi, những giọng lệ giành riêng cho những tài hoa mệnh yếu. Một vì sao vụt tắt. Vũ trụ ơi ! hãy quay cuồng ! Ngán ngùi thay một kiếp người :

... « Ý thơ trả cho đời
Hình hài trả cho đất
Sa Mạc ! Sa Mạc ơi !
Thương vì sao đã tắt ! »

Nhà thơ Nguyễn Nho Sa Mạc không còn nữa ! Ra đi ! Ra đi ! không hẹn ngày về !

— Còn gì đau đớn cho bằng khi nhà thơ đã bảo :

... « Văn chương rồi vô nghĩa
Thân xác nằm chệnh vênh ! »

Bạc bẽo làm sao ! Số kiếp con tằm nhà tơ !

— Và Tình yêu, tất cả là tiếng nói giữa hư vô :

... « Vòng tay ôm chặt hư vô
Mà nghe tình ái đi vào cõi đơn ! »

Mùa xuân tâm tư giá lạnh.

Mùa đông khốn đốn. Ôi ! chim hiền quờ quạng nắng yếu thương. Niềm tin trong giếng mát !

Tuổi trẻ ơi, xin đừng tàn quá sớm ! Biết gì không em trong mùa đông đó ? Và còn gì nữa em ? trong nỗi buồn bé nhỏ !

Tiếng ca mùa đông ! Tiếng ca mùa đông, ta sẽ ôm hôn chạy trốn. Qui Nhơn 13-5-1968.

(Thi Ca Miền Trung Việt Nam
Cầm Sa Sơn Châu xuất bản 1969)

Cuối cùng là một bài thơ của Nguyễn Nho Nhuộn khóc nhà thơ Nguyễn Nho Sa Mạc :

Nhớ nốt người

Là thiên đường đờ võ
Là nước mắt rơi quanh
Quan tài người thi sĩ
Tiếng nấc nghẹn sau đàn !

★

Là năm mờ định mệnh
Là bạn bè nhớ thương
Sa Mạc ! Sa Mạc ơi !
Bây giờ là vấn vương !

★

Ý thơ trả cho đời.
Hình hài trả cho đất
Sa Mạc ! Sa Mạc ơi !
Thương vì sao đã tắt !

NGUYỄN NHO NHUỘN

★

Anh Nguyễn Nho Nhuộn !
Anh đã khóc và tiếc thương một

người bạn thơ son trẻ qua đời.

Bây giờ đến lượt chúng tôi, khóc và thương tiếc một tài hoa mệnh yếu ! Đó là Anh !

Buồn lắm anh ạ ! Biết viết gì hơn ! Bết nói gì đây ?

— Nguyễn Nho Nhuộn !
Anh không còn nữa
Anh vẫn còn mãi mãi trong
thơ
Anh đi rồi ! Sao anh chẳng
đợi chờ.

Lần lượt sẽ...
Chúng tôi cùng đi đấy !
Nén hương lòng
Nửa đêm bùng dậy...
Nhớ nhung nhiều
Thao thức mộng lung
An nghỉ cuối cùng !
Ôi ! tất cả vô cùng vô định !
Thương tiếc nhiều
Nguyễn Nho Nhuộn, anh ơi !

LƯƠNG TRỌNG MINH

Qui Nhơn Mùa Phụng 1969.

□●

PARIS

dưới mắt một du khách V.N.

Khảo sát viên máy hơi nước

● TRƯƠNG-THẾ-PHIÊU

PARIS

(Tiếp theo PT 225)

● Tình trạng lao động Việt Nam và ngoại quốc ở Paris.

NHỮNG người làm công ngoại quốc cũng được hưởng chế độ An ninh xã hội y như những người làm công Pháp.

1.— Bảo hiểm Xã hội

Bảo hiểm xã hội gồm có bảo hiểm bệnh hoạn, bảo hiểm thai nghén và sanh đẻ, bảo hiểm tàn phế, bảo hiểm lão niên và bảo hiểm mệnh mạng.

1.— Bảo hiểm bệnh hoạn :

Bảo hiểm bệnh hoạn được tổ chức lần đầu tiên ở Đức quốc ngày 15-6 1883. Nó là một bảo hiểm hay nhất trong chế độ An ninh xã hội.

Phúc trình Marsh ở Canada ước định mỗi người mất 7,65 ngày làm việc mỗi năm vì bệnh hoạn.

Khi đau ốm người thợ hưởng

(người được bảo hiểm hoặc người trong gia đình) được quyền tự do lựa chọn Bác sĩ, được sự và nhà thương công hoặc tự để xem mạch, nơi mua thuốc và dưỡng bệnh; nhưng, nếu là một nhà thương tư thì nhà thương này phải được An ninh xã hội thừa nhận.

2.— Bảo hiểm thai nghén và sanh đẻ :

Người ta coi sự thai nghén và sanh đẻ như là một bệnh quá 6 tháng (1) nên An ninh xã hội hoàn lại theo một giá biểu nhất định cho sản phụ 100% tiền xem mạch, thuốc thang, nhà thương v.v..

3.— Bảo hiểm tàn phế :

Bảo hiểm tàn phế trở nên một ngành rất quan trọng của An

(1) Những bệnh quá 6 tháng đều là những bệnh nặng; bệnh nhưn phải trả nhiều tiền chữa trị nên được An ninh xã hội, hoàn lại 100% tiền nhà thương v.v.. theo một giá biểu nhất định.

sinh xã hội, vì người ta bị tàn phế do bệnh hoạn nhiều hơn là d tai nạn Bệnh lao, bệnh tim, bệnh tê thấp, bệnh ung thư là những bệnh gây ra sự tàn phế.

Được coi là tàn phế hơn khi người được bảo hiểm mất 2/3 khả năng làm việc.

Ở Nga xô và Anh quốc, luật lệ về tàn phế ít gắt gao hơn. Nạn nhân mất phân nửa khả năng làm việc được coi là tàn phế hơn.

4. — Bảo hiểm lão niên :

Bảo hiểm lão niên cho những người làm công được tổ chức lần đầu tiên năm 1889 ở Đức quốc.

Mỗi nước ấn định tuổi hưu khác nhau. Những người làm các nghề cực nhọc như thợ mỏ v.v... được về hưu sớm.

Ở Pháp, tất cả những người làm công đến 60 tuổi được hưởng tiền cấp dưỡng lão niên nhiều hay ít tùy theo số năm bảo hiểm.

5. — Bảo hiểm mệnh một :

Khi người được bảo hiểm mệnh một, vợ con hoặc những người do người của cố đã cấp dưỡng được hưởng một số tiền không trên ba tháng lương tối đa căn bản và 1/10 dưới 2500 quan Số tiền ấy để dùng vào việc ma chay chôn cất và cứu trợ những người còn sống trong lúc túng bấn.

II. — Tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Nước Đức tổ chức việc bồi thường về tai nạn lao động do đạo luật ngày 6-7-1884. Rồi Anh quốc (1897), rồi Paap quốc (1898) v.v...

Đạo luật về tai nạn lao động ở các nước trên hòa cầu lần lần được nói rộng ra cho những người mắc bệnh nghề nghiệp thọ hưởng.

Sau thế chiến thứ nhì, An ninh xã hội Pháp lo việc bồi thường tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp do đạo luật ngày

30-10-46 thay vì ngành bảo hiểm tư bị quốc hữu hóa.

Chiều theo đạo luật ấy thì có hai hạng người được thọ hưởng :

— Những người thọ hưởng đương nhiên: Họ là những người làm công, những sinh viên kỹ thuật v.v...

— Những người tự nguyện được bảo hiểm (assurés volontaires). Họ là những người không hội đủ điều kiện để hưởng quyền lợi về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp nhưng cũng hưởng được miễn là đã ghi tên và có sổ ở An ninh xã hội.

III. — Phụ cấp gia đình

Phụ cấp gia đình gồm có :

- Phụ cấp người mẹ ở nhà.
- Phụ cấp nhà cửa v.v...

Mọi người Pháp và người ngoại quốc cư trú ở Pháp, có nuôi dưỡng con cháu, đều được quyền hưởng một phần hoặc trọn những phụ cấp kể trên. Nhưng

những người ngoại quốc cần phải có vài điều kiện như là được đặc ân cư ngụ v.v... Nếu họ tạm trú thì cần phải có thể người làm công, thể đặc biệt thương mại v.v...

Tóm tắt

Chế độ An ninh xã hội đem lại những lợi ích sau đây :

- 1) — Tăng gia dân số.
- 2) — Nâng cao mức sống người Pháp.
- 3) — Đảm bảo đời sống của họ từ khi làm việc đến hồi hưu qua nạn thất nghiệp.

Vạn Tuế An Ninh Xã Hội !

Ngày Quốc Khánh Pháp
14-7

Ngày 13 tháng 7 năm 1957 nhằm ngày thứ bảy. Sớm mai, trời âm u ; gió thổi hát hiu. Người ta cảm thấy lạnh lạnh và có ảo tưởng dường sống trong một ngày đầu thu chớ không phải

trong một ngày hè.

Chiều lại, một bầu không khí náo nhiệt và vui vẻ bao trùm khắp Paris. Cờ tam sắc phất phơ qua lại đó đây. Các xe ca chở đầy du khách ngoại quốc chạy rong qua các phố đông nghịt người ta. Trước các gian hàng vừa mới cất xong ở dài theo lề của vài đại lộ, kẻ thấy vòng hoặc đánh số, kẻ ướm bìa hay mua kẹo bánh v.v... Đây lính nhẩy dù giương mặt đầy cô hồn, da nám nắng, mũ dô, quần áo rằn ri, vừa từ Bắc Phi mới đến Paris, nhìn dân thủ đô giống như họ đang tìm kháng chiến quân Hồi giáo ở Algérie vậy. Kia, nhiều nhơn vật da đen, đầu quấn khăn, mặt bịt chừa cặp mắt, gốc ở các xứ thuộc Pháp, coi bộ bơ vơ ngơ ngẩn trước cảnh vật Tây phương; họ được mời đến Paris để xem cuộc diễn binh ngày 14 tháng 7 và chia vui với đồng bào Gaulois lễ cách mạng năm 1789.

Các quán cà phê đều đầy khách. Kẻ đứng, người ngồi, không còn một ghế trống. Porto,

Martini, Pernot v.v... được kêu liên liền; các anh gạt sảng (garçon), trán rướm mồ hôi, tay bưng mâm rượu, bước mau như bay.

Tôi vụt nhớ đến mấy tấm bảng gắn ở trong các toa xe điện ngầm kêu gào dân chúng đứng uống rượu vì nó hại cho sức khỏe. Ai kêu gào mặc ai, nhậu cứ việc nhậu. Dường như nhóm tư bản sản xuất rượu có thể lực rất lớn ở Quốc hội, nên không ai lung lay họ nổi.

Tối lại, muốn ăn cơm sớm đành có thời giờ đi dạo phố, tôi lại một nhà hàng Tàu ở Khu Latin mà tôi quen biết trước đệ nhị thế chiến. Anh phở kv, người Bắc Kinh, đương lảng xăng, thấy tôi vô, đứng lại bắt tay và bảo tôi chờ một chút vì không còn ghế trống. Anh luôn luôn có một nụ

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

cười bí mật, duyên dáng đi gây biết bao cảm tình cho khách tứ phương từ mấy chục năm nay ở Paris.

Tôi quen với anh hội còn đi học và tình cờ gặp lại anh tháng rồi ở Khu Latin. Anh rất mừng và cho hay đã có vợ người Pháp và hai con nhưng anh than nhớ Bắc kinh lắm. Trở về già, những người ly hương, mà tôi hẳn hạnh được gặp gỡ, đều không quên nơi chôn nhau cắt rún.

Trước mặt tôi có vài người đứng chờ. Tôi phát nóng nảy, sốt ruột, muốn đi ăn nơi khác, nhưng nghĩ rằng tối ngày lễ bất kỳ ở tiệm cơm nào, cũng phải chờ hết, nên tôi đành dạo mát khắp nhà hàng để giết thì giờ.

Tôi thấy nhiều người Âu cầm đũa rất gọn, có lẽ họ đã lưu trú một thời gian ở Viễn đông hoặc đã sử dụng đũa, chén nhiều năm trong các quán cơm của người da vàng.

Đồ ăn Tàu nấu ở Âu châu thành ra dở ăn Tàu lại. Gà, bò,

heo... đều xào với cà ri, giá hoặc nấm. Mi được người Âu thích ăn nhất. Hiện thời có vài chục quán cơm Tàu ở Paris và tất cả, nếu không phát tài, thì cũng sống qua ngày tháng.

Dân Trung Hoa xâm lăng Âu Mỹ bằng đũa và chén. Thật là một cuộc xâm lăng không gây ra oán thù.

Riêng ở trên đất Pháp, các chủ quán cơm Tàu gặp những người cạnh tranh đáng kể: ấy là các chủ cao lâu Việt Nam. Số quán cơm Việt Nam ở Paris là lối chừng bốn trước 1939, tăng lên vài chục sau thế chiến thứ nhì. Tôi có gặp nhiều người Âu nói thích ăn cơm Việt Nam hơn cơm Tàu vì cơm Tàu béo hơn, cơm Việt.

Neurotonic

BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ

Khi ăn xong, kim đồng hồ chỉ 19g40. Trời còn sáng. Ở Pháp, trong mùa hè, trời tối hẳn vào 21 giờ.

Anh Đ..., một bạn được sư ở Sài Gòn, mà tôi tình cờ gặp trong quán cơm, mời tôi đi khiêu vũ ở Plessis Robinson, một ngoại ô Paris.

Đ... đã qua Pháp trên một năm và đương chuẩn bị thi lấy sĩ được khoa ở một trong những phòng thí nghiệm của Cao đẳng học viện (Collège de France) do anh Nguyễn Văn Thoại dự phần điều khiển.

Đ... và tôi cùng nhau trao đổi tin tức nước nhà. Tôi nhận thấy có nhiều chuyện đã xảy ra ở Việt Nam mà tôi không hay biết chi cả Việt kiều ở Pháp lại biết rõ thời cuộc nước ta?

Nhờ báo chí. Các biển cổ quan trọng xảy ra ở Việt Nam đều được các ký giả Pháp ở Sài Gòn, Hanoi, Hoa thành Đồn tường thuật đăng làm hải lung tánh hiệu kỳ của độc giả, nhất là cả,

những người đã sống ở Đông Dương.

Đọc đường, tôi thấy người ta đương khiêu vũ ở vài công trường. Người Pháp có tục nhày đầm ở ngoài trời trong hai ngày 13 và 14 tháng 7.

Khi chúng tôi đến Plessis Robinson, trời vụt mưa xối xả. Chúng tôi chạy vào một hiệu khiêu vũ lớn nhất tại đó. Chúng tôi là những khách đầu tiên nên được chủ và mấy anh gạt sòng tiếp đón niềm nở. Chúng tôi ngồi giữa một rừng ghế bàn trống rỗng. Một lát sau, khách lần lượt đến, kẻ hết chỗ ngồi, rồi lớp đứng trước, lớp đứng sau... Và kẻ trống trở dậy. Kẻ khiêu vũ

REGAST. T
TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
VÀ LỞ LOỆT BAO TỬ

trên lầu, người dưới đất, và ngoài sân khi lạnh mưa.

Bỗng nhạc vụt ngừng. Một anh tóc đỏ học học, kính trắng, vừa cầm đĩa qua lại máy vi âm vờ nói:

— Tôi xin giới thiệu Jeannette Montmartre.

Nhiều tràng pháo tay kế tiếp nhau và một tiếng pháo nổ làm giật mình mọi người.

Một cô trẻ 20, tóc vàng, gương mặt rất dễ thương, từ phía sau chạy ra và ngồi trên một cái ghế ở giữa khiêu vũ đài. Nàng cúi rất tự nhiên bí tất, áo lót, váy và đứng dậy. Rồi nàng cúi tiếp nịt vú, quần đùi và chỉ còn vớ vện một miếng hàng xanh hình trái tim che đủ chỗ kín nàng mà thôi. Trog lúc kẻ vỗ tay như điên, người hút gió nghe rum tai nhưc óc, nàng thủng thẳng uốn mình qua lại, thân thể cân xứng, mông dít no tròn, núm vú chia ra. Người ta bảo cái đó kêu là Strip Tease, một trò giải

trí rất thanh hành sau thời chiến.

23 giờ chúng tôi trở về khu Latin. Người chật như nệm ở công trường Sorbonne. Trên vòm trời, con trăng 16 (á. l.) núp dưới cụm mây thưa. Trong lúc năm nhạc sĩ đánh một bản Tango, một biển người đương như bị gió thổi, rung động nhẹ nhẹ. Đây, một anh chàng đen thui miệng thì thăm, ôm sát chị đầm trắng nõn; kia một anh Việt Nam đương rù rì ở tai một cô gái tóc vàng... Họ đương trao đổi lời ân ái, đương thề non hẹn biển... trời chứng cho, đất chứng cho; biết bao khối tình giữa các dân tộc sanh dưới ánh trăng mờ.

(Còn tiếp)



bạn đọc viết

❁ ... (Ông đã thấy một Nữ sinh khép nép trong tà áo dài chưa ?...)

● HUYỀN-LINH

.. **N**HÂN dịp đọc bài của Ông Lê Tiền D. K.B.C : 4852, Phở Thông 223, tôi xin có một vài ý kiến và cũng là một vài lời cùng ông :

Hằng ngày trên báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình loan báo về tình hình chiến cuộc.

Chiến trường Tây Ninh. Đà Nẵng... càng ngày, càng sôi động dữ dội, hàng người đau khổ nhất lại là dân quê ? không một ai phủ nhận điều này.

Ở hậu phương ? diễn hình nhất là thành phố sài gòn, lại ăn chơi, phung phí, những «trăm hoa đua nở», hippy, mini-jupe, patte d'éléphant đua nhau «leo thang». Nhưng thưa ông đó chỉ là một số người thừa bạc, đua đòi, bắt chước Âu Mỹ.

Nhưng bàn tay có ngón dài ngón ngắn : ông đã thấy một nữ sinh khép nép trong tà áo dài ngây thơ chưa ? Ông đã thấy cảnh một nữ sinh đêm đêm dưới ánh hỏa châu ngồi biên thư. Cho một anh chiến sĩ chưa ? ông đã

BẠN ĐỌC VIẾT

thấy một người lính sau một ngày hành quân, nhận được lá như của người hậu phương, vui mừng, hăng hái thêm lên chưa ?
năm chứ ?

Một độc giả.
HUYỀN LINH THÙY DUNG
đệ nhị B Saigon

Mong ông đừng vu dưa cả



Mộng Cầm

● Diệu-hằng — Phan-Rang

.. **T**ôi có đọc PT số 211. qua mục sự thật về T.T.K.H., với đoạn kết thúc, ông có nhắc đến bà **Mộng-Cầm**. « hiện là vợ một giáo chức ở Phan Thiết » đã phủ-nhận hoàn toàn những chuyện người ta thêu vệt..»

Thưa ông, tôi là người Phan Thiết. Theo tôi biết thì bà **Mộng Cầm** hiện là vợ của Ô. Quận Trưởng đảo Phú-Quý.

Tôi có đi Phú-Quý cùng mấy người bạn, tôi có gặp bà ta hiện tọa lạc nơi đó cơ mà.

Đáng lẽ tôi không có thư này đến ông nhưng rất nhiều bạn của tôi tại đây rất thắc mắc và đang

đi tìm bóng dáng bà ta tại Phan thiết này, họ cứ theo hỏi thăm tôi vì người đồng hương..tôi không biết trả lời ra làm sao cả.

Kính mong ông giải đáp hộ trong một số báo tới.

Tôi muốn rõ điều ấy một cách xác thực hơn..

ĐÁP :— Có Diệu Hằng chịu khó đọc lại Phở Thông số 63, ra ngày 15-8-1961, nơi trang 26-31, bài : « Tôi đã gặp **Mộng-Cầm**, « người yêu » của **Hàn-Mạc-Tử** », do ông **Châu-Hải-Kỳ** viết. Tài liệu xác-thực và đầy-đủ.





Đề góp thêm ý về một chữ trong bài thơ Hồ Xuân Hương.

● TỪ-NHÂN-VŨ KBC 4262

CŨNG trong tinh thần tìm hiểu Văn Học như ông bạn Lê Bá Trán. (KBC 3551) tôi kính gởi đến Quý báo một vài cảm nghĩ của tôi, đề góp thêm ý với ông bạn Trán, đồng thời cũng đề góp thêm vào tạp chí PT một vấn đề nho nhỏ đề tỏ lòng mến từ PT và say mê bài Hồ Xuân Hương của Ông viết.

Thưa ông Giám đốc,

Điều thắc mắc của ông bạn LBT nêu trong PT số 221 cũng là điều thắc mắc của tôi khi đọc bài khảo cứu về HXH của ông đăng trong PT 218. Lúc bấy giờ, tôi đã có ý định viết mấy dòng này gởi đến quý báo để được quý báo giải đáp thỏa đáng nhưng vì quá bận rộn, hơn nữa tôi nghĩ sẽ có nhiều bạn đọc yêu PT làm

công việc này trước tôi. Thì quả đúng như dự đoán của tôi, ông bạn LBT đã nêu lên những chỗ không đẹp của 2 chữ «Mương Lông», trong một bài thơ đẹp như bài «Thiếu nữ ngủ trưa» của HXH. Ai cũng hiểu rằng «Thiếu nữ ngủ trưa» là 1 bức tranh tuyệt tác mà HXH đã vẽ ra trong trí tưởng của người xem, thì lẽ đâu nữ sĩ tài hoa nhà ta lại phớt bay 1 cái «khe nước mọc đầy lông lá» ra giữa bức tranh quý giá như thế kia? Hơn nữa đã có «Một lạch Đào nguyên suối chứa thông» thì tuyết trắng cũng đã quá đủ để «vạch trần» cái «thơm tho» của một thiếu nữ trinh trắng trong tuổi dậy thì đang nằm ngủ giữa ban ngày đó sao? Cho nên tôi rất đồng ý với ông Trán về điểm «tam sao»

Vi sao đi sao lại nhiều lần đến chữ này lộn với chữ khác là chuyện thường. Tuy nhiên tôi cũng không đồng ý với ông Trán về 2 chữ «Mương Lưng» như ông đã sửa, vì nó đã không liên vãn với bài thơ mà còn có vẻ gượng ép câu văn nữa. Theo thiển nghĩ của tôi có thể đó là 2 chữ Nương Long (1) vì nương long là chỗ bèn cạnh sườn thì yếm đào trề xuống đó là hữu lý lắm, chứ không thể trề xuống «mương lưng» (giữa sống lưng) vì thiếu nữ đang ở «thế nằm ngửa» chắc là không thể nào «trề» xuống một cách «dữ dội như vậy được». Còn như theo lời giải đáp của chị DH thì phải hiểu là cái giải yếm đào rơi lòng thông xuống «chỗ đó» lại là điều làm cho độc giả phải «giật mình» (lời của ông bạn Trán) một lần nữa. Vì cái giải yếm mà thông vào chỗ «khe nước mọc nhiều lông lá» thì chỉ có, «chọc ngứa» thiên hạ mà

thôi, chứ không có gì thanh tao thâm mỹ mà HXH phải đưa vào bức tranh tuyệt tác như vậy.

Cả hai lập luận trên đều làm mất hết ý nghĩ «Yếm đào trề xuống». Đánh rằng, có yếm đào trề xuống thì chúng ta mới chiêm ngưỡng được «Đôi gò bồng đảo». Tuy nhiên HXH đã khéo léo để trề một chút thôi chứ không phải «tuột luột» ra để cho cái giải yếm «chấm» xuống cái «mương lưng» hay cái phần chính (không phải cái giải, vì giải yếm thì đương nhiên phải buộc ngang lưng rồi) của cái yếm «lót» dưới cái «Mương Lưng»? Trong một bức tranh mà HXH đã vẽ ra trước mắt chúng ta những: «Lược trúc lông cài trên mái tóc», «Đôi gò bồng đảo sương còn ngậm»... Thì không thể nào Bà HXH lại «diêm» vào đây một cái «Mương Lông» tro trên thửa thãi, hay một cái «Mương Lưng» cục mịch nặng nề như

vậy được. Thêm vào đó lại còn «Một lạch Đào nguyên suối chữa thông» nữa thì quá đủ «bộ» rồi. Ở điềm này HXH muốn cho chúng ta thấy «Lạch Đào Nguyên» qua sự tưởng tượng mà thôi. Thật vậy, vì một lạch Đào nguyên mà «suối chữa thông» thì không thể thấy bằng trực giác mà biết được «suối chữa thông» hay «suối» đã «thông» rồi? Dĩ nhiên chúng ta phải thấy «nó» qua một lớp đen thò sọc... trong một tư tưởng trong sáng... Cho nên, chúng ta thấy rằng thi tài HXH rất giàu từ ngữ, Bà không vay mượn, chắp vá như một số «Thi Sĩ» của thế hệ chúng ta đầu. HXH đã có sẵn một kho tàng từ ngữ để Bà dùng vào bất cứ trường hợp nào mà chúng ta nghe cũng hữu lý, cũng ý nhị, cũng cảm xúc được... Chẳng hạn như động từ «Mưa tề» Bà dùng trong bài «Tắt nước» mà ông NV đã phân tích cho chúng ta nghe một cách lý thú. Hoặc

như trong 2 chữ «chập chọc» ở trong một bài thơ nào đó của HXH mà tôi chỉ nhớ có 2 câu sau đây.

.. «Khi cảnh, Khi tiêu, khi chập chọc

Giọng hi, giọng hi, giọng hi

(Hy vọng bài thơ này sẽ được ông NV nói đến trong các số báo tới)

Như vậy để chúng ta thấy rằng HXH không cần phải dùng đến 2 chữ «Mương Long» kém thâm mỹ, hoặc «Mương Lưng» tầm thường vô duyên, nữ sĩ có thể dùng một chữ nào đó thật bất ngờ nhưng không kém phần văn hoa thì vì mà đã bị chúng ta đánh mất chưa tìm ra được chăng?

TB Xin chị DH «xét lại» của «tình trạng» 2 chữ Nương Long trong bài này.

(1) Khi Chúa Giê-Su bị Đấng đấng trên Thánh giá đã gần chết, nhưng bọn gié Chúa còn lấy lưỡi đồng đâm thêm vào cạnh «trương long» Chúa Giê-Su. Lưỡi đồng đó bọn gié Chúa đã đâm từ cạnh sườn xuyên vào tim.



Xin mở mục Hội Họa.

.. **M**ONG ông mở thêm ở P.ở t.rông về Hội Họa để phê bình khảo cứu những tài liệu về hội họa trong cũng như ngoài nước — Lịch sử những danh họa khắp năm châu — nâng đỡ những danh họa sĩ có thực tài mà không ai biết đến. Như ông đã biết nước ta có một nền văn hóa từ bốn ngàn năm nên đã có một nền văn chương thi phú rất dồi dào không thua kém bất cứ dân tộc nào. Riêng về nền hội họa của nước nhà thì đang ở trong thời kỳ phôi thai, mà tài liệu và sách báo về hội họa hầu như không có và nếu có thì quá ít ỏi, ngoài những điều tệ hại trên còn những điều không kém bi đát là một số người được mệnh danh là trí thức họ đã quan niệm một cách lệch lạc như: «thời buổi này mà còn lo hội họa, đòi đến nơi rồi mà...» hoặc «Mỹ thuật có khác với Kỹ thuật không? «hay là

● **HỒ NGỌC DIỆP**, Huế

rồi hay là, những cái vô ý thức một cách điên đầu này sẽ đưa nghệ thuật nước nhà đến chỗ bế tắc nếu ai cũng quan niệm như vậy.

Bằng ý thức đó tôi hoàn toàn đặc hy vọng ở ông sẽ có đủ khả năng cũng như phương tiện để có thể đưa Hội Họa nước nhà đến nơi sáng sủa hơn, để phản ảnh được nếp sống của dân tộc ta, mà ông là người chăm cây đuốc đầu tiên để cho tất cả cùng sáng.

Cuối cùng tôi chỉ biết lời cảm mến chân thành và đầy đủ sức khỏe để phục vụ bạn đọc, và khi trả lời nếu tiện ông có thể trả lời luôn trên mặt báo, vì tôn trọng ý kiến của một số đồng do tôi đại diện và nếu cần ông cũng có thể đăng nguyên văn bức thư này.

Kính ông

HỒ NGỌC DIỆP

SV Cao đẳng Mỹ Thuật Huế



Trao về Nữ sĩ Tương-Phổ-Nhatrang

Tết rồi địch nó đánh ta,
Khắp nơi nhà cháy, thầy ma đầy đường
Nha Trang cũng một chiến trường
Nghe đâu dân chúng phổ phưởng tan hoang
Lạy trời, nữ sĩ bình an ?
Văn chương, nhà cửa, ruột gan, thế nào ?
Đạn bom, tang tóc đồng bào,
Mấy đêm không ngủ lệ trào trang thơ ?
Nhớ ai, lo vắn lo vơ
Gửi thơ nóng đợi người thơ trả lời
Buồn sao buồn quá, ai ơi !

N. V.

Trận đánh đồn

MANG-CÁ

● VƯƠNG-ĐỨC-HÀ

BÀN đến việc đánh giặc không phải là một việc dễ. Phải là một người am hiểu Sử Địa, cùng kỹ-thuật tác-chiến hay đã nghiên-cứu nhiều về trận-địa mới dám nói đến chuyện đánh giặc.

Ở đây, chúng tôi không dám đi sâu vào vấn đề vì chúng tôi không phải là hạng người nói trêu. Chúng tôi chỉ dựa vào một số tài liệu để nói lại vấn đề. Cũng ngại rằng việc làm của chúng tôi nêu ra đây có nhiều điều sai lạc chăng, mong quý vị có tài liệu gì thêm xin bổ khuyết.



Như chúng ta biết, sau khi vua

Tự Đức mất thì quyền hành trong triều đều do Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết nắm giữ. Các vị vua trẻ tuổi sau này được tôn lên ngai vàng một cách miễn cưỡng. Có chăng là các ông vua ấy chỉ ngồi cho có vị ?

Trong nước giặc giả nổi lên tứ tung Quân Ph p đánh chiếm Nam-Kỳ, Bắc-Kỳ. Còn Trung-Kỳ và « Hoàng-triều Cương thổ » cũng đang bị hăm-dọa, Sở dĩ có trận đánh đồn Mang-Cá là do những nguyên-nhân sau này.

Tháng 6 năm 1884, quân Pháp đem một số chiến thuyền đến cửa Thuận-An và yêu cầu triều-dinh ta nhường cho đồn Mang-Cá. Triều-dinh Huế còn

đang thảo-luận thì vua Kiến-Phúc đồng-ý cho 100 lính Pháp vào đóng tại đồn Mang-Cá.

Thuyết và Tường tức-giận lắm. Thế rồi vua Kiến-Phúc chết. «...Người ta nói rằng chính tay ông Tường giết. Hệt như mấy hôm đó vua Kiến-Phúc bị cầm, ông Tường vào thỉnh an, tâu là có biết làm thuốc, xin đề cho bốc một thang. Thang thuốc ấy tức là thanh-kiếm của ông Tường giết vua : vua ngự chén thuốc rồi mất. vì trong có bỏ thuốc độc...» (Phan-dình-Phùng trang 49-Đào-trình-Nhất).

Đồn Mang-Cá còn gọi là Trấn Bình-Đài, là một nơi hiểm yếu ở vào phía Đông-Bắc của Kinh Thành, Đồn này rất quan-hệ cho việc võ-bị. Nó có một địa-thế hiểm-trở, rất thích hợp cho việc dụng-binh, nằm trên khu-đất cao chung quanh có hào rộng, tường cao; phía trước có dòng nước chảy qua (con sông đào từ cầu Gia-Hội chảy đến). Và Trấn bình Đài là nơi yểm-hộ cho Kinh-thành, Nếu Trấn-Bình

Đi mất, thì kinh-thành khó giữ. Biết thế, Thuyết lấy làm lo ngại lắm. Nếu kinh-thành mất, Triều đình sụp đổ, chính quyền sẽ về tay người Pháp. Chừng ấy dân bị bảo hộ, vua mất quyền thì thần quan còn có chức-tước gì chăng ?

Lại nữa, ngày 19 tháng 5 năm Ất-dậu (1 Juillet 1885) Thống Tướng De Courcy đem một đội chiến-thu-ên chừng 1.500 quân (1), từ Bắc Kỳ tới Huế đề chuyễn đệ bức quốc thư của Chính phủ Pháp cho vua nước ta. De Courcy rõ biết hiện trong triều chỉ có Tường và Thuyết là 2 nhân vật trọng yếu nên ông cho mời Tường, Thuyết sang tòa Khâm-sứ đề làm lễ tương kiến và luận-bàn việc nước trước khi vào châu vua Hàm Nghi.

Sợ trúng-kế gì chăng, Tô thất-Thuyết giả bệnh chỉ đề Phạm iận Duật và Nguyễn văn

(1) Theo Việt Nam Sử lược của Trần trọng Kim thì 500 quân

Tường sang. De Courcy tỏ ra giận dữ, ông định sẽ vào triều yết kiến vua và buộc phải mở Ngọ-môn đề rước ông.

... « De Courcy cố ý khiêu khích, y muốn ta phải mở cửa Ngọ môn...Nhà vua lập Đại trào...các quan văn võ đứng châu hai bên đón Phái đoàn Pháp vào...Thật là trái với nghi lễ và nhục cho Quốc thể...» (Nguyễn thiệu Lâu. Gió mới số 52).

Thuyết càng lo sợ, hoảng hốt không biết đối phó bằng cách nào. Có nên chống cự chăng ? Thuyết còn nghi ngờ lực lượng của quân mình, mặc dù ông đã thành lập Sơn phòng Cam lộ (Quảng Trị) đề làm căn cứ đánh Pháp sau này nếu Kinh thành Huế thất thủ.

Cách đó mấy hôm lại có sự động đất gần kinh thành.

« Sự động đất đêm trước, biết đâu không phải là điềm trời báo trước, cõi Viêm bang sẽ bước vào vận hội mới chăng ?..»

(Trung Nhật chiến tranh, trang 185).

Sau khi hay tin De Courcy công phần mình, ngày đêm Thuyết thường đề đạo quân « Phấn Nghĩa » ở bên mình.

Đứng trước tình thế nguy ngập này, Tôn thất Thuyết là vị Thượng quan trong Triều đình không lẽ im lặng.

Thế là Thuyết chẳng còn do dự gì nữa, nhất định đánh Pháp. Một mặt ông cho vận tải vàng bạc, lương thực lên Sơn phòng Cam Lộ; một mặt ra lệnh cho các vệ các doanh đều phải tập luyện ngày đêm và sai quân rào lũy đắp ụ trong thành. Thuyết bèn mời Tường đến đề thương nghị mưu kế đánh Pháp. Tường nói rằng :

« Nước ta bao nhiêu năm nay gặp việc binh đao luôn mãi, ruộng mỗi ngã nghiêng, dân gian khổ sở lắm rồi. Ngay năm mới rồi (là năm 1883) binh Pháp đánh phá tan tành cửa Thuận An, tâm khí quân ta đã

nao nóng; khiếp sợ lắm...Chúng ta bây giờ sinh sự khai chiến sợ làm phiền lụy cho Thánh Thượng và cực khổ cho quan quân...» (Phan đình Phùng trang 55).

Thuyết nghe Tường khuyên can, biết là Tường đã biến tâm rồi. Ông quyết hành động một mình. Nhưng còn ngày giờ khởi chiến? Muốn cho chắc chắn, ông cho gọi một lão thầy bói ở gần cầu Gia Hội vào Phủ đề bói. Sau một hồi suy đoán, lão bói quyết đoán ngày 23 đúng giờ Tý khởi sự (1).

Suốt 2 ngày 21 và 22, ông lại mật lệnh cho các Đô đốc Tứ Quảng (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi) phải tập trung quân lính ở kinh thành trước 10 giờ đêm...

Đêm xuống. Bóng tối của đêm 22 dầy đặc bao trùm lấy Kinh thành Huế. Tất cả ba quân tướng sĩ đều nóng lòng đợi đến giờ giết giặc. Công việc tiến

(1) Theo báo Đông Tây

binh của Nguyễn Soái Thuyết đều được chuẩn bị sẵn sàng

— Một đạo binh do Tham biện Tôn thất Trắc (em Thuyết, trấn giữ Cam Lộ được mật triệu về) thống lĩnh, đến nửa đêm thì đem quân sang Hương giang đánh tòa Khâm sứ.

— Một đạo binh thì tự ông điều khiển và Chương vệ Tiền quân Soạn hộ vệ ông. Ngoài quân chính thức ra còn thêm 3.000 quân « Phấn Nghĩa » tiến đánh đồn Mang Cá (Trần Bình Đài).

Đồn Mang Cá có 2 tướng giỏi của Pháp là Thiếu úy Julien và De Champeaux. Hai người này đã sang dự tiệc bên tòa Khâm.

TELMIN
TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM * NGON * NGỌT

Mười hai giờ đêm. Tiếng súng nổ vang rền cùng tiếng reo hò của quân lính làm rung động cả Kinh thành và xóm làng. Tôn thất Thuyết đốc xuất quân binh bắn vào Trần Bình Đài. Quân Pháp xuống hầm trú ẩn và chỉ bắn trả lại rất thưa thớt, vì trời tối chúng không dám ra.

Quân ta bắn thật nhiều nhưng chỉ phá vỡ những tường lợp. Quân địch không thiệt hại cho lắm. Sau thấy bên địch im, bên ta tưởng chúng chết cả bèn trở súng bắn tiếp sang tòa Khâm.

Nói về đạo binh của Tôn thất Trắc kéo tới tòa Khâm liền gặp quân tuần. Trung úy Boucher giàn quân ra chống trả. Nhưng chỉ giữ thế thủ.

Cả hai đạo quân của ta bắn đến gần sáng thì đạn gần hết. Vừa lúc ấy, bên Pháp, ở đồn Mang Cá, tòa Khâm bắt đầu kéo ra tấn công quân ta. Lại thêm tàu chiến ở sông Hương

và cửa Thuận An kéo vào, bắn lên dữ dội. Sau lại kéo lên bờ đánh phá Kinh thành cùng khu lân cận. Thiếu úy Pellicot từ đồn Mang Cá kéo ra bắt quân Nam giết chết. Cánh quân của Tôn thất Trắc đã hạ được Trung úy Lacroix. Quân ta lùi qua cầu Bạch Hồ, và đặt thùng thuốc súng cho nổ, cầu đổ, Thiếu úy Heilscheel và một số quân Pháp bị hại nơi đây.

Cả hai cánh quân ta coi như tan rã trước sức tiến như vũ bão của quân địch.

Khoảng 9 giờ sáng ngày 23 (ngày ta), quân Pháp tiến vào nơi thành thì xe giá Tam cung và Hoàng thượng đã ra khỏi thành chạy về phía Kim Lương do Hữu quân Đô thống Hồ

ANACINE
TRỊ PHONG NGŨA
MỀ DÀY, HO, SUYỄN

Hiền và Nguyễn Văn Tường hộ giá.

Đến Kim Lương, Tường trốn vào nhà thờ nhờ Giám mục Caspar đưa mình về hàng với De Courcy.

Thuyết, Soạn, Trắc theo kịp xa giá và đồng đến Quảng Trị.

Thế là trận đánh kết liễu. Như chúng ta đã thấy, Tôn thất Thuyết đã tổ chức trước và rất chu đáo, tại sao lại thất bại nặng nề như thế?

Rất dễ hiểu. Lực lượng quân ta rất yếu. Súng ống, đạn dược thiếu cả. Và lại kỹ thuật tác chiến và cách sử dụng súng ống không được hoàn hảo. Trong lúc công phá thành, bên địch im cả, Thuyết ngờ quân địch chết cả, không chịu tiến vào; chỉ ở ngoài bắn vào thôi. Nói tóm lại, mặc dù sức phá đạn của

bên ta không mãnh liệt, song cũng gây thiệt hại không ít cho bên địch, nhất là chúng ngăn lòng chiến đấu anh dũng của dân Việt. Ngoài số quân lính bị thương và tử trận ra, nhà cửa, nhân dân bị tàn phá và sát hại rất nhiều; vì chúng cố ý tàn sát nhân dân trong lúc chộn rộn chạy loạn.

Còn về bên địch, chúng có phòng bị chăng?

Trong Giỏ mới, số 52, ông Nguyễn thiệu Lâu viết:

«...Thống Tướng Pháp tên De Courcy đã tổ chức tấn công.

« Quân đội Pháp có một số đóng ở đồn Mang Cá ở phía Đông Bắc Kinh thành Huế. Họ có súng đại bác, khẩu 75 ly chia vào Kinh thành, Hoàng thành và Cấm tử Thôn... Một số quân đội đóng ở phía-hậu ngạn (tòa Khâm) cũng có trọng pháo

đại liên, tiểu liên...»

Trong quyển Phan đình Phùng, ông Đào Trinh Nhất lại nói:

«...Cứ theo nhiều người nói thì cái mưu đánh của Thuyết quả Tường không dự vô mà cũng không biết chi hết. Nhưng ngầm nghĩ cho kỹ, chắc hẳn Tường biết, đã qua mật báo cho tòa Khâm sứ hay rồi. nếu không thì sao quên Pháp đã biết mà dự bị trước...»

Còn trong Trung Nhật chiến tranh chép:

«...Vị cố đạo Caspar thấy các tín đồ mật báo, bất giác kinh sợ vô cùng. vội đem mấy chục tín đồ vượt qua cầu Bạch Hò, lên sang tòa Khâm cấp cáo với Thống Tướng De Courcy.

« Thống Tướng vốn khinh thị Nam triều, lại tự tin một đại đội 500 quân Á rập kia, đủ khiến cho Nam triều kinh sợ, vô mật. Nên dù cố đạo Caspar tha thiết

xin phải cẩn phòng, Thống Tướng chỉ gạt đầu cười nhạt không coi lời mật báo kia vào đâu cả...»

Xem thế, chúng ta đủ biết rằng, dù sao đi nữa, quân Pháp cũng sẵn sàng nghênh chiến. Vì Nam Kỳ, Bắc Kỳ đã chiếm được rồi, thì tội gì quân xâm lược lại không thôn tính nốt Trung Kỳ!

Dù quân ta thất bại, triều đình chuyên động, dân tộc điêu linh, Tôn thất Thuyết cũng đã tỏ ra là một người biết vì nước vì dân trong cơn nguy khốn!

Thật là: «Gia bản tri hiếu tử, quốc loạn thức trung thần»





Phiên gác đêm đầu tiên tại Quân trường.

● NGOC-TUYỀN
KBC 4277

TÔI nay, toán 6 người chúng tôi gác phía sau nhà kho. Chúng tôi chụm lại bốc thăm lãnh phiên. Tôi nhằm phiên nhì.

Một Trung sĩ Cán bộ đến giới hạn vòng đai kiểm soát và chỉ định vị trí đặc ở đúng cộng đồng cho anh em. Chúng tôi nối đuôi theo sau ông ta đề nghe lời chỉ

bảo:

— Đây là giao thông hào, các anh hãy đặt trước mấy chiếc nón sắt ở bờ bên kia. Chiếc thứ nhất ở đây... chiếc thứ nhì ở đây..

— Xin tuân lệnh:

— Mỗi khi có biển, chúng ta tự động nhảy xuống dằng sau

PHIÊN GÁC ĐÊM

chiếc nón sắt cửu nhình và tiếp tục chiến đấu. Anh em nên ngủ đàng kia từng người hay từng cặp một về bên phải chúng ta, nơi tháp canh, có một toán trực đèn pha. Sau lưng chúng ta là các toán bạn khác. Đừng tác xạ vào các hướng ấy. Anh em nghe chưa?

— Chúng em xin nghe.

— Còn mặt kia anh em có quyền nổ súng khi cần, nhớ chưa?

— Ô kê, chúng em xin nhớ.

Lời chỉ bảo êm dịu, cẩn kẽ của Trung sĩ khiến tôi nghĩ ngay đến vai diễn xuất ngọt ngào của một bà mẹ chồng tốt bụng với nàng dâu mới.

Chiếc poncho vươn dài trên thảm cỏ xanh có vẻ quyến rũ như khoản divan ở nhà nàng. Tôi đặt cây súng và nịt đạn xuống rồi ngả lưng nghĩ ngợi phiên đầu.

Cái đôi bàn tay làm gối, thẳng Thanh buồng ngựa mình nhiều mông lung. Trong khoản ngực lồ lộ, vuốt cong của bầu trời phía

trước đã bắt đầu diêm xuyết một vài vì sao sớm lấp lánh tựa hạt minh châu nâng Tử Ngọc đem dâng cho người yêu ngày xưa. Hàng liễu cao đu đưa ngọn như những cánh tay chồm tới chực mân mê những đường cong tuyết mỹ tạc hình cô gái nằm hờ hênh chờ đợi trên đỉnh hòn Khô.

Từng hồi chuông gọi thiêng từ ngôi giáo đường làm xao động bầu không khí tĩnh mịch. Hơi gió biển run run theo nhịp ngân vaog.

Người lính gác đứng lù lù trước mặt tôi với tư thế một pho tượng đá trấn đường vào những nghiêm lặng cò.

Quân trường mờ dần và ẩn sâu vào màn đêm theo độ gia tăng xuất hiện các tinh cầu trên thiên đình cao. Chiếc bóng lá loi của cô gái sườn non nhạt nhòa thêm.

Sau 15 phút đưa thề xác vào trạng thái ngơi nghỉ, tôi bắt đầu tìm lại được cái cảm giác lâng lâng và thoải mái đã đánh mất từ nhiều tuần lễ qua. Nguồn cảm giác

châu về hợp phố ấy gần như một ảo ảnh cuối thu trong tiêm thức bông vạt thức dây sáng láng như một thiên thể di chuyển, tôi miên man...

11 giờ thiếu 5. Tôi phát dậy nít đạn, mang súng ra thay phiên gác. Trong bóng tối, tôi bắt gặp được nét mặt rạng rỡ và tia mắt reo vui của người bạn. Cậu ta như thắm cảm ơn và nhẹ nhàng rút lui về chiếm hữu ô vuông poncho đang sau vôi tằm trắng Lưu Nguyễn được vào núi Thiên Thai.

Bây giờ trong bốn bức không gian phủ vây mờ mờ này, tôi gắng tập trung khả năng quan sát để nhìn thấu vào khoảng xa xa trước mặt. Trong bóng cây im lìm, từng bờ cỏ xoài dài và chạy mất hút vào bóng đêm. Tất cả đều trống vắng, yên lặng như khu nghĩa địa ngoại ô. Không một tiếng dế rả rích, không một trờ mình của loài cây cỏ. Tôi cố tìm một hình ảnh đối nghịch để bày tỏ ý chí cương quyết của mình nhưng chỉ nghe có tiếng xê xích vắng vắng của quả

tim đang lừa dòng máu đỏ vào con sông cơ thể mình. Tôi không quay nhìn nằng trên đỉnh hòn Khô nữa. Tôi vắn về đầu mũi súng đề mình nhủ mình rằng có mình đứng gác đêm nay. Cái lạnh của thép truyền qua đầu ngón tay, thấm vào cơ thể tôi như một dòng suối lạnh... Đối diện các đốm mắt ngọn sao đuôi Bánh Lái rực lên và nhìn tôi trừng trừng. Hỡi vì sao kia, chỉ có người là chúng nhân đặc nhất cho sự hiện diện của ta trong phiên gác đêm đầu tiên này.

Ngọn đèn pha trên chòi canh quét lại từng vệt sáng dài đứng một góc 120 độ. Tôi rời theo cái ánh sáng thiên thần ấy để cố phát giác mộ hữu thể lạ. Nếu có một bóng đen xuất hiện, tôi tác xạ phủ nhận nó. Màu sáng lạnh như ánh thép di chuyển chậm

Neurotonic

BỒ ÓC

THÊM TRÍ NHỚ

chạp rồi ngừng ngay trước tầm mắt tôi. Tôi khẽ nhích súng lên cao dặng kịp kéo cò đón mồi. Tôi sẽ phải giết người đêm nay để giữ cho thân xác tôi khỏi trở về cát bụi, dù cho nạn nhân cũng là một sinh vật có quả tim ấm áp máu hồng như tôi. Hết giờ có lẽ tôi chưa nghĩ đến nghĩa cử cao đẹp của một chiến sĩ cứu quốc hay ham muốn chiếc huy chương song sánh ở nắp áo trận khi hành động. Tôi quyết giết hẳn là để chối bỏ việc làm ngu muội của hẳn muốn cướp mạng sống của nhóm chúng tôi. Tôi chưa tìm thấy hẳn... Tôi sẽ không hèn nhát tặc trách và quyết hoàn thành nhiệm vụ của một người lính gác.

Đôi chân nghe nặng dần, tôi thương nó vô hạn. Dây đạn như có thêm trọng lượng đang xiết chặt thắt lưng như vòng tay người tình đi xa về, nhưng đôi mắt vẫn còn nhiều tinh táo để phóng cái nhìn soi mói vào các bụi cây, ngọn cỏ.

Những mảnh thủy tinh vỡ vung vãi bên bờ nương phần

chiều ánh sáng hiu hắt giống những đốm mắt mèo đêm.

Chẳng có một tên ma cuồng tín nào mon men đến viếng thăm. Có lẽ chúng nể nang cái phản ứng chớp nhoáng của lũ sáu đứa chúng tôi và sợ nguồn ánh sáng chính nghĩa chói lói kia soi rõ bản mặt bỉ ổi, bội phản dân tộc của chúng.

Hơi thở đại dương rì rào ngoài xa kia phụ họa với làn gió đêm đã mơn trớn giấc ngủ đương đờ thềm khát của bạn hữu tôi. Thôn Ba làng im lìm uống sương đêm. Tháp giáo đường chập chờn bên kia rừng cây, chìm dần sau dung nhan Chúa.

Quân trường ơi, hãy bình yên! và xóm làng ơi, xin tròn giấc đêm nay!



● **Nạn can qua chẳng tha nhà Phật !**

Can qua tàn phá miếu chùa chiền !
 Chẳng có dung tha But cửa thiền !
 Bắn cả dân đen, người chết phác.
 Quét luôn Phật tử, kẻ tu hiền !
 Sát sanh lạnh đói và mù quáng
 Giết chết nghèo nan với tật n-miền !
 Lạy Phật và Trời : Thay thế giới
 Trở thành cực lạc, cảnh thần tiên !
 (Saigon, ngày Phật đản)
 NGUYỄN VĂN SỬ

● **Tình thơ**

Bút vương tình giấy, tờ yêu thơ
 Duyên đã trao duyên môn ý chờ
 Strong lạnh, riêng khuỷa, trăng chếch bóng
 Trông đen, đêm vắng, nhện giăng tơ
 Mầu đời sơn dã người hay chuông
 Nếp áo bần thanh khách khó ngờ
 Ngắm sắc mây lành nghe nhạc gió
 Mở vòng tay đạo, ấp yêu mơ.

(Đào Mai Trang)
 MỸ DỨC

○ **Chi Lăng**

Về tình hỏa tiễn vượt sao băng
 Tìm kiếm cho ra mặt chi Hằng
 Mộng đẹp xưa kia nay ở mộng
 Văn hay ngày trước hóa baon văn
 Cây đa tích cũ thành tro trên
 Thăng Cuội đương kim hóa nhố nhăng
 Rắn rộ đàn người mang giáp sắt
 Búa vôi cương nguyệt, dọc ngang giăng.

BẠCH DIÊN PHẠM VĂN LUẬT
 (Minh Phụng — Chợt)



● **Úc Viên Thi Thoại** :— Hai mươi mốt bài hồi ký Văn Nghệ của Đông Hồ, do tác giả tuyển chọn trước ngày mệnh chung, và Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội thực hiện tưởng niệm. Bài « Truyện Kỳ » của Mộng Tuyết viết thay lời tựa thật là bay bướm. Mặc Lâm xuất bản và phát hành, 72 đường Trần Văn Thạch, Saigon. Trình bày và ấn loát đẹp, bản Đặc biệt do Mộng Tuyết ghi tặng.

● **Con đường Hòa Bình của nhân loại** :— Của Lê Thiện Giao. Một quyển luận thuyết về triết học, khoa học, Siêu hình học, chính trị, tôn giáo, chủ trương « xã hội Lương nhân chủ nghĩa ».

Nhà xuất bản Văn Hữu, 13 Trần quốc Toản Saigon.

● **Nuôi tiếc** :— Một tập Thơ gồm 15 bài của 15 nhà thơ trẻ ở Phong Dinh.

● **Thao Trường tục bản**. Tuần báo thanh niên thể thao do ba ký giả Thiệu Vô, Tấn Quỳnh, Tuấn Linh chủ trương và tục bản ngày thứ Năm 12-6-69.

● **Duy ái** — Nhịp Điệu Tâm Thức của Điền Sơn Vô thành Phước. 2, đường Nguyễn tri Phương, Đà Nẵng. Dày 110 trang. Bản đặc biệt không đề giá bán.

● **Non Nước Khánh Hòa** :— Khảo cứu và sưu tầm đầy đủ về tỉnh Khánh Hòa. Gồm 3 phần: Cảnh đẹp thiên nhiên, tay người tô điểm, Nguồn lợi kinh tế. Tài liệu Sử Địa, Văn hóa, đời đảo và chính xác.

Tác giả, ông Nguyễn đình Tư, cũng đã soạn quyển « Non Nước Phú Yên » với nhiều công phu và cũng có giá trị như thế.

Sông Lam xuất bản. 86 Nguyễn Hoàng Nha Trang. Dày 415 trang, giá 200\$.

● **Tình Thơ** :— Của Vương Đức Lệ, một nhà thơ trẻ đã xuất bản nhiều tập thơ. In đẹp. Nhà phát hành Sông Hồng, 240 Nhật Tảo Chợ Lớn.

Xin tìm đọc :

Sartre và Heidegger *Trên thảm xanh*

Khảo luận của TAM ÍCH
Hồng Đức xuất bản. Đã bày bán tại các hiệu sách

Tìm đọc :

Tuổi trăng tròn

Cuốn sách QUYÊN DI viết dành riêng cho các bạn mời lớn.

Đọc Tuổi Trăng Tròn để

— hiểu mình hơn

— sống cao thượng, anh hùng, trong sạch, vui tươi, lý tưởng hơn.

Thành thật — hồn nhiên — di dỏm — tươi mát
với bìa bốn màu tuyệt đẹp của VI VI

Cuốn sách xứng đáng nằm trong tủ sách gia đình của Bạn và nhất là xứng đáng làm tặng phẩm của tuổi học trò.

Vào Đồi xuất bản — Tuổi Hoa ấn loát

Đáp bạn 4 Phương



● Một số khá đông bạn đọc, nhất là các bạn gái Miền Trung viết thư yêu cầu tôi cho biết ý kiến về vụ « cô gái Huế » của một tờ báo nào đó đã gây một vài dư luận xôn xao.

Rất tiếc tôi không có đọc bài báo đó.

Riêng về quan điểm của tôi, tôi đã viết nhiều về các bạn gái Huế trong Phở Thông, tưởng không cần nhắc lại.

Xin các bạn miễn cho,

N.V.

● Cô Nguyễn thị Sương,
Vĩnh Bình

Cô có hiểu đích xác chuyện đó như thế nào, và có bằng cứ gì, xin cô viết rõ ràng, và cho địa chỉ và tên thật của cô, chúng tôi sẽ điều tra, rồi sẽ đăng lên

báo, theo ý cô muốn.

Còn cô nghe « dư luận » người ta đồn rằng... v.v... thì có thể không đúng sự thật, hoặc thù ghét cá nhân, hoặc xuyên tạc hoặc vu khống, mạ lỵ, pháp luật và lương tâm văn nghệ không cho phép nhà báo đăng bức thư của cô. Mong cô cho tên thật của cô, và địa chỉ đích xác, rõ ràng.

P.T.

● Cậu Đặng-văn-Hàn,
Quảng Tín

Đĩ nhiên, dù là Tổng Thống hay vị chức trách nào, mỗi khi nói với đồng bào thì nói tiếng Việt. Còn khi nói với người ngoại quốc, nên dùng ngoại ngữ trực tiếp hơn là nhờ thông dịch viên dịch lại.

● Bạn Ng. hữu Long,
Quảng Trị

ĐÁP BẠN

Bạn viết thư hỏi nhà Khai Trí 62 Lê Lai Saigon, yêu cầu gửi cho bạn một thư mục các sách ngoại ngữ hiện có bán ở đây.

● Ô Nguyễn Hoàng Quận
Hành Chánh, Điện bàn 2.

Những các số báo P.T. ông hỏi, hiện tòa soạn cũng không còn. Rất tiếc.

● Ô Đặng hữu Nghị, Tòa
Sơ Thẩm Nha Trang

Trong những câu « Bầy nời ba chim », « Ba vương Bầy tròn », « Ba làn bầy lượt », v v hai con số Ba và Bầy chỉ là một cách diễn tả « số nhiều », chứ không có giá trị thực tế là 3, và 7.

Cũng như nói : « Mẹ tròn con vuông », hai tính từ « tròn » và « vuông », diễn tả sự viên mãn, đầy đủ, chứ không nhất thiết là theo hình thức tròn vuông. Đó chỉ là những chữ dùng làm tượng trưng.

Ba vương sánh với bầy tròn
Đời cha vinh hiển, đời con
sang giàu

Có nghĩa là ; đời con được sang giàu, cũng như đời cha được vinh hiển; so sánh hai đời vẫn ngang nhau như Ba Vương bầy tròn, vẫn viên mãn, tốt đẹp hoàn toàn, đáng khen ngợi.

● Ô Huỳnh quang Vinh
Lý thường Kiệt, Hội an

Tòa soạn đã gửi tặng ông quyển « Mồ Hôi Nước Mắt », hôm trước tết Mậu Thân, cùng một lượt với các gói sách, báo biếu các bạn khác. Nhiều bạn đã nhận được. Đa số không được, vì sách báo bị thất lạc trong vụ khói lửa bất ngờ.

● Cậu Vũ Bình, Đệ III
Hưng Đạo, Long An

Rất tiếc bài đó không đăng được trong mục « Tiếng Nói thế hệ » vì là chuyện riêng giữa một học sinh với ban giám đốc.

● Bạn Thu Thảo, Cần
Thơ

Ngày 1. 11 tháng 11 năm Kỷ
Sử : 30-12-1949.

Nếu là năm Canh dần (không

phải Nhâm dần) thì là năm 1950.

● **Bạn Trung sĩ Í Tôn thất Liêu, KBC 4884**

1) « Dieu est une substance constituée par une infinité d'attributs dont nous ne connaissons que deux : La Pensée, et l'Étendue »

Câu này của triết gia Spinoza, có nghĩa : Thượng Đế (Hay là Chúa Trời) là một nguyên chất gồm có vô số những phụ chất mà chúng ta chỉ mới biết được có hai : Suy tưởng và Viễn cách. Xem xét mọi sự vật trên vũ trụ bao la do Thượng đế tạo tác ra, chúng ta nhận thấy chứa đựng cả một suy tưởng vĩ đại và vô cùng tận của Thượng đế. Ngoài ra, tất cả của đều còn là huyền bí, trí óc của chúng ta chưa thấu hiểu hết được những tính chất khác của tạo hóa.

2) *Leibniz croit à l'existence des idées innées.*

Nhà Triết học Leibniz tin rằng có những ý nghĩ bẩm sinh, nghĩa là những ý nghĩ đã có sẵn nơi

ta, do «Trời» phú cho ta chứ không phải do ảnh hưởng nào khác.

3) *Science sans conscience n'est que ruine de l'âme (Pascal)* : Có học thức mà không có lương tâm, chỉ suy hại cho tinh thần.

● **Bạn Sinh viên L Saigon**

Tôi đồng ý với bạn : Đồng Khánh và Khải Định không xứng đáng có một tên đường phố.

● **Trung-Úy Hoàng-kim Xuân, Phi trường Phonsikhay, Laos.**

1) Điện Biên Phủ thất thủ ngày 7-5-1954, lúc 18 giờ.

2) Trái bom nguyên tử đầu tiên thả xuống Hiroshi ma ngày 5-8-1945, lúc 7 giờ 30

3) Hoa Trinh Nữ, là Hoa Mimosa

(Sensitive, Forget-me-not, là lá mắc cỡ, không phải Hoa Trinh Nữ).



Bạn đọc đón số sau
227 (1-8-1969)

Số Đặc-biệt :
Loài Người
Đổ Bộ lên
TRĂNG

Nhiều bài Khoa học
Lịch-sử, Văn-Nghệ
Khôi-hài, Thơ, về
Mặt Trăng

Đại sứ An-Nam Mạc-Đĩnh-Chi

so tài với Hoàng-Đế Trung-Quốc

Mạc Đĩnh Chi người thấp bé, bệh dung cổ quái, nhưng thông minh tuyệt vời, và ngang tàng ngạo nghễ rất mức. Lúc đi sứ sang Trung quốc. trước bọn vua tôi, một triều đình phong kiến và cùng oai nể ông vẫn coi thường mọi người để giữ vững quốc thể Việt Nam.

Tuy vậy nhưng vì cái tài học tuyệt vời của ông nên Triều Đình Trung Hoa vẫn phải coi ông như là một vị trượng Nguyên của họ. nên ông mới có biệt danh là Lương quốc trượng nguyên (Trượng nguyên hai nước).

Tương truyền rằng, một hôm triều đình Trung Hoa đang hội triều, họ Mạc vào bệ kiến. Vua Tàu ra cho ông một câu đối. lẽ dĩ nhiên là câu đối này đã được chuẩn bị kỹ càng, đây là một đòn dọa nạt, gây áp lực tinh thần ;

Vua Tàu ra :

« Nhật hỏa vân yên, bạch
đán thiêu tàn ngọc thổ.

Họ Mạc đối :

« Nguyệt cung tinh đạn,
hoàng hôn xạ lạc kim ô.

Nghĩa là :

Mặt trời là lửa, mây là khói,
trời sáng ra là đốt cháy tan mặt
trăng.

Câu ra này có một ý nghĩa rất
láo xược. Vì mặt trời là quân
tượng, mặt trăng là thần tượng.
Ý muốn nói Việt Nam là phận
tôi con, thiên triều cho sống
được sống, bắt chết phải chết.

Nhưng câu đối chọi lại cũng
có vừa đâu. Vì có nghĩa là ;

MẠC ĐỈNH CHI

« Mặt trăng là cung, các vì sao
là những viên đạn, hoàng hôn
đổ xuống thì bắn rơi mặt trời ».

Nói như thế có khác gì nói
cho vua tôi nhà Hồ-Nguyên biết :
nước Việt Nam đủ sức đánh
đuổi người Tàu, câu chuyện Hốt
tất Liệt, Thành Cát Tư Hãn ở
thế kỷ 13 vừa rồi sao chóng quên
thế ?

Một hôm ông đang ở Bắc
Kinh, có lần ông cười lừa dong
chơi, vô tình đụng đầu ngựa một
ông Quan Tàu. Quan Tàu ra
câu đối.

« Xúc ngã kỵ mã, đồng
đi chi nhân dã, tây di chi
nhân dã.

Nghĩa là .

Đụng vào ngựa ta đang cưỡi,
ấy là người rợ phương đông,
hay là người rợ phương tây
(Sách Mạnh Tử)

Tên quan Tàu đã khinh khi
ông (Việt Nam) bằng 2 chữ « di »
Vi « di » nghĩa là rợ mọi. Vì
Tàu tư cho họ là rợ mọi hết.

Họ Mạc ứng khẩu đối :

« Ất dư thừa lộ, Nam
phương chi cường dư ?
Bắc phương chi cường
dư ?

Nghĩa là :

Đón nhận lừa ta lại, đó là cái
mạnh của người Phương Bắc,
hay cái mạnh của người Phương
Nam (sách Luận Ngữ.)

Câu này có một ý nghĩa rất
hàm súc, là họ Mạc chê người
Tàu hay vũ dũng (Nhậm kim
cách, tử nhi vô hồi, Bắc phương
chi cường dã) Chỉ có người Việt
Nam mới biết đạo lý, ưa chuộng
hòa bình (khoan nhu dĩ giáo bất
báo vô đạo, Nam phương chi
cường dã).

Đồng thời với Việt Nam,
Triều tiên cũng đặt liên hệ ngoại
giáo với Trung Hoa, cũng coi
như là một phiên thuộc, thường
phải cho sứ thần tới triều cống.
Vì vậy, sứ thần Việt Nam và sứ
thần Triều Tiên thường hay cụng
trán nhau ở trên đất Tàu, rồi

thường hay sinh sự thách đồ thi tài.

Lần đó, tức là lần cùng đầu với Cụ Trạng nhà mình, sứ thần Triều tiên là một họa sĩ tuyệt luân hên đó, nhất là môn tốc ký phóng họa.

Khi sứ thần Triều tiên biết họ Mạc là một người hay chữ quán quân, không dám ngỗ ý thi nghĩa văn thơ, mà lại muốn xin thi vẽ.

Họ Mạc nhận lời thi, ngay Thí sinh (Sứ Việt Nam và Triều Tiên) và quan Giám khảo (vua quan Tàu) chắc mắt thế nào sứ thần Việt Nam cũng thua, vì họ đã biết, sứ Triều tiên là một anh chàng thợ vẽ cừ.

Trường thi là 2 tấm vải trắng 2 chén mực Tàu lớn, cùng 2 cái bút lông. Hạn rằng, Quan trường đánh một tiếng trống thì 2 thí sinh cùng vẽ một sinh vật, vô luận con gì.

Viên sứ thần Triều tiên, cứ nắm bút sẵn lăm lăm nghe trống còn ông trạng Việt Nam thì cứ

để bút giữa bàn và cho 2 tay ra sau lưng. Cả triều đình Tàu và viên sứ thần Triều tiên rất đổi ngạc nhiên.

Bỗng đâu nghe một tiếng trống hiệu « thùng » trong khi viên sứ thần nước bạn vẽ một cái mỏ con chim chưa xong, thì Cụ Trạng Việt Nam cho cả 10 ngón tay vào chén mực rồi đưa lên tẩm vải kéo một loạt.

Vua quan Tàu đồng thanh hỏi :

— Sứ thần Việt Nam vẽ con gì vậy ?

— Thưa tôi vẽ con đụn đất, 10 con chứ không phải một.

Trạng Mạc Việt Nam mới thắng cuộc thi vẽ được mấy hôm đây là một cuộc thắng trí thông minh chứ không phải thắng nghệ thuật hay họa ay thì vua Tàu bị một cô Công Chúa chết yếu. Triều đình Tàu định tổ chức một đám ma lớn. Định lấy sứ thần Triều tiên làm xương lệ viên, sứ thần Việt Nam làm độc chức viên (đọc văn tế).

Nhưng để vót vát thề diện cho sứ thần Triều Tiên vừa bị thua cuộc thi vẽ, mấy ông quan Tàu mới bố trí chơi xỏ bằng cách bài văn tế Nàng Công chúa họ chỉ viết vồn vẹn có 4 chữ « nhất là một ».

Nhưng với bộ óc minh mẫn, mưu trí sáng tạo cho nên khi dâng văn tế ra thấy như thế, mà ông vẫn cứ biệt ra đọc trôi chảy. Không những thế, mà còn là một kiệt tác phẩm mà cả văn gia Trung quốc phải thất kinh.

Bài văn tế như sau :

« Thanh thiên « nhất » đóa vân
 « Hồng lô « nhất » diêm tuyết
 « Quỳnh uyển « nhất » chi hoa
 « Giao tri « nhất » phiến nguyệt

Ô hô !!!

« Vân tán, tuyết tiêu,
 « Hoa tàn, nguyệt khuyết!
 « Thiên tử thông tâm
 « Vạn dân khắp huyết.

Chúng ta tạm dịch :

« Một đám mây giữa trời xanh
 « Một giọt tuyết trong lò đỏ
 « Một bông hoa vườn Quỳnh uyển
 « Một mảnh trăng trên giao tri

Nhưng hỏi ơi !!!

« Mây tan tuyết biến
 « Hoa rũ trăng tàn
 « Thiên tử đau lòng
 « Muôn dân khóc than »

Đọc xong bài văn vua tôi nhà Hồ Nguyên cũng như sứ thần Triều Tiên bái phục hết cỡ.

Neurotonic

BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ

Những đêm hè nóng nực, cũng ở cuối hành lang kia. Liệu mặc áo mỏng, chờ một ngọn gió đến làm dịu mát thân thể. Liệu như một lò lửa bùng bùng. Hành lang của ánh trắng lãng mạn. Của những đêm hè nung đốt. Của dục vọng. Của thâm kịch. Của tình yêu và của oán thù. Những lời nguyện rửa, những giọt lệ đã nhỏ xuống ở đây, ở hành lang này, của tội lỗi, của xác thịt, của những vết thương không bao giờ hàn gắn, của những oán thù không bao giờ tha thứ. Hành lang của những trận bão tàn phá. Bây giờ là của lãng quên phai nhòa.

Trích trong .

Cũng đủ lãng quên đời

truyện dài của MALTHẢO
HỒNG-ĐỨC xuất bản. Đã bày bán khắp nơi

Tìm đọc :

Dạ khúc

Tập truyện của NGUYỄN-NGHIỆP-NHƯỞNG

* Một lối viết độc đáo với những biểu tỏ lạnh lùng về cuộc sống vô vị đầy đầy những buồn rầu thâm thiết.

* Một tác phẩm làm cho người đọc bứt rứt và khiếp hãi,

Sartre và Heidegger Trên thảm xanh

Biên khảo của TAM-ÍCH

* Một công trình biên khảo đại qui mô, trình bày khúc chiết và phê phán công minh những giá-trị đích thực của triết lý hiện sinh.

HỒNG ĐỨC xuất bản

MỌI NƠI

TRONG MỌI GIA ĐÌNH



Nước ngọt CON CỌP mỗi chai
là nguồn vui mạnh kéo dài tuổi Xuân

Nhà hàng Đại-La - Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bản thân đã dợt hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống **Lối Công Hoàn « Ông Tiên »**. Các tiệm thuốc có bán bán lẻ. **Nhà thuốc Ông-Tiên** Phú-Lâm Cholon. K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới đó không phải thoa phết sơ sai ngoài da mà hết. Uống **Già phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »** Trên 30 năm danh tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N. BYT. số 3—9-5-63)

Bưu-phiếu hay thư từ tiền bạc xin đề :

Ô. NGÔ-QUANG-PHƯỚC
TY QUẢN-LÝ TẠP-CHÍ PHỒ-THÔNG
231 Phạm-ngũ-Lão Saigon

Giấy phép số 292 CDVITTING ngày 9-10-1961
Chủ-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN
231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON
Đ.T. : 25.861

GIÁ : 30 đồng
Công số : gấp đôi